



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **44**

(2803)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 2 - 11 - 2013



Mình họa của THÀNH CHUÔNG

NỖI LẦU

Truyện ngắn của THIẾT NGƯNG

(Xem trang 8)

Nhận lời mời của nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam; đoàn nhà văn Trung Quốc do nhà văn Thiết Ngung, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc dẫn đầu sẽ sang thăm và làm việc với Hội Nhà văn Việt Nam trong 3 ngày, từ 3 đến 6 tháng 11 năm 2013.

Đoàn gồm có các nhà văn, nhà thơ sau:

• Nhà văn Tie Ning (Thiết Ngung), Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc.

• Nhà văn Aikebaier Mijiti (Ngải Khắc Bái Nhi - Mễ Cát Đế), Tổng biên tập tạp chí Nhà văn Trung Quốc

• Nhà văn Liu Yong (Lưu Dững), Giáo sư khoa tiếng Trung, trường Đại học Thanh Hoa.

• Nhà văn Wei Wei (Ngụy Vĩ), Cán bộ Hội Nhà văn tỉnh Quảng Đông.

• Nhà văn Cirenluobu (Thử Nhân La Bố), Cán bộ Hội Liên hiệp các Tổ chức văn nghệ Tây Tạng.

• Nhà văn Zhang Tao (Trương Đào), Phó trưởng Ban Liên lạc đối ngoại Hội Nhà văn Trung Quốc.

Nhân sự kiện này, tuần báo Văn nghệ xin trân trọng giới thiệu một số sáng tác, hình ảnh và bài viết của các nhà văn Trung Quốc và Việt Nam về một số các hoạt động giao lưu, dịch thuật giữa hai Hội Nhà văn và hai nền văn học trong những năm gần đây.

VĂN NGHỆ

VÀI NÉT VỀ HỘI NHÀ VĂN TRUNG QUỐC



Biểu trưng của Hội Nhà văn Trung Quốc

Hội Nhà văn Trung Quốc (Trung Quốc tác gia hiệp hội, gọi tắt là Trung Quốc tác gia hiệp), là một đoàn thể xã hội có tính chuyên nghiệp, cấp trung ương của các nhà văn, cũng là một đơn vị cấp Bộ quốc gia (Chủ tịch Hội hàm Bộ trưởng). Tiền thân là *Hội những người làm công tác văn học toàn quốc Trung Hoa* (Trung Hoa toàn quốc văn học công tác gia hiệp hội, gọi tắt là Toàn quốc văn hiệp), thành lập ngày 23 tháng 7 năm 1949, tại Bắc Bình (Bắc Kinh ngày nay); Tháng 10 năm 1953 đổi tên thành Hội Nhà văn Trung Quốc, tính đến cuối năm 2013, có 44 hội viên đoàn thể, 9.301 hội viên cá nhân. Dưới Hội Nhà văn Trung Quốc có tổ chức Hội Nhà văn của các tỉnh, thành phố trực thuộc.

Nhiệm vụ chủ yếu của Hội Nhà văn Trung Quốc là: Tổ chức nhà văn học, tiến hành bình xét giải thưởng văn học, tiến hành nghiên cứu lý luận văn học, triển khai bình luận văn học lành mạnh có cơ sở lý luận và phê bình văn học thực sự cầu thị. Phát triển và bồi dưỡng lực lượng mới về sáng tác, bình luận, biên tập, phiên dịch văn học các dân tộc, thúc tiến văn học các dân tộc phát triển. Tăng cường mối liên hệ với các nhà văn trong các khu vực Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao và đồng bào hải ngoại, thúc tiến giao lưu văn học giữa Trung Quốc với nước ngoài, thay mặt nhà văn Trung Quốc tham gia hoạt động văn học quốc tế. Phản ánh ý kiến và yêu cầu của nhà văn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên, theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Trong Hội Nhà văn Trung Quốc *thiết lập* các bộ môn chức năng Văn phòng, Ban Nhân sự, Ban Liên lạc đối ngoại, Ban liên lạc sáng tác, v.v... và Đảng ủy cơ quan. Các bộ môn này phụ trách phối hợp điều hành công tác cơ quan và công tác tổ chức hội vụ, tiến hành quản lý nhân sự, sắp xếp nhà văn Trung Quốc và nước ngoài, đòi hỏi bên thăm hỏi lẫn nhau, tiến hành giao lưu văn học, cùng hội viên liên lạc với Hội Nhà văn và đoàn thể của các địa phương, tổ chức bình xét giải thưởng văn học và tiến hành quản lý hội tịch của hội viên, phụ trách xây dựng cơ quan.

Hội Nhà văn Trung Quốc quản và tổ chức thực hiện 9 tờ báo và tạp chí, bao gồm *Văn nghệ báo*, *Nhân dân văn học*, *Thi san*, *Dân tộc văn học*, *Trung Quốc tác gia*, *Tiểu thuyết tuyển san*, *Tác gia văn trích*, *Văn học nhà trường Trung Quốc*, *Hoàn cầu xi nghiệp gia* và *Nhà xuất bản Nhà văn*.

Giải thưởng văn học Trung Quốc: Nhằm đẩy mạnh và tôn vinh sáng tác văn học Trung Quốc đương đại, Hội Nhà văn Trung Quốc thành lập 5 giải thưởng văn học lớn có vinh dự cao nhất Trung Quốc, là Giải thưởng văn học Lỗ Tấn, Giải thưởng Văn học Mao Thuần, Giải thưởng văn học thiếu nhi ưu tú toàn quốc Tống Khánh Linh, Giải thưởng sáng tác văn học dân tộc thiểu số toàn quốc và Giải thưởng văn học thanh niên Trang Trọng Văn.

Cơ quan quyền lực cao nhất của Hội Nhà văn Trung Quốc là **Đại hội đại biểu toàn quốc** (trước đây gọi là Đại hội đại biểu hội viên).

Lãnh đạo Hội Nhà văn Trung Quốc qua các thời kỳ:

Nhà văn *Mao Thuần* (1896-1981)
Chủ tịch ba khoá I, II, III. (từ năm 1949 đến năm 1981, phần còn lại của khoá III do Phó chủ tịch điều hành)
Nhà văn *Ba Kim* (1904-2005)
Chủ tịch ba khoá IV, V, VI. (từ năm 1985 đến năm 2005)
Nhà văn *Thiết Ngung* (sinh năm 1957)
Chủ tịch các khoá VII, VIII (từ năm 2006)

PV tổng hợp
(Theo www.chinawriter.com.cn)

VĂN HỌC TRUNG QUỐC NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

NGOÀI niềm vui lớn cho văn đàn là Mạc Ngôn được trao giải Nobel dành cho văn học ra, sáng tác văn học năm 2012 nhìn chung không khởi sắc bằng năm 2011. Tuy vậy, dù bị văn học thị trường chen ép, nhà văn của dòng văn học nghiêm túc vẫn cố gắng cách tân để đạt được bước tiến mới. Sau đây là một số nét cụ thể.

1. TRUYỆN DÀI

a. Về đề tài nông thôn. Trong năm, khó mà tìm được một tác phẩm về đề tài nông thôn theo ý nghĩa truyền thống lấy xã hội nông thôn làm vũ đài, lấy nông dân tương đối thuần túy làm nhân vật chính. Truyện dài viết về đề tài này phần nhiều miêu tả cuộc sống ở thị trấn, nơi giao thoa giữa thành phố và nông thôn. Sự biến đổi nổi bật này cho thấy văn học viết về nông thôn vốn có bắt đầu đi đến điểm cuối, để từ đây mở đầu chính thức cho văn học nông thôn kiểu mới.

Sở dĩ vùng giao thoa giữa thành phố và nông thôn trở thành trọng tâm mới là do có tương quan mật thiết với những biến đổi lớn của đời sống xã hội những năm gần đây: nông thôn phần nhiều tiến dần tới đô thị hóa nhưng đô thị mới lại chưa thoát hẳn nông thôn, vì thế có tình trạng hỗn tạp. Tính chính thể của văn minh nông thôn mất đi, hiện thực đô thị trong biến động lại đầy rẫy tính không xác định, vì thế nhà văn rất khó nhận thức và nắm bắt hiện thực nông thôn ở trạng thái này.

Dù vậy, một số nhà văn vẫn kiên trì bám trụ vùng giao thoa, nhìn thẳng vào hiện thực. Tác phẩm đáng mừng có *Tôi không phải Phan Kim Liên* của Lưu Chấn Văn, *Quyển sách sinh mệnh* của Lý Bội Phủ, *Nói về mười ngày sinh tử* của Tôn Tuệ Phần, *Trung Quốc ở Lương Trang* của Lương Hồng....

b. Về đề tài đô thị. Đô thị Trung Quốc luôn ở trong quá trình nổi lên, mở rộng và tăng thêm cả về số lượng lẫn qui mô. Theo đà phát triển chóng mặt của kinh tế, con người không ngừng theo đuổi lý tưởng, tùy ý buông thả dục vọng và số phận cũng gian nan, vô thường trong cuộc phấn đấu ngoạn cường độ. Điều đó khiến cho người cùng sống ở đô thị nhưng hoàn cảnh và cảm thụ lại khác nhau. Có thể nói, khi viết về hưng, suy của xã hội Trung Quốc đương đại, thể hiện nỗi niềm, lo của người Trung Quốc hiện nay thì cách nghĩ của nhà văn chênh nhau rất rõ nét. Có người thích quan sát sự biến đổi lạng lẹ của đô thị hiện nay trong trạng thái văn hóa mới cũ đan xen, có người muốn viết về cuộc sống đô thị đổi mới trong sự hội nhập và va đập giữa văn hóa Đông, Tây. Thế là tiểu thuyết về đề tài đô thị năm 2012 có hai hướng sáng tác: viết về cuộc sống đô thị và viết về văn minh đô thị. Tác phẩm đáng kể có *Trạng nguyên làm mới* của Diệp Quảng Cẩm, *Song sinh tử* của Đặng Tiêu Lan, *Người trong mây* của Lộ Nội, *Nghiêng đến chốn sâu* của Bành Danh Yến, *Kể phiêu bạt* của Tôn Ngung....

c. Về đề tài lịch sử. Lịch sử ở đây chỉ là tương đối, có khi là sự việc xảy ra cách hiện tại ba, bốn chục năm, chưa thật sự đúng với ý nghĩa "lịch sử". Nhưng chính ở quãng quá độ giữa lịch sử và hiện thực ngày nay ấy, nhà văn đã mở ra một không gian tự sự rộng lớn, để cập tình người trong diễn tiến lịch sử hoặc tình đời ấm lạnh khi nhìn lại tháng ngày đã qua. Tác phẩm được chú ý gồm: *Ngân ngư lai* của Nhiệm Chính Văn, *Sống Mọc Điệp* của Lý Kiến, *Bang Đại Xa* của Đỗ Quang Huy, *Phồn hoa* của Kim Vũ Trùng.

d. Về đề tài tinh thần. Đời sống xã hội phức tạp, luôn biến đổi khiến con người khó thích ứng, dẫn đến sự biến động đủ loại của trạng thái tinh thần, tạo nên độ vênh giữa hiện thực và lý tưởng, vì thế trạng thái và hiện

tượng tinh thần của con người hiện nay càng ngày càng trở thành tiêu điểm chú ý của các nhà tiểu thuyết. Một số nhà văn đặc biệt chú ý đến hiện tượng này là Chu Đại Tân với *An hồn*, Triệu Đức Phát với *Căn đạo*, *Khôn đạo*, Cách Phi với *Chiếc áo ẩn thân*, Hồng Kha với *Khó làm người tốt*.

2. LỬA NHÀ VĂN "TRUNG GIAN" PHÁ VÒNG VÂY

Năm 2012, văn đàn Trung Quốc cũng có được niềm vui khác, tuy nhỏ nhưng cũng đủ khích lệ giới sáng tác văn học và bạn đọc yêu sách. Đó là sự "phá vòng vây" tập thể của lửa nhà văn sinh sau năm 70.

Lửa nhà văn sinh sau năm 60 như Dư Hoa, Tô Đồng, Tát Phi Vũ, Cách Phi v.v... từng được coi là thế hệ tân sinh, là lửa tiên phong do tác phẩm của họ phần lớn đột phá văn học kinh điển hóa của lửa sinh sau năm 50, hiện đã có bề dày từng trải, đã thành danh và cũng sắp thành kinh điển hóa. Lửa nhà văn sinh sau năm 80 thì đang tung hoành trên thị trường, nổi tiếng ở mức độ nhất định. Còn lửa nhà văn sinh sau năm 70 kẹp giữa hai lửa trên thì bấy lâu nay "mất tiếng nói", dù họ văn âm thầm, lặng lẽ sáng tác tiểu thuyết thuộc dòng văn học thuần. Trải qua những khốn khó ở tuổi thanh xuân và tuổi nhi lập tràn trở kiếm sống bằng nhiều nghề, năm 2012, họ hầu như không hèn mà cùng bùng nổ tập thể, cất lên tiếng nói của riêng mình khiến ai nấy đều ngạc nhiên.

Họ hầu hết không phải nhà văn chuyên chức mà là nhà văn kiêm chức. Điềm qua một số gương mặt của lửa "trung gian", ta thấy:

Miêu Vĩ lớn tuổi nhất (sinh năm 1968) là Phó chủ biên tờ tuần san Tam Liên sinh hoạt, bình luận viên thể thao v.v.... Tác phẩm đã xuất bản gồm: tập truyện *Trở phi linh hồn vỗ tay hát*, *Đêm tối phi hành*, *Quả nhân cô tật*. Cảm giác mạnh nhất của bạn đọc là sức tưởng tượng kỳ lạ như suối tuôn, tự sự kỳ ảo nhiều vẻ, cấu tứ bất ngờ, nhưng lại được viết bằng lối văn trong sáng, trữ tình ở tác phẩm của anh. Truyện được bạn đọc thích nhất là *Sáng chủ nhật đi xa*.

Ngõa Đương là nhà thơ, kiêm xuất bản sách, sinh năm 1975. Đã xuất bản tiểu thuyết *Man mác lạng thinh*, *Đi lên thế giới*, *Bi thương trong đời người*.

Những tình cảm cháy bỏng và ham muốn mãnh liệt của tuổi trẻ thường tiềm ẩn rất sâu trong truyện của anh. Cuốn hút bạn đọc nhất là chi tiết trong truyện, xúc giác nhạy bén, tinh thần mềm dịu ở anh tạo nên vị trữ tình cao nhất. Chỉ khi nào đọc xong tác phẩm, đọc giả mới cảm nhận được cơn tìm cuốn cuộn dâng trào của tác giả.

Tào Khẩu là thầy giáo-nhà văn, có phong cách và tính thần phản nghịch nhất trong lửa "trung gian". Tuy sinh năm 1977 nhưng rất nhiều tác phẩm

đã được xuất bản: tập truyện *Thích chết rồi*, *Càng ngày càng*, *Một cây mọc trên mái nhà* cùng nhiều truyện tiêu biểu như *Người gạt lùa bao giờ cũng eo cong, lưng gù*, *Có thể mang giúp túi rác này xuống lầu vứt đi không?*, *Đào xuống nữa là nước Mỹ* v.v... Truyện của anh góc cạnh phân minh, câu ưa dùng ngắn, tự sự gọn gàng, trực tiếp biểu đạt chủ đề, thường động đến những vấn đề bức xúc trong xã hội, xia trúng tinh thần ủy mị của người đương thời nên tính tiên phong rất đậm.

Lộ Nội sinh năm 1973, liên trong nửa năm 2007, tạp chí danh tiếng *Thu hoạch* đã đăng liền hai truyện dài của anh là *Thiếu niên Babylon* và *Hành trình theo đuổi cô nàng*. Trong lúc các nhà văn trẻ khác được mơ mộng trên ghế đại học thì 19 tuổi anh đã làm công nhân về điện ở nhiều tỉnh thành, rồi làm thủ kho, kế toán, viên chức, thiết kế máy tính, tiểu thương, phát thanh viên, phó nháy.... Văn viết dí dỏm, hài hước khiến người đọc mỉm cười xong lại thấy thương tâm.

Đầu năm 2012, tập truyện *Một cây mọc trên mái*



Từ trên xuống: Phùng Đường, Tào Khẩu, Miêu Vĩ.

NHÀ VĂN THIẾT NGƯNG, CHỦ TỊCH HỘI NHÀ VĂN TRUNG QUỐC

SÁNG TÁC VĂN HỌC LÀ BẢN MỆNH CỦA TÔI

Nữ nhà văn Thiết Ngưng, họ Khuất, sinh tháng 9 năm 1957, tại Bắc Kinh; quê cha đất tổ huyện Triệu, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, bà đã cùng những thanh niên trí thức đi lao động ở vùng nông thôn Bắc Đẩu.

Năm 1975 bắt đầu công bố tác phẩm văn học; Năm 1982 gia nhập Hội Nhà văn Trung Quốc.

Nhà văn Thiết Ngưng đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Biên tập tiểu thuyết của tạp chí *Hoa Sơn*, Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật tỉnh Hà Bắc; Ủy viên BCH, Chủ tịch, Phó bí thư Đảng đoàn Hội Nhà văn tỉnh Hà Bắc; Ủy viên khoa 4, Phó chủ tịch khoa 5, khoa 6, Chủ tịch khoa 7, khoa 8 Ban Chấp hành toàn quốc Hội Nhà văn Trung Quốc; Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa 16, khóa 17; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa 18; Giáo sư kiêm chức của các trường Đại học Hà Bắc, Đại học Sư phạm Hà Bắc, Đại học Thượng Hải.

NHÀ văn Thiết Ngưng đã xuất bản nhiều tác phẩm: Các truyện dài *Cửa hoa hồng*, *Thành phố không mưa*, *Thiếu nữ tâm*, *Hoa gạo*; Các truyện vừa *Đông rơm*, *Đổi mặt*; các tập truyện ngắn *Chơi với trời chiều*, *Ôi, Hương Tuyết*, *Câu chuyện tháng sáu*; Tổng tập *Thiết Ngưng văn tập* (5 quyển)... cùng trên 100 thiên (bộ) tản văn, kịch bản văn học điện ảnh, với tổng dung lượng trên 30 triệu chữ Hán.

Tập tản văn *Đêm trắng của thiếu nữ* được trao Giải thưởng văn học Lỗ Tấn lần thứ nhất (1995-1996). Truyện vừa *Xa mãi là bao lâu* được trao Giải thưởng văn học Lỗ Tấn lần thứ hai (1997-2000). Bộ phim truyện nhựa cải biên từ truyện ngắn *Ôi, Hương Tuyết* (do bà viết kịch bản) được trao Giải thưởng cao nhất phim trẻ tại Liên hoan phim quốc tế Berlin lần thứ 41. Bộ phim điện ảnh *Thiếu nữ áo đỏ* (cải biên từ tiểu thuyết cùng tên của bà) được trao Giải thưởng phim truyện ưu tú, Giải Kim Kê, Giải Bạch Hoa của điện ảnh Trung Quốc năm 1985.

Nhiều tác phẩm của Thiết Ngưng đã được dịch sang các thứ tiếng nước ngoài, được xuất bản ở các quốc gia: Anh, Pháp, Đức, Nhật, Nga, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Việt Nam... Riêng những tác phẩm đã được dịch sang tiếng Việt và xuất bản ở Việt Nam, Thiết Ngưng đã có một số lượng đáng kể:

Cho đến nay đã có 3 trong tổng số 4 bộ trường thiên tiểu thuyết của bà được chuyển ngữ sang tiếng Việt, đó là: *Thành phố không mưa*, Sơn Lê

dịch, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, ấn hành năm 2004

Người đàn bà tắm, Sơn Lê dịch, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, ấn hành tháng 2 năm 2006

Cửa hoa hồng, Sơn Lê dịch, Nhà xuất bản Phụ nữ, ấn hành tháng 3 năm 2007

Bà cũng đã có một tập truyện ngắn dịch sang tiếng Việt. Đó là *Chơi với trời chiều*, Sơn Lê dịch, Nhà xuất bản Hội Nhà văn liên kết với Công ty phát hành Nhà Nam, ấn hành tháng 12 năm 2007. Ngoài ra, nhiều truyện ngắn khác của Thiết Ngưng đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt và đăng tải trên báo chí Việt Nam, được giới phê bình và độc giả hoan nghênh, trong đó truyện ngắn *Phòng khám phụ khoa* được giới lý luận phê bình văn học Trung Quốc đánh giá là "một tìm tòi đáng quý trong khai thác đề tài mới" khi mở xé nội tâm của tầng lớp phụ nữ bước vào tuổi tiền mãn kinh. Bản dịch của dịch giả Vũ Phong Tạo, đăng trên tạp chí *Nhà văn* của Hội Nhà văn Việt Nam, số 6-2011, được trao Tặng phẩm *Tác phẩm hay tạp chí Nhà văn* năm 2011.

Gần đây, một số truyện ngắn đặc sắc khác như *Ôi, Hương Tuyết*, *Nổi Lửa*, *Vương miện của Ilina*; hay các truyện cực ngắn *Một việc nhỏ*, *Chạy trốn*; cùng một số bài phát biểu của nhà văn Thiết Ngưng về thơ ca, về văn học thiếu nhi, về truyện cực ngắn, về giao lưu văn học quốc tế, cũng được dịch sang tiếng Việt và đăng tải trên báo, tạp chí văn học nghệ thuật có uy tín của

VƯƠNG THÂN (Trung Quốc)

Việt Nam. Đây có thể coi là những món quà quý về giao lưu văn học giữa các nhà văn Trung Quốc và Việt Nam.

Trong Lễ trao Giải thưởng văn học năm 2008, Thiết Ngưng đã để lại ấn tượng trong các nhà báo là tài hoa lão luyện song không mất đi vẻ thân thiết, đúng như tên gọi của bà.

Có người đã đánh giá, Thiết Ngưng một mình đóng ba vai: Thân phận Chủ tịch Hội Nhà văn, thân phận nhà văn và thân phận phụ nữ. (Cũng có người nói Thiết Ngưng là một con người có ba thân phận: Thân phận nhà chính trị, thân phận nhà văn và thân phận phụ nữ - VPT). Trong bối cảnh văn hoá của Trung Quốc, muốn làm cho ba thân phận ấy thống nhất hài hoà là một dạng trí tuệ nhân sinh rất cao.

Thiết Ngưng thường xuyên mỉm cười và có câu nói cửa miệng: "Sáng tác là bản mệnh của tôi".

Trên thực tế, Thiết Ngưng đã làm được, trí tuệ của bà thể hiện ở chỗ yêu nồng nàn mảnh đất quê hương và giữ vững hoạt động sáng tác văn học trên 30 năm. Trong cuộc đời của bà có ba lần biến đổi trọng đại: 27 tuổi trở thành một Ủy viên thường trực trẻ nhất trong lịch sử Hội Nhà văn Trung Quốc; 39 tuổi trở thành Phó chủ tịch trẻ nhất từ khi thành lập Hội Nhà văn Trung Quốc; 49 tuổi tái đắc cử Chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc. Trẻ trung với mọi người là một điểm sáng, còn đối với bà, kiên trì sáng tác mới là điểm sáng.

Trong trên một trăm tác phẩm, Thiết Ngưng được trao rất nhiều giải thưởng văn học lớn. Chỉ nói riêng *Ôi, Hương Tuyết*, *Chiếc áo đỏ không có cúc* và *Câu chuyện tháng sáu* đã lần lượt được trao Giải thưởng truyện vừa, truyện ngắn toàn quốc.

Bộ phim điện ảnh *Hương Tuyết* (do bà viết kịch bản) được trao Giải thưởng cao nhất phim trẻ tại Liên hoan Phim quốc tế Berlin lần thứ 41; Bộ phim *Chiếc áo đỏ không có cúc* được trao Giải thưởng Kim Kê điện ảnh Trung Quốc năm 1985 và Giải thưởng Bạch Hoa cho phim truyện ưu tú năm 1985.

Mặc dù tác phẩm của Thiết Ngưng viết về những "nhân vật nhỏ", song cũng đem lại sức rung cảm chấn động



Nhà văn Thiết Ngưng.

manh cho người đọc và khán giả.

Thiết Ngưng nói: "Mục đích cuối cùng của văn học không ở chỗ niềm vui nỗi buồn nhỏ bé của cá nhân, mà là thông qua niềm vui nỗi buồn của nhân vật mà phản ánh hiện thực."

Bà cho rằng, văn học cần gánh vác một chức năng quan trọng.

Bà đã từng nói bà thích câu nói của Ba Kim tiên sinh: "Văn học có thể đem lại cho con người ánh sáng, nhiệt tâm và hy vọng, có thể làm cho con người trở thành lương thiện hơn, thuần khiết hơn, hữu dụng hơn đối với người khác."

Thiết Ngưng nói, sáng tác là bản mệnh (lập mệnh chi căn) của bà. Cũng chính là với tinh thần này, từ tháng 10 năm 1996, đặc cử là Chủ tịch Hội Nhà văn tỉnh Hà Bắc đến nay, Thiết Ngưng không bỏ qua sự nghiệp sáng tác mà mình yêu cháy bỏng. Năm 1997 truyện ngắn *Đêm ở Andre's* được Giải thưởng trong năm của *Tạp chí tiểu thuyết chọn lọc*; Tập tản văn *Đêm trắng của đàn bà* được "Giải thưởng Văn học Lỗ Tấn" lần đầu tiên (1995-1996); Tiểu thuyết *Những người đàn bà tắm* công bố đầu năm 2000 đã gây chấn động văn đàn Trung Quốc; Truyện vừa *Xa mãi là bao lâu* công bố năm 2001 được trao "Giải thưởng văn học Lỗ Tấn" lần thứ ba (2001-2003).

Giữa ba thân phận trong một con người, Thiết Ngưng vẫn giữ vững được hai hoà, đây là một dạng trí tuệ nhân sinh, hơn thế nữa là một dạng tự nhiên thiên thành. Mà càng trở nên thiên thành là những tác phẩm phản ánh sâu sắc hiện thực và thái độ nhân sinh chân thành mà bà đã tạo nên...■

VŨ PHONG TẠO chọn dịch

nhà, Quả nhân có tật rồi truyện *Người trong mây* và truyện của nhà văn "trung gian" khác như *Bắc Kinh*, *Bắc Kinh* của Phùng Đường (bác sĩ phụ khoa) đồng loạt xuất bản, lại thêm các hoạt động văn học khác, đã gây nên cơn sốt. Trong niềm vui đó, cuộc hội thảo *Lửa trung gian phá vòng vây văn học* đã được tổ chức tại Bảo tàng văn học hiện đại, Bắc Kinh, tháng 3 năm 2012, tại đây "lửa trung gian" đã trở thành tên gọi chính thức số nhà văn sinh sau năm 70 này.

Hội thảo đã thảo luận một số vấn đề về họ:

- Họ hầu hết là nhà văn kiêm chức nên sáng tác văn học là niềm vui lớn, niềm yêu lớn, có người còn nói là sinh mệnh của mình, không tính đến tiền bạc. Lộ Nội nói: "Nếu sáng tác nhằm kiếm lợi lớn thì ắt có rủi ro. Rủi ro lớn nhất là thời gian và danh dự. Nếu bắt đầu viết đã định vị là nhà văn có tác phẩm bán chạy thì có lẽ cả đời cũng không thực hiện nổi. Tôi luôn giữ lại cho mình "mức sàn", không coi trọng danh lợi để tránh lỡ không cần thận trọng vào một cửa khác. Cửa này không phải dở, nhưng mà tôi không muốn".

- Tên gọi "lửa trung gian" được trao đổi nhiều nhất. Có người cho rằng bây giờ là thời đại chín mười của họ, họ "nhỏ đầu mọc" nhờ năng lực sáng tác của mình, có thể coi họ là "lão làng" được rồi. Họ nổi lên trước, sau đó mới dần dần "lửa trung gian" là hợp quy luật. Sở dĩ văn đàn phân loại nhà văn để dán mác chứng tỏ văn học Trung Quốc rất phong phú, tác phẩm đủ các thể loại và loại hình. Tuy nhiên có người cũng băn khoăn, khái niệm "lửa trung gian" rất khó khái quát lửa nhà văn này. Rốt cuộc họ sẽ đi được bao xa, bao lâu? Trước đây văn đàn

đã từng khái quát thành văn học hậu hiện đại của Trung Quốc nhưng trải qua năm tháng, tự thân chủ nghĩa hậu hiện đại cũng đã không còn phù hợp với tên gọi.

- Đặc điểm sáng tác của "lửa trung gian" như Lộ Nội nói là viết người nào ra người ấy, từ nông dân ra tỉnh làm thuê đến sinh viên đại học.... "Sáng tác văn học nên chuyên chú viết về lĩnh vực nào là điều khó nói. Nếu tham vọng không quá lớn, tôi cho rằng lửa trung gian nên viết cho hay những gì mình từng trải và trung thực với thể nghiệm của mình". Tôn Thư Văn, Phó giáo sư Viện Văn học trường đại học Sơn Đông tán thành ý kiến trên. Ông phân tích: "Nhà văn lửa 50. 60 trải qua quá nhiều sự kiện xã hội lớn như cách mạng văn hóa, thanh niên trí thức về nông thôn lao động, sinh đẻ có kế hoạch, một nhân vật điển hình được sáng tác về cơ bản có thể khái quát số phận một thế hệ. Bởi vậy, khi sáng tác họ thích theo đuổi lý tưởng và lãng mạn. Còn "lửa trung gian" là thế hệ lớn lên trong tiếng loa phát thanh nên họ thiên về nội tâm, làm việc gì cũng suy nghĩ, vì thế sáng tác của họ chú trọng thể hiện nội tâm".

Sau hội thảo, tháng 6 năm 2012, Tủ sách Hồ Lô Sắt đã xuất bản tập truyện đầu tiên *Lửa trung gian. Tác phẩm tiêu biểu*, gồm mười truyện ngắn ứng ý nhất của mười nhà văn "trung gian" nam xuất sắc nhất. Ngoài năm người đã nhắc đến ở trên, còn có năm nhà văn nổi bật khác là A Đình (bác sĩ gây mê), A Ất (cảnh sát), Lý Sư Giang, Sài Xuân Nha (nhà báo, phó nháy), Tiết Úc Vĩ (tiến sĩ văn học, ngôn ngữ học).

Tháng 8 năm 2012, Tủ sách Hồ Lô Sắt lại xuất bản tập truyện thứ hai *Tân nữ tính. Tác phẩm tiêu biểu* gồm

mười truyện ngắn ứng ý nhất của mười nhà văn "trung gian" nữ xuất sắc nhất, gồm Tây Môn Mị, Thịnh Khả Dĩ, Vu Ngang, Lục Yêu, Trương Huệ Văn, Nhậm Hiểu Văn, Tẩu Tẩu, Diệp Tam, Diệp Dương và Nhan Ca. Sau đây là vài nét về hai người trong số kể trên.

Thịnh Khả Dĩ sinh năm 1970, đã có sáu truyện dài và nhiều tập truyện ngắn xuất bản. Chị đoạt nhiều giải thưởng văn học trong nước, nhiều truyện được dịch sang tiếng Nhật, Hàn, Anh, Đức. Truyện dài đầu tay *Có em phương bắc* được xuất bản ở Anh nên được nhiều bạn đọc phương Tây biết đến. W.Faulkner nói, nhà văn cần có kinh nghiệm sống, có trí tưởng tượng và khả năng quan sát, thiếu một cũng không được. Chị thêm điều kiện thứ tư: máu lửa. Giới bình luận gọi chị là "họ Thịnh hung mãnh", những từ "sắc nhọn", "thô bạo", "đáo đẽ", "chuẩn xác" thường được dùng để đánh giá tác phẩm và lối văn của chị, mặc dù trong đời thường chị là người phụ nữ thật thà, thích nấu ăn.

Nhan Ca ít tuổi nhất, sinh năm 1984. Truyện của chị có sức tưởng tượng tân kỳ, phong cách luôn biến đổi. Truyện dài *Gia đình tôi* đăng trên tạp chí *Thu hoạch* năm 2012 thì tháng 4 năm 2013 được trao giải Tân nhân có tiềm lực nhất của Truyền thông văn học Hoa ngữ lần thứ 11. Vì chị đoạt giải trong cuộc thi Lâm văn theo khái niệm mới do tạp chí *Manh nha* phát động như Trương Duyệt Nhiên nên có người coi chị là nhà văn lửa sau 80, song thực ra truyện của chị thuộc dòng văn học thuần. Hiện chị là Chủ tịch Hội nhà văn trẻ Trung Quốc.■

PHẠM TÚ CHÂU tổng thuật

GIAO LƯU VĂN HỌC VIỆT NAM - TRUNG QUỐC



2. Nhà thơ Hữu Thỉnh và nhà thơ Gao Xing, trưởng đoàn nhà văn Trung Quốc tại Liên hoan thơ Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ Nhất.
3. Đoàn nhà văn Trung Quốc thăm Hội Nhà văn Việt Nam tháng 12-2010.
4. Các nhà văn Trung Quốc và Việt Nam chụp ảnh lưu niệm trong chuyến thăm Hội Nhà văn Việt Nam tháng 11-2002.
5. Các nhà văn Trung Quốc và Việt Nam chụp ảnh lưu niệm tại Liên hoan thơ Châu Á - Thái Bình Dương tháng 2-2012.
6. Nhà văn Nguyễn Trí Huân, Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Trưởng đoàn nhà văn Việt Nam tặng quà cho các nhà văn Trung Quốc trong chuyến thăm Trung Quốc của các nhà văn Việt Nam.

Mối quan hệ gắn bó của hai nền văn học giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc vốn đã có từ lâu đời và thường xuyên được vun đắp thông qua các hoạt động giao lưu mang đầy tinh thần văn hóa, hữu nghị; đặc biệt là từ vài chục năm trở lại đây, thông qua các hoạt động đối ngoại giữa hai Hội Nhà văn của hai nước, nhiều cuộc hội nghị, hội thảo đã được tổ chức; nhiều đoàn nhà văn hai nước đã có những cuộc tham quan để chia sẻ và học hỏi lẫn nhau, góp phần thúc đẩy sự nghiệp quảng bá văn học nói riêng và quảng bá văn hóa nói chung giữa hai nước.

Những hình ảnh dưới đây là sự phản ánh phần nào những khoảnh khắc đáng ghi nhớ đó.

Ảnh: HỮU ĐỔ, PHONG LAN, ĐỖ HIẾU



Tại Hội nghị giới thiệu Văn học Việt Nam lần thứ Hai, Nhà thơ Hữu Thỉnh và GS. Chúc Ngưỡng Tu đã ký kết hợp tác văn học Việt Nam và Trung Quốc.



7. Hội thảo văn học Trung Quốc ở Việt Nam.

8. Đoàn Hội Nhà văn Trung Quốc thăm Báo Văn nghệ - Hội Nhà văn Việt Nam năm 2002.

9. Nhà văn Võ Thị Xuân Hà và nhà thơ Diễm Tiểu Hoa trong buổi chia tay Liên hoan thơ Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ Nhất.



TRONG THẾ GIỚI VĂN CHƯƠNG KHÔNG HỀ CÓ BIÊN GIỚI NÀY

VŨ PHONG TẠO

TRƯỚC và trong Hội nghị Quốc tế Giới thiệu Văn học Việt Nam, được tổ chức tại Hà Nội vào đầu năm 2010, là một đại biểu chính thức của Hội nghị, tôi cứ băn khoăn mãi xung quanh câu hỏi: Tại sao nhiều nhà văn cả Việt Nam, lẫn Trung Quốc, khi nói chuyện với nhau hoặc phát biểu trong hội thảo, đều cho rằng sách văn học Việt Nam được dịch sang Trung văn, xuất bản ở Trung Quốc quá ít ỏi; Ngoài *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Truyện Kiều* của Đại thi hào Nguyễn Du, hình như chỉ có *Những lá thư từ tuyến đầu Tổ quốc* (nhiều tác giả), *Ông cố vấn* (của Hữu Mai) mà thôi?...

Muốn làm sáng tỏ và giải đáp câu hỏi này, tôi đã tranh thủ thời gian, nhanh chóng tìm hiểu sách báo truyền thống in trên chất liệu giấy và báo chí phát lên mạng internet của Trung Quốc và đã sưu tập được một tập tài liệu tham khảo *Văn hoá, văn học Việt Nam tại Trung Quốc* (song ngữ Hán - Việt, bao gồm một số tư liệu về tình hình, tác phẩm văn học, nhà văn Việt Nam và những Di sản, Di chỉ, hoạt động của văn học Việt Nam, đã được giới thiệu ở Trung Quốc), với 135 trang in khổ A4.

Không chỉ có vậy. Và cũng không phải là người Trung Quốc không biết gì, hoặc biết rất ít ỏi về văn học Việt Nam đâu. Trước đó, Văn học Việt Nam đã được giới thiệu trang trọng trong bộ sách công cụ tra cứu đồ sộ và quyền uy của Trung Quốc - Bộ sách *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư*, do Quốc vụ viện (Chính phủ Trung ương) nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa quyết định biên tập và xuất bản từ năm 1978, do Nhà xuất bản *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* phụ trách công tác lớn này. Bộ toàn thư tổng cộng có 80 quyển, mỗi quyển khoảng 12-15 triệu chữ Hán, dày trung bình 700 trang khổ 19x26 cm (tương đương 2.100 trang dịch ra tiếng Việt). Trong bộ sách này, bộ môn Văn học chia làm 3 quyển; 2 quyển văn học Trung Quốc, 1 quyển văn học nước ngoài. Trong đó phần *Văn học Việt Nam* nằm trong quyển *Văn học nước ngoài* do bà Triệu Ngọc Lan, Giáo sư giảng dạy Bộ môn tiếng Việt, Hệ Ngôn ngữ phương Đông, Học viện Ngoại ngữ, Trường Đại học Bắc Kinh biên soạn.

Nữ giáo sư Triệu Ngọc Lan có thâm niên trên 30 năm giảng dạy tiếng Việt và đã đọc lập hoặc tham gia biên soạn nhiều bộ sách quý về văn học Việt Nam, như bộ *Tuyển tập tiểu thuyết hiện đại Việt Nam* gồm 3 tập, do Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh ấn hành, năm 2004. Đây là bộ giáo trình bắt buộc đối với sinh viên khoa tiếng Việt của các trường đại học, cao đẳng ở Trung Quốc. Đặc biệt, bà biên soạn một cuốn sách nhan đề *Giáo trình phiên dịch Hán - Việt* có uy tín, do Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh ấn hành, tháng 1 năm 2002.

Giáo sư Triệu Ngọc Lan còn cùng giáo sư Lư Uy Thu, (là một trong hai người dịch tiếng Việt, được Trung Quốc xếp vào danh sách những nhà phiên dịch ưu tú của Trung Quốc từ xưa đến nay, bà đã dịch nhiều thi phẩm của nhà thơ Lưu Trọng Lư, trong đó hai bài thơ của Lưu Trọng Lư được người đọc Trung Quốc ưa

thích: *Tiếng thu*, *Mưa... mưa mãi*) giới thiệu *Văn học Việt Nam* trên tạp chí *Văn học nước ngoài* (song nguyệt san của Trường Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh) số 1 năm 1980, với 7 trang tạp chí khổ lớn, tương đương 21 trang dịch ra tiếng Việt. Ngoài ra Nữ sĩ họ Triệu còn là người sáng lập và chủ biên những chương trình và giáo trình đại học và sau đại học về: *Cơ sở Việt Nam ngữ*, *Dịch nói tiếng Việt*, *Tiếng Việt*, v.v... Trên báo điện tử *Trung Quốc bách khoa*... Không chỉ có thế, bà Triệu Ngọc Lan còn công bố luận văn *Ngo Tắt Tố và tiểu thuyết "Tắt đèn" của ông sau này*.

Trong khi biên soạn điều mục *Văn học Việt Nam* in trong bộ sách *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* quyển *Văn học nước ngoài*, giáo sư Triệu Ngọc Lan đã tham khảo nhiều cuốn sách quý của Việt Nam, như: *Sơ thảo Lịch sử Văn học Việt Nam* của Văn Tấn, Nguyễn Hồng Phong (5 cuốn, Hà Nội, 1957); *Lược sử Văn học Việt Nam* của nhóm Lê Quý Thuần (3 cuốn, Hà Nội, 1957); *Văn học hiện đại Việt Nam (1945 - 1960)* và *Sơ*

sách *Trung Quốc đại bách khoa toàn thư* mở đầu nói đến trước tác lịch sử văn học *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn, kết thúc bằng giới thiệu tập thơ *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khiến chúng ta liên tưởng đến cả một hành trình lịch sử của dân tộc Việt Nam...

Bên cạnh nội dung *Văn học Việt Nam*, sách báo Trung Quốc còn giới thiệu thân thế và sự nghiệp của những nhà văn, nhà thơ, những cây đa cây đề trên văn đàn Việt Nam, từ cổ chí kim, bằng song ngữ (Hán-Việt hoặc Hán-Anh), như: Nguyễn Trãi, Lê Tư Thành (Vua Lê Thánh Tôn), Đặng Trần Côn, Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Tú Xương, Hồ Biểu Chánh, Tản Đà, Ngô Tất Tố, Tú Mỡ, Đặng Thai Mai, Nguyễn Công Hoan, Thế Lữ, Nhất Linh, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Huy Tưởng, Lưu Trọng Lư, Đỗ Phấn, Nam Cao, Xuân Diệu, Nguyễn Hồng, Huy Cận, Tố Hữu, Tô Hoài, v.v... Đặc biệt, tại các trường đại học, học viện ở Trung Quốc có nhiều

ngiên cứu văn học Việt Nam, người đã dịch tiểu thuyết *Ông Cố vấn* của nhà văn Hữu Mai sang Hán ngữ, đã tham gia biên soạn bộ giáo trình đồ sộ *Tiểu thuyết hiện đại Việt Nam* gồm 3 tập; Giảng viên Hoàng Hoa Hiến, giảng dạy tiếng Việt ở Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây cũng nhớ không nhiều những đầu sách Việt Nam được dịch và xuất bản ở Trung Quốc. Chỉ có nữ sĩ Diên Tiểu Hoa, chuyên viên nghiên cứu của Sở Nghiên cứu Văn học nước ngoài thuộc Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc là có trong tay bản thống kê sách Việt Nam đã dịch và xuất bản ở Trung Quốc, giống như tư liệu của tôi thu thập được qua trang web của Tổng công ty Sách Trung Quốc.

Thực ra, số đầu sách văn học Việt Nam được dịch và xuất bản ở Trung Quốc không chỉ là con số 150. Bởi vì, nhiều bộ sách gồm nhiều tập như *Tiểu thuyết hiện đại Việt Nam* (gồm 3 quyển), *Ông Cố vấn* của Hữu Mai (gồm 2 quyển), *Sao đổi ngôi* của Chu Văn (gồm 3 quyển), v.v... họ cũng chỉ tính là một đầu sách.

Trong số trên 150 đầu sách Việt Nam được dịch sang Trung văn và xuất bản ở Trung Quốc, đều là những tác phẩm nổi tiếng và được bạn đọc Việt Nam ưa thích, từ xưa đến nay, như *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) nghe nói có trên mười bản dịch, *Thơ Hồ Xuân Hương*, *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Những năm tháng không thể nào quên* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Cán Lịch* của Hồ Phương, *Họ sống và chiến đấu như thế* của Nguyễn Khải, *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi, *Xung kích*, *Võ bờ* của Nguyễn Đình Thi, *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Thời thơ ấu* của Phùng Quán (Bản dịch là Thiếu niên du kích anh hùng), *Đất nước đứng lên* của Nguyễn Ngọc, *Bài ca chim Chơ rao* của Thu Bồn, *Quán rượu người cầm* (tập truyện ngắn, trong đó có truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Sáng), *Tranh tối tranh sáng* của Nguyễn Công Hoan, *Mắn và tôi* của Phan Tứ, *Thanh Hải* (tập thơ của Thanh Hải), *Ánh sáng và phù sa* của Chế Lan Viên, *Đêm Tháp mười* (Tập truyện, trong đó có truyện cùng tên của Lê Văn Thảo), *Sống như anh* (Phan Thị Quỳ kể, Trần Đình Văn ghi), Tập truyện ngắn *Cái hom giò* của Vũ Thị Thường, Kịch bản văn học *Nghe số ốc hến* của Hoàng Châu Kỳ, Tập lý luận phê bình *Bảo vệ nguyên tắc tính đảng của văn học* của Hồng Chương, v.v...

Nhiều nhà văn có nhiều tác phẩm được dịch và xuất bản ở Trung Quốc, như nhà thơ Tố Hữu có *Người con gái Việt Nam*, *Giò lộng*, *Quê hương tôi*, *Việt Bắc*, *Chào Trung Quốc*, *Ba mươi năm đời ta có Đảng*, *Tiếng hát đời tôi*, *Miền Nam chiến đấu*, *Tố Hữu thi tập*, v.v...

Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng có 5 tác phẩm là *Truyện anh Lạc*, *Ký sự Cao Lạng*, *Bốn năm sau*, *Tìm mẹ*, *Thằng Quậy*; Nhà văn Nguyễn Văn Bổng có hai tác phẩm *Con trâu*, *Rừng U minh*; Nhà văn Nguyễn Đình Thi có bốn đầu sách: *Tập thơ Chiến sĩ*, các tiểu thuyết *Võ bờ*, *Xung kích*, *Mặt trận trên cao*.

Đó là chưa kể đến 57 tác phẩm được giới thiệu trong bộ giáo trình đại học ở Trung Quốc *Tiểu thuyết hiện đại Việt Nam* gồm 3 tập.

Tập 1 Văn học Việt Nam từ 1930 đến



Nhà văn, dịch giả Vũ Phong Tạo và dịch giả Chúc Ngưỡng Tu tại Hội nghị

thảo Lịch sử văn học Việt Nam (1930 - 1945) của Hoàng Như Mai, v.v...

Nội dung của điều mục *Văn học Việt Nam*, chia làm ba phần lớn: Văn học trước Cách mạng dân tộc dân chủ, Văn học thời kỳ Cách mạng dân tộc dân chủ, Văn học sau Cách mạng tháng Tám.

Mở đầu phần Văn học trước cách mạng dân tộc dân chủ, soạn giả viết: "Sau khi xây dựng vương triều năm 1009, đến năm 1010, Lý Công Uẩn đã hạ *Chiếu dời đô* đến Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Chiếu thư này là văn kiện lịch sử sớm nhất của Việt Nam, đến nay vẫn bảo tồn nguyên vẹn, cũng là ngọn nguồn của văn học Việt Nam. Chiếu thư viết bằng Hán văn rất thành thực".

Cuối phần Văn học sau cách mạng tháng Tám, sau khi giới thiệu tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu gây tranh luận sôi nổi trên văn đàn Việt Nam, giáo sư Triệu Ngọc Lan giới thiệu: "Tập thơ *Nhật ký trong tù*" do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bằng chữ Hán cũng được công bố trong dịp này."

Điều mục *Văn học Việt Nam* trong bộ

luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ của các nghiên cứu sinh viết về *Truyện Kiều* của Đại thi hào Nguyễn Du, *Thơ Hồ Xuân Hương*, về những tác phẩm *Chính phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, v.v...

Nhân dịp kỷ niệm Quốc khánh Trung Quốc lần thứ 60 (1949 - 2009), Tổng công ty Sách Trung Quốc đã tiến hành thống kê những sách văn học nước ngoài đã được dịch sang Trung văn và xuất bản ở Trung Quốc trong 60 năm qua, tính đến ngày 20 tháng 5 năm 2006. Tôi đã tìm được 150 đầu sách của Việt Nam đã được dịch và ấn hành tại đất nước điện tích rộng thứ nhì thế giới, đông dân nhất thế giới, hiện có trên 300 nhà xuất bản ương và địa phương này. Phải chăng vì những nguyên nhân lịch sử, xã hội, văn hoá và thị hiếu khác nhau, mà nhiều người Trung Quốc cũng không nắm bắt được những thông tin này. Ngay đến những đại biểu Trung Quốc có mặt tham dự Hội nghị quốc tế Giới thiệu văn học nước ngoài năm 2010, như: Giáo sư - dịch giả Chúc Ngưỡng Tu, gần nửa thế kỷ giảng dạy và

năm 1945.

Tập 2 Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975.

Tập 3 Văn học Việt Nam từ năm 1975 đến cuối thế kỷ 20.

Đến đây xin được nói thêm cho rõ, Tiểu thuyết của Trung Quốc gồm bốn thành viên: Truyện dài (trường thiên tiểu thuyết), Truyện vừa (trung thiên tiểu thuyết), Truyện ngắn (đoản thiên tiểu thuyết) và Truyện mini - Truyện cực ngắn (vi hình tiểu thuyết, tiểu tiểu thuyết). Vậy nên Bộ *Tiểu thuyết hiện đại Việt Nam* gồm 3 tập được xuất bản tại Trung Quốc gồm các tác phẩm chủ yếu là truyện ngắn của các tác giả thuộc các giai đoạn kể trên.

Tại sao, một thời văn học Việt Nam đã được Trung Quốc dịch và xuất bản nhiều như vậy?

Câu trả lời là: Cuộc chiến đấu của Việt Nam chúng ta đã có thời là tâm xoáy của lịch sử, là lương tâm của thời đại, là lương tri của loài người. Những tác phẩm phản ánh cuộc chiến đấu ấy đương nhiên ít nhiều đều có tính thời đại, đều mang đậm dấu ấn của thời đại ấy.

Chúng ta còn nhớ, một thời Mao Trạch Đông đã từng nói Việt Nam đánh Mỹ là góp phần bảo vệ Trung Quốc. Có lẽ sự nghiệp chống Mỹ của chúng ta đã giải đáp được câu hỏi của thời đại: Một dân tộc người không đồng, đất không rộng, tiềm lực kinh tế chưa mạnh, mà đánh thắng tên đế quốc siêu cường, nên giúp ích rất nhiều cho công tác xây dựng tư tưởng, ý chí chiến đấu cho nhân dân Trung Quốc để họ tán đồng với quan điểm "Đế quốc Mỹ là con hổ giấy" của Mao Trạch Đông. Cho nên các nhà văn, nhà xuất bản Trung Quốc đã tăng cường dịch và xuất bản những tác phẩm văn học của Việt Nam.

Bác Hồ từng nói, đại ý: Sách dịch phải đáp ứng nhu cầu của người đọc và đúng lúc. Tôi nghĩ: Văn học của chúng ta, nhà văn của chúng ta đã có thời viết ra những tác phẩm đáp ứng nhu cầu thời đại như thế! Phải chăng, đó là nguyên nhân *Đất nước đứng lên* của nhà văn Nguyên Ngọc được dịch ra tiếng Tây Ban Nha, và được xuất bản rộng rãi toàn châu Mỹ La tinh. Rồi sau đó, anh hùng Núp trở thành thần tượng của toàn dân Cu ba, được Lãnh tụ Phidien mời và đón tiếp như một thượng khách trên đất nước Cu ba?

Trong *Đêm thơ quốc tế Hạ Long*, tổ chức tại Tuần Châu, tối 8-1-2010, nằm trong lịch trình của Hội nghị quốc tế giới thiệu văn học Việt Nam, theo chương trình đã được nhà thơ Hữu Thịnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Trưởng ban Tổ chức Hội nghị thông qua, thì bộ ba Dịch giả Vũ Phong Tạo (Việt Nam), Giáo sư - Dịch giả Chúc Ngưỡng Tu, nữ sĩ Diên Tiểu Hoa - Nhà nghiên cứu văn học nước ngoài (Trung Quốc) đang đàn đọc thơ song ngữ Hán - Việt ba thi phẩm Việt Nam đã được dịch sang Trung văn và được bạn đọc Trung Quốc ưa thích: *Trăng* của nhà thơ Xuân Diệu, *Tiếng thu* và *Mưa... mưa mãi* của nhà thơ Lưu Trọng Lư. Bộ ba chúng tôi muốn gửi một thông điệp nhỏ đến các nhà văn, dịch giả rằng: Các nhà văn, nhà thơ tiến bộ của chúng ta không hề phải quàng bà rùm beng, mà tác phẩm của họ vượt qua biên giới quốc gia, dân tộc đến với nhân loại. Câu thành ngữ "*hữu xạ tự nhiên hương*" luôn luôn là một chân lý! Các bạn cứ viết hay đi, chúng tôi sẽ sẵn sàng tìm đến và chuyển ngữ, làm cho tác phẩm của các bạn bay cao, bay xa, vang xa hơn nữa trong thế giới văn chương không hề có biên giới này!■

MỘT "MỐI TÌNH" DÀI VÀ SÂU ĐẬM VỚI VIỆT NAM

NGUYỄN PHAN QUẾ MAI



Nhà thơ Hữu Thịnh trao tặng Huy chương Vì sự nghiệp VHNT cho giáo sư Chúc Ngưỡng Tu

Ảnh: HỮU ĐÓ

Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu là một trong những dịch giả văn học Việt Nam hàng đầu, người đã hết lòng truyền bá ngôn ngữ, văn hoá và văn học Việt Nam tại Trung Quốc từ hàng chục năm qua. Tại Hội nghị Quốc tế Giới thiệu Văn học Việt Nam, được tổ chức tại Hà Nội vào đầu năm 2010, với phong thái điềm đạm, ung dung, và cách sử dụng tiếng Việt trôi chảy, tự nhiên như... người bản xứ, ông đã đọc bài tham luận, với câu kết đầy ấn tượng: "bây giờ, tuổi tôi ngày càng cao, ước muốn duy nhất của tôi là có được sức khoẻ tốt, nhằm chăm sóc cháu nội của mình, đồng thời dịch và giới thiệu văn học Việt Nam..."

Điều gì đã khiến Việt Nam và văn học Việt trở nên quan trọng với vị giáo sư có tri thức uyên thâm xấp xỉ ở tuổi bảy mươi này đến thế? Câu trả lời chỉ có thể là bởi ông đã yêu Việt Nam như quê hương thứ hai của mình.

GIAO sư Chúc Ngưỡng Tu vốn từng có một "mối tình" dài và sâu đậm với Việt Nam ngay từ những năm tháng khó khăn, gian khổ của người Hà Nội trong chiến tranh chống Mỹ, bao gồm cả bom rơi, đạn nổ, khi sang Hà Nội du học từ năm 1965 đến năm 1969. Có lẽ tình cảm mến khách của người Việt đã làm ông cảm động, nhưng ông cảm động hơn khi tận mắt chứng kiến sự anh dũng, quật cường của người Việt Nam trong lửa đạn chiến tranh. "Cảnh tượng làm tôi nhớ nhất là một đêm khuya bên Hồ Gươm, khi tôi được nhìn thấy một nữ du kích nhỏ nhắn đang áp giải một phi công Mỹ to lớn, cao lênh khênh trên đường. Hình ảnh đó làm tôi suy nghĩ rất nhiều về chiến tranh, và sự khâm phục của mình dành cho người Việt".

Trở về Trung Quốc, Chúc Ngưỡng Tu đã nỗ lực đóng góp cho công cuộc giải phóng đất nước của Việt Nam: ông làm việc trong quân đội, phiên dịch cho những phi công Việt Nam được đào tạo ở Trung Quốc. Và ông cảm thấy rất hạnh phúc khi những người phi công ấy đã trưởng thành, và đóng góp không nhỏ vào thắng lợi của cuộc chiến tranh chống Mỹ tại Việt Nam.

Hoà bình lập lại, Chúc Ngưỡng Tu rời quân đội, trở thành một trong những học giả ngôn ngữ và văn hoá Việt hàng đầu Trung Quốc. Ông tập trung nghiên cứu về ngôn ngữ, văn hoá truyền thống, và văn học Việt. Với thâm niên giảng dạy về ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam trên 40 năm tại các trường đại học của Trung Quốc, ông đã giúp cho hàng nghìn sinh viên, học giả, nhà nghiên cứu và độc giả Trung Quốc có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về Việt Nam.

Từ năm 1994-1995, Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu lại có dịp trở về Hà Nội, và học tiếng Việt nâng cao tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. "Sau bao năm xa cách mới được trở lại Hà Nội, tôi đi bộ từ Kỳ túc xá B7 bis - phường Bách Khoa đến Hồ Hồ, hạnh phúc lâng lâng như được trở về nhà, hạnh phúc khi vẫn nhớ từng con đường, từng góc phố mặc dù mọi vật đã đổi thay rất nhiều". Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu tâm sự, những trải nghiệm Việt Nam đã ảnh hưởng rất nhiều đến cách sống của ông. Sau khoá học nâng cao tại Hà Nội vào năm 1995 ấy, Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu tâm huyết nhiều hơn cho việc dịch và giới thiệu văn học Việt Nam. Dù đã có thâm niên hơn một chục năm dịch văn học Việt, ông vẫn cho rằng mình đang có quá nhiều việc cần phải làm. "Cho đến thời điểm hiện tại, người Trung Quốc rất ít quan tâm đến văn học Việt Nam, mà quan tâm nhiều đến văn học của các cường quốc về kinh tế như Mỹ, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc... Văn học Việt

Nam vẫn bị xem như văn học của nước thứ ba. Thêm vào đó, một số người Trung Quốc bây giờ "no cái bụng, đói cái đầu". Họ đọc rất ít, đọc sách báo trên mạng là chính. Việc xuất bản các tác phẩm văn học Việt Nam ở Trung Quốc vì thế rất khó khăn."

Biết đến các khó khăn trong việc xuất bản sách văn học Việt tại Trung Quốc, mối trân trọng những nỗ lực vượt bậc của Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu trong việc dịch và phát hành các tác phẩm văn học Việt Nam tại đất nước của ông. Cùng dịch giả Thành Hán Bình, Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu đã chuyển ngữ tiểu thuyết "Ông cố vấn" của nhà văn Hữu Mai sang tiếng Trung, với tên sách là *Cơ mật tuyệt đối*, gồm 2 tập, dày 712 trang, do Nhà xuất bản Nghị văn Quân sự (Trung Quốc) ấn hành tháng 1 năm 1999. Ông còn tham gia biên soạn bộ sách *Tiểu thuyết hiện đại Việt Nam* do Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh phát hành năm 2004, gồm 3 tập, và là giáo trình bắt buộc đối với sinh viên học môn tiếng Việt ở các trường đại học, cao đẳng, học viện của Trung Quốc. Thêm vào đó, Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu đã chủ biên (với sự cộng tác của giảng viên tiếng Việt, nhà giáo Hoàng Hoa Hiến), bộ giáo trình hướng dẫn viết văn bằng tiếng Việt do Nhà xuất bản Đại học Trùng Khánh ấn hành tháng 8 năm 2008, dày 271 trang.

Trở về từ Hội nghị Quốc tế Giới thiệu Văn học Việt Nam, GS Chúc Ngưỡng Tu đã miệt mài bắt tay vào dịch tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Tác phẩm này vừa được nhà xuất bản Kim Đồng ấn hành, song ngữ Việt - Trung.

Bất chấp những sự trăn trở về việc in ấn và phát hành các tác phẩm dịch, ngọn lửa đam mê văn học Việt trong lòng Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu vẫn không ngừng cháy trong nhiều năm qua. Hầu như hàng ngày, ông đều bỏ thời gian để dịch văn học Việt. Ông đọc rất nhiều truyện ngắn của các tác giả cổ điển và đương đại Việt Nam, rồi dịch ra tiếng Trung, để thỏa đam mê, chứ không màng đến tiền công dịch thuật, và việc liệu tác phẩm có được in ấn hay không.

Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu đã kể cho tôi rất nhiều về những truyện ngắn Việt Nam mà ông đã dịch gần đây, của các tác giả như Bảo Ninh, Hồ Anh Thái, Võ Thị Xuân Hà, Tạ Duy Anh, Võ Thị Hào, Trần Thùy Mai, Nguyễn Trọng Tân... Ông nhớ rõ từng chi tiết của các tác phẩm, và nói về chúng say mê như nói về những người con tinh thần của chính mình. Nghe ông nói, mới biết rằng ông đã đắm chìm vào từng tác phẩm đến nhường nào để có thể sáng tạo lại nó bằng ngôn ngữ tiếng Trung. Nghe ông nói, mới biết rằng ông thực sự đam mê và nghiêm túc với nghề dịch văn học của mình - một cái nghề mà ông luôn ưu tiên, mặc dù nó không đem lại cho ông thu nhập - so với những tài liệu kinh tế và kỹ thuật mà ông có thể "dịch không cần suy nghĩ, và có thể đem lại thù lao rất tốt". Qua những tác phẩm này, hy vọng độc giả Trung Quốc sẽ có cái nhìn thân thiện hơn về vẻ đẹp và chiều sâu của văn học Việt Nam. Hy vọng, văn học Việt Nam, qua những bản dịch chần chu của Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu, sẽ không còn bị xem là "văn học của nước thứ ba" nữa.

Trong thời gian ở Nam Kinh, tôi đã gặp các sinh viên Việt Nam, những người luôn được Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu giúp đỡ và dành cho ông những tình cảm kính trọng và biết ơn nhất. "Thầy Chúc Ngưỡng Tu là một người hết lòng giúp đỡ các sinh viên Việt Nam đang theo học tại Nam Kinh. Là người có kiến thức uyên bác và là một Giáo sư rất có uy tín và tên tuổi, Thầy có cuộc sống rất giản dị, thanh bạch, được rất nhiều người yêu mến. Dù tuổi gần 70, Thầy vẫn rất năng động, làm việc không ngừng nghỉ. Sức làm việc của Thầy làm chúng em vô cùng nể phục".

Chuyến tàu chở tôi rời ga Nam Kinh, tôi ngoái lại nhìn dáng của Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu đang đứng vẫy tay tạm biệt giữa nhà ga ồn ào và đông đúc. Mắt tôi cay khi biết hàng đêm, Giáo sư vẫn một mình cặm cụi chuyển ngữ những trang văn học Việt, giữa một thành phố của những dòng xoáy vươn mình về những nấc thang tiến tài và danh vọng. Mắt tôi cay khi nghĩ về lời tâm sự của Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu: "Mấy năm gần đây, khoảng hai năm một lần, tôi được mời sang Việt Nam dự một sự kiện văn học. Không biết, lần tới được mời, tôi có đủ sức khoẻ để sang không. Tuổi 70 sắp tới, tôi sợ mình không có nhiều thời gian nữa để dịch và giới thiệu văn học Việt. Đối với tôi, dịch văn học Việt Nam là nguồn vui sống".

Và tôi biết tôi không phải là người duy nhất cầu chúc cho Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu thật nhiều sức khoẻ để có thể giới thiệu nhiều hơn nữa những tinh hoa của văn học Việt.■

HAI người tay trong tay đứng bên cửa sổ ngắm tuyết. Tuyết đã rơi từ sáng sớm, cây lựu trước sân giống như được khoác thêm chiếc áo len trắng vậy, trông vô cùng ấm áp.

Cây lựu đó tuy chỉ cao hơn đầu người tí chút nhưng không vì thế mà ít quả. Thu rồi đếm sơ sơ cũng có hơn bốn chục trái, cành nào cành nấy trĩu cong sát đất. Thời tiết khi đó vẫn còn chưa lạnh. Bà kéo ông ra trước cây lựu, giọng điệu vừa có chút khâm phục vừa mang vẻ cảm khái: Trông nó mệt mỏi quá!

Cứ như cây lựu đó là một bà bầu trong nhà họ vậy.

Ông bảo: "Tôi không nghĩ cây biết mệt mỏi!".

Bà cãi: "Tôi bảo nó mệt là nó mệt!".

Ông cười dòm dòm bà: "Bà này!".

Hôm nay đứng trước cửa sổ, bà lại bảo ông, cây lựu trong tuyết khoác chiếc áo len trắng thật ấm áp.

Ông bảo: "Sao tôi không thấy vậy?".

Bà cãi: "Tôi lại cứ thấy vậy đấy!".

Ông cố ý làm như đang tranh luận: "Thân cây phủ đầy tuyết thì sao mà ấm áp được chứ?".

Bà gấp gấp lắt nhẹ tay ông: "Tôi bảo ấm áp là ấm áp mà!".

Ông nói về hồi lỗi: "Được rồi, được rồi! Bà bảo ấm áp tức là ấm áp!".

Bà cười, biết là ông sẽ phải nói như thế, và cũng vì biết ông sẽ đáp lại như thế nên trong lòng bà cảm thấy vô cùng ấm áp.

Ông tám mươi bảy.

Bà tám mươi sáu.

Ông là chồng của bà.

Bà là vợ của ông.

Từ khi lấy nhau cho đến nay ông đều nhất nhất chiếu theo tính nết của bà. Ông để bà quản lý gia đình, nhường nhịn bà mỗi khi bà giận dỗi, để bà quyết định phong cách ăn mặc cho mình, để bà lau chùi vài thứ đồ đồng, đồ bạc trong nhà gồm vền vền một đôi bát bạc, một đôi đĩa bạc và một cái nồi lẩu bằng đồng đỏ được dùng mỗi dịp tết đến xuân về.

"Tuyết rơi đẹp thế này, chúng ta phải ăn lẩu mới được!". Bà rời khỏi cửa sổ rồi để nghị.

"Thế thì ăn thôi!". Ông nắm tay bà hướng ứng.

Hai người bèn ngồi xuống chiếc ghế sofa hai chỗ cạnh cửa sổ đợi cô Diễm đến.

Cô Diễm là người giúp việc theo giờ của gia đình, mỗi tuần đến hai lần để quét dọn nhà cửa và mua thực phẩm. Hôm nay vừa khéo đúng ngày cô Diễm sẽ đến làm việc. Tuyết vẫn rơi nhưng ông bà không hề lo cô giúp việc kia vì bị tuyết cản trở mà không đến. Họ biết cô hơn 20 năm rồi. Đó là một quả phụ thật thà và hoạt bát.

Cô Diễm đến rồi.

Quả nhiên gió tuyết không làm khó được cô.

Hai ông bà tranh nhau bảo với cô là hôm nay sẽ ăn lẩu.

Cô Diễm nói: "Cụ ông cụ bà hôm nay thật là cao hứng!".

Cô vẫn thường gọi hai người như thế. Bà bảo: "Cao hứng hay không cũng còn phải xem thời tiết!".

Cô Diễm nói: "Thời tiết sao có thể quyết định tâm tình của con người được chứ? Cứ xem hai cụ đây, từ sáng sớm tinh mơ đã tay trong tay. Thật khiến cho lớp con cháu hậu bối chúng con chẳng biết giấu mặt vào đâu!".

Quen biết đã quá nhiều năm rồi nên cô Diễm cố tình đùa một câu hơi vô phép.

Hai ông bà kể cho cô giúp việc nói cười vẫn ngồi im trên ghế, tay hai người cũng không vì thế mà rời nhau ra.

Thực ra thì cô Diễm sớm đã quen với cảnh hai ông bà già ngồi bên nhau tay không rời tay này rồi. Từ khi biết họ đến nay, đã mười mấy năm rồi họ dường như vẫn ngồi như vậy. Họ ngồi ở đó xem cô lau mặt bàn, lau sàn nhà, hút bụi cho bộ sofa và rèm cửa sổ, phân loại rau dưa thịt cá để cho vào tủ lạnh... Gặp ngày thời tiết tốt, họ có thể sẽ rủ cô cùng họ đi chợ hoặc đi siêu thị. Cụ ông sau một hồi đi tới đi lui sẽ đột nhiên dừng chân bảo với cụ bà: "Gãi gãi chút!". Đó là vì cụ bị ngứa lưng. Cụ bà cho tới tận khi đó mới tạm rời tay cụ ông, sau đó luồn tay vào áo để giúp ông gãi ngứa. Cô Diễm ở bên cạnh chỉ có cười mà thôi. Họ vốn chẳng coi cô như người ngoài nhưng cũng chẳng có ý định mời cô làm việc cả tuần hay mời người khác đến làm gối với cô. Cô biết họ thậm chí cũng chẳng mấy mong mỏi bốn người con và lũ cháu của họ vẫn định kỳ về chơi thăm hỏi. Đó dường như là một sự làm phiền. Làm phiền thói quen tay trong tay ngồi bên nhau không một chút miễn cưỡng và vĩnh viễn không bao giờ biết chán của họ. Mỗi lần lũ con cháu về, họ chỉ muốn mau mau đuổi cổ chúng đi, thái độ không khỏi khiến người ta cảm thấy đôi vợ chồng già này đang giấu giếm mọi người chuyện gì đó. Thật không biết là duyên phận từ đời nào kiếp nào nữa! Cô Diễm thở dài, vừa cảm thấy sự cô độc thể lương của bản thân đồng thời lại bị không khí yên lành tràn ngập khắp căn phòng này truyền nhiễm.

Ông giục cô Diễm đi mua thịt cừu, bà thì bảo cô mang giấy ra ghi lại các thứ gia vị phụ liệu để khỏi quên. Cô Diễm lấy từ trong bếp ra một tờ giấy đã được gấp vuông vắn trải ra bàn rồi nói: "Lần trước đi mua con đã ghi lại rồi. Con đọc để hai cụ nghe nhé, chẳng qua cũng chỉ có tỏi, ớt, nước mắm tôm trong, hoa hẹ, tương ớt, dầu hoa tiêu, tỏi ngâm, rau cải bắp, rau thơm, bánh phở, đậu phụ đông...". Cô Diễm đọc xong, ông thủng thẳng bảo: "Cô quên không ghi dầu mè à?". Bà chen vào: "Dầu mè ở nhà vẫn còn nửa lọ đấy!". Ông lại bảo: "Còn tào biển nữa. Lần trước đã quên rồi!". Cô Diễm vâng lời ghi thêm vào tờ giấy khoản tào biển.

Những tào biển là sáng kiến của ông. Sau khi ăn rồi bà cũng thích luôn.

Tào biển quả là một món ngon.

Cô Diễm nghe dặn dò xong bèn vội vàng ra chợ, trước khi đi vẫn không quên từ trong bếp bê ra một cái nồi lẩu bằng đồng đỏ nặng trĩu đem đặt lên chiếc bàn ăn hình vuông trong căn phòng ăn kiêm luôn phòng khách của ông bà, cạnh đó lại để một hộp kem đánh răng và một miếng vải mềm nhỏ. Đó là một thói quen của bà. Cứ cách một khoảng thời gian bà lại phải lau chùi nồi lẩu. Lâu lâu không lau bà sẽ cảm thấy có lỗi với nó. Lần trước ăn lẩu xong bà vẫn còn chưa lau chùi. Cũng có

đến non nửa năm rồi còn gì. Lần đó ông bà làm lẩu để chào đón cô cháu dâu mới chưa biết mặt.

Ông thấy bà định đi lau nồi thật bèn ngăn lại nói: "Hôm nay đừng lau nữa, cũng chỉ có hai ông bà già, Cứ nhất thiết phải cầu kỳ thế sao chứ?".

Bà bảo: "Ồ! Nhất định phải như thế đấy! Hai người ăn cũng phải có cái nồi sáng choang mới được!". Nói xong bèn rời ghế sofa đến ngồi bên bàn ăn cầm mảnh vải nhỏ lên, lại cầm tuýp thuốc đánh răng bóp vào đó một ít rồi bắt đầu công việc lau chùi quen thuộc.

Ông cũng đi đến ngồi xuống phía đối diện xem bà làm việc. Cái nồi đó quả thật là rất lờ nhờ, mà cũng có thể là mất ông lờ nhờ. Ông nheo mắt nhìn, cái nồi lẩu trước mắt ông không những không bóng láng mà ngay cả đường nét cái miệng nồi cũng nhập nhèm chẳng rõ. Cả ông và bà đều bị bệnh đục thủy tinh thể. Ông bị hai mắt còn bà bị mắt bên phải. Bác sĩ nói đây là kiểu đục võ thủy tinh thể, chờ đến giai đoạn đục chín thì có thể tiến hành phẫu thuật. Ông đã hẹn với bà rồi. Đến lúc đó cả hai vợ chồng sẽ cùng nhập viện.

Bà vừa lau cái nắp nồi vừa nói: "Ông xem! Chỗ lau xong khác hẳn với chỗ chưa lau đấy!".

Ông cảm nhận được sự hứng khởi của bà bèn phụ họa theo: "Đúng là khác hẳn nhỉ! Thế mới gọi là nồi lẩu chứ!".

Hai ông bà đều thích ăn lẩu. Cũng nhờ ăn lẩu mà ông bà quen biết nhau. Hồi đầu thập niên 50 của thế kỷ trước, hai người vẫn còn đang tuổi thanh niên, cuối tuần đi cùng với đồng nghiệp của mình đến DongLaiShun¹ ăn bữa lẩu. Những năm đó phổ biến kiểu "Lẩu cộng hòa", thanh niên nam nữ chưa có gia đình rất yêu thích. Cái gọi là "cộng hòa" tức là một số thực khách không quen biết cùng ngồi ăn chung một nồi lẩu. Nước dùng là của chung. Giữa nồi có dải ngăn cách tượng trưng, giống như ngày nay người ta làm các vách ngăn cách trong văn phòng làm việc vậy. Lúc ăn mỗi người sẽ có một ô trong nồi để tự nhúng thịt cừu và các đồ ăn khác mà mình đã gọi. Tiến nồi lẩu và nước dùng thì bỏ theo đầu người ăn nên rất tiết kiệm. Con người và môi trường ngày đó đều rất thuần khiết, không có SARS mà cũng chẳng có H7N9. Những con người xa lạ ngồi chung bàn, ăn chung nồi cũng chẳng e ngại tí hiem gì. Cảnh mọi người vây quanh một chiếc nồi lớn đó quả có cái không khí bốn bề đều là anh em.

Hôm đó ông ngồi cạnh bà, sau khi ăn hết phần đồ ăn mình đã gọi bèn thò đĩa sang gấp đồ ăn trong đĩa của bà. Hai đĩa vốn cũng để cạnh nhau mà. Trông ông khi đó không có vẻ là cố ý nên bà cũng ngại không muốn nói. Có điều khi thấy ông cứ liên tục gấp liên mấy gấp, anh bạn đi cùng bà bèn dùng

đũa của mình gõ gõ lên thành nồi lẩu bảo: "Này này đồng chí! Cái nồi này là dùng chung nhưng đĩa thịt đó là của cá nhân người ta đấy!".

Mọi người trong bàn cười ồ lên.

Lúc đó ông mới như sự tỉnh.

Vậy nhưng bà lại vì thế mà có cảm tình với ông, cũng giống như kiểu cảm tình mà ông dành cho bà vậy. Sau này ông bảo, hôm đó ông vừa ngồi xuống cạnh bà tìm liên đập loạn lên. Bà chất vấn, có phải ông cố tình gấp đồ ăn trong đĩa của bà để gây sự chú ý không? Ông thật thà đáp, lúc đó ông chẳng nghĩ được nhiều như thế, mà cũng chẳng biết bản thân đang làm gì nữa. Thế rồi ông bà bắt đầu hẹn hò. Bà thì biết được ông là kỹ sư đường sắt – chả trách trông hơi ngây ngô. Ông thì biết bà là người thuyết minh trong một viện bảo tàng – chả trách mà khéo ăn khéo nói. Rồi hai người trở thành vợ chồng. Trong số đồ hồi môn của bà, ngoài một đôi bát bạc, một đôi đĩa bạc ra, còn có cả một cái nồi lẩu bằng đồng đỏ.

Chiếc nồi đồng đỏ được truyền lại từ đời ông ngoại của bà. Nhà ông ngoại vốn là nghệ nhân làm nồi lẩu. Những nồi lẩu được gia công bằng tay đó chuyên để cung cấp cho hoàng cung. Chiếc nồi đồng đỏ của bà, đồng thì là loại đồng đỏ thượng đẳng, láng bóng nhưng không chói mắt. Vung cũng như mặt ngoài của nồi đều trang trí bình thường, chỉ có men theo cái cửa lò hình chữ Nhân có chạm khắc những cụm mây bằng đồng thau. Mỗi khi rời rã bà lại mang chiếc nồi ra lau chùi, cắt đoạn tay áo cũ bà đã từng mặc, nặn một ít kem đánh răng hoặc phấn rôm vào mà lau. Bà là người thích sạch sẽ, có thể dùng bi lợn để đánh cho cái mặt kiếng đúc bằng sắt trên miệng bếp than tổ ong trở thành một miếng gương soi. Khi tinh thần của bà chuyển chủ vào việc lau chùi nồi lẩu, không khí trong nhà chẳng hiểu sao đột nhiên trở nên rất sinh động, cái sự thèm ăn của ông cũng bị khơi dậy, cứ như sắp sửa được chén một bữa lẩu tại Donglaishun vậy.

Bà vốn đã từng làm lẩu cho ông ăn. Không có thịt. Chỉ có cái bắp và tép khô chấm với xì dầu. Sau khi ông bà kết hôn chính là thời điểm nghèo túng. Thực phẩm, thiếu thịt thiếu mỡ, ngay cả các loại thực phẩm phụ cũng phải mua bằng tem phiếu. Các gia đình bình thường rất hiếm khi sửa soạn được một nồi lẩu nhúng thịt – đi đâu mà mua thịt cơ chứ? Trong vòng tám năm, ông bà sinh liền 4 người con, quanh năm suốt tháng đều phải tính toán chi li, và gấu giết vai. Tuy nhiên ông lại rất thích món lẩu tép khô rau cải hay rau cải tép khô đó của bà. Khi ông ngồi gần nồi lẩu nóng hổi đang sôi sùng sục đó, trái tim ông vụt trở nên ấm áp, có cảm giác như làn hơi nóng đang tỏa ra khắp nhà đó đang quyện chặt lấy ông, sưởi ấm cho ông. Trong nhà nhất định phải có nhiệt. Một nồi lẩu đang bốc khói hay một mặt kiếng bếp than tổ ong sáng choang, nơi có thể đặt trực tiếp bánh bao màn thầu lên đó để nướng đều khiến ông cảm thấy vô cùng quyến luyến. Chỉ có điều ông vốn vụng về trong đường ăn nên không thể lập tức đem thứ cảm giác đó ra biểu đạt cho bà hiểu. Ông chăm chú thả rau cải vào nồi. Bà thì nhanh tay nhanh mắt mò tép khô trong nồi nước lẩu đang sôi sùng sục cho ông. Cả thầy mới có một nhúm nhỏ tép khô. Cho vào nồi rồi chẳng còn nhìn thấy bóng dáng con nào nữa. Vậy mà bà với kỹ thuật siêu đẳng, hệt như đang mò kim đáy bể vậy, tay nắm chặt đĩa tre nhăm nhăm gấp tới, lần nào lần nấy đều trúng đích. Mỗi khi bà với tay qua nồi lẩu

để bỏ con tép chỉ bằng cái đầu sợi vào bát cho ông, ông lại đưa mắt nhìn sang bà qua làn hơi nước trắng xóa. Cùng lắm thì có thêm một câu: "Xem bà kia!".

Nhiều lúc ông cũng muốn tìm kiếm chút *tinh hoa* trong nồi lẩu để gắp cho bà cho dù đó chỉ là vài con tép khô ít ỏi. Có điều tay chân ông vụng về, lần nào cũng gắp hụt. Chỉ có một lần, đôi đũa của ông bất ngờ kẹp được một *miếng* *mồi* lớn. Nhấc lên khỏi mặt nước nhìn xem thì hóa ra là một quả hời màu đỏ sậm. Bà bảo ông mau thả nó lại nổi. Cả nồi nước lã đun sôi chỉ có nó để lấy hương thơm đấy. Ông không tranh đua với bà vụ bắt tép trong nồi lẩu nữa, hời lòng hời dạ ngồi ăn tép khô bấp cải, đột nhiên ngẩng đầu lên thốt một câu: "Minh đấy!".

Ông biết cả đời này ông không xa được bà, cũng giống như bà chưa bao giờ nghĩ sẽ rời xa ông vậy. Từ trước đến nay ông bà chỉ rời xa nhau có vài lần ít ỏi, bao gồm cả bốn lần bà nhập viện sinh con. Cũng phải kể đến lần ông bị đưa đến vùng rừng núi hẻo lánh lao động một năm trong cuộc đại cách mạng đó. Sau đó ông và một số đồng nghiệp trở về thành phố trước thời hạn và được biên vào một tổ nghiên cứu khoa học chủ chốt phục vụ cho công tác xây dựng tuyến đường sắt đầu tiên của Bắc Kinh. Tuy ông còn lâu mới được là nhân vật chính trong công cuộc đó, cũng không thực sự có gì nổi trội, nhưng tất cả những điều đó đều chẳng ngăn được cậu con trai út của ông bà mỗi lần đi tàu hỏa lại lớn tiếng khoe khoang với chúng bạn: "Biết ai thiết kế tuyến đường sắt này không? Bố tớ đấy!".

Cô Diễm đã về. Thịt cừu, rau cỏ nguyên liệu đều đầy đủ cả, cô chui vào bếp, cái gì cần rửa thì rửa, cái gì cần thái thì thái, thoáng một cái đã có khay to đĩa nhỏ để thành một khoảnh. Cô lần lượt bê những khay những đĩa đồ ra cái bàn ăn hai cụ đang ngồi rồi xếp chúng vòng quanh cái nồi lẩu giống như *quần tinh chầu nguyệt* vậy. Tiếp đó cô lại phải bê cái nồi lẩu đồng đỏ đó đi – bà cụ lau chùi khiến khắp nồi toàn dấu vết của kem đánh răng – cần phải dùng nước để rửa cho sạch. Có khác gì một người đi tắm đầu, không thể bước ra khỏi nhà tắm khi khắp người còn đầy bọt xà phòng chứ! Cô Diễm để cái nồi dưới vòi nước trong bếp rồi xả nước để rửa. Cô phát hiện ra chiếc nồi chẳng sáng bóng như những lần trước bà cụ đã lau, thân nồi chỗ chỗ xỉn còn phần chân thì gần như chẳng lau chùi gì đến, rìa mép còn nguyên những mảng xanh xám của gỉ đồng. Nghĩ đến căn bệnh về mắt của cụ bà, cô bất giác nhủ thầm: "Đúng là đã làm khó cho cụ rồi!". Bên ngoài bà cụ hỏi với vào: "Nồi lau xong có sáng không?", giống y đứa trẻ đang chờ đợi người lớn khen thưởng vậy. Cô Diễm định bụng sẽ nói dối nên lớn tiếng đáp: "Sáng đến nỗi soi thấy cả bóng của con đây này! Cả cái bát vàng sậm trên mặt con cũng nhìn thấy!".

Ông bà nghe cô Diễm nói vậy đều cười ha ha.

Cái nồi lẩu nặng trĩu đồ đầy nước trắng, sau khi thêm hành, gừng, hời và một ít tôm nõn lại được cô Diễm bê trở lại bàn ăn, chỉ cần đợi nước lục ục sôi lên là bữa lẩu những chính thức được bắt đầu. Ông bà háo hức nhìn cái nồi trên bàn và những chén đĩa bày xung quanh nó. Cho dù trong mắt hai người, chiếc nồi đó tuyệt đối không thể gọi là *hào quang tỏa ra từ phía* nhưng sự hình dung của cô Diễm khiến ông bà tin rằng chiếc nồi vẫn sáng bóng giống với trước đây vài năm, thậm chí vài chục năm. Cô Diễm thì đang theo thói quen nghề nghiệp nghiêng đầu ngó ngó cái cửa lò ở chân nồi lẩu. Than

củi phải đồ rùng rục chứ? Vừa nhìn vào, "Thôi chết rồi!", cô thẳng thốt kêu lên một tiếng.

Đúng là bận mãi quá thành ra tai hại. Cô quên bồng việc mua than củi!

Cái sự quên này khiến ông bà hơi mất hứng, có điều hai người đều không hề định bàn lùi mà chuyển sang phương thức khác – dùng cái nồi lẩu điện mà cô cháu dâu mua tặng. Ông đã từng bảo: "Cái này mà cũng gọi là nồi lẩu sao?". Cô Diễm cũng không định động viên hai cụ dùng nồi lẩu điện. Cho dù là vì cái nồi đồng đỏ chỗ sáng chỗ tối mà cô đã bê ra bàn ăn, cô cũng phải đợi tuyệt đi một chuyến nữa để mua than. Cho dù là vì tâm tình của cụ ông và cụ bà. Cũng đáng!

"Đợi con nhé! Một lát là về tới thôi". Cô Diễm nói như đang dỗ dành hai đứa trẻ vậy, sau đó như một cơn gió phóng ra ngoài cửa.

Ông bà nhẩn nại đợi cô Diễm về cùng với than củi. Bà đi vào bếp pha dầu mè. Ông đi theo sau, lẩm bẩm vẫn câu đó: "Minh đấy!".

Cả đời ông chưa nói với bà một câu nói *du dương* nào. Hình như cũng chưa từng viết qua thư tình. Tuy nhiên bà vẫn còn nhớ một chuyện xảy ra khi cô con gái lớn vừa tròn một tuổi rưỡi. Chủ nhật đó ông bà dẫn con ra công ty bách hóa để mua vài hoa. Lúc đang xếp hàng trả tiền thì cô bé đòi đi tiểu. Ông bế con đi vào nhà vệ sinh còn bà tiếp tục đứng giữ chỗ chờ đến lượt. Một lúc sau bà đột nhiên

cảm thấy có người ở đằng sau đang khẽ động lên tóc mình. Bà se sẽ quay đầu lại và nhìn thấy ông đang bế con gái đứng ngay sau lưng, tay cầm bàn tay nhỏ xíu của con vuốt lên tóc vợ. Kể từ đó, mỗi lần nhìn thấy hoặc nghe thấy từ *du dương* là bà lại nhớ đến lần đứng xếp hàng ở công ty bách hóa ông đã mượn tay con gái để vuốt tóc mình. Đó chính là thứ ngôn từ *du dương* ông giấu kín để dành cho bà, cũng chính là cách ông công khai thể hiện tình yêu đối với bà. Giờ đây khi mà hai người đều đã già, toàn thân đầu đầu cũng thấy bệnh. Thính giác, vị giác, khứu giác và thị giác đều như nhau, đang dần từng bước lão hóa hết cả, nhưng mỗi lần nhớ lại ngày chủ nhật của hơn nửa thế kỷ trước đó, mái tóc đã lơ thơ bạc trắng và khô xác của bà lại vẫn có thể cảm nhận được sự tung bay thoáng qua, làn da nhăn nhoe sau gáy của bà vẫn có thể cảm nhận được luồng tê dai nóng bỏng.

Khoảng hơn một tiếng đồng hồ sau, cô Diễm lại trở về, tay xách cái túi đựng đồ của Gia Lạc Phú miệng liến thoắng: "Than đến rồi! Than đến rồi! Của hiếm đấy! Mỗi Gia Lạc Phú có!".

Nước trắng trong nồi lẩu được sự *cổ động* của than củi, chẳng bao lâu sau bắt đầu lên tiếng lục ục. Cô Diễm mời cụ ông cụ bà *nhập tiệc*, lại mau mắn giúp hai người nhấc cái vùng nồi lẩu nóng rẫy tay đặt sang một bên.

Ông bà ngồi xuống đối diện với nhau rồi không hẹn mà cùng đưa mắt nhìn qua

chiếc đồng hồ treo trên tường. Lờ mờ là 11 rưỡi rồi? Nếu không thì là 12 rưỡi? Hai người trong lòng ái ngại đồng thanh nói: "Thật đã khiến cô phải vất vả rồi!".

Không có tiếng cô Diễm trả lời. Cô sớm đã lên chuẩn ra ngoài rồi. Cô biết rõ rằng trong lúc này, đừng nói là bên cạnh hai cụ có thêm một người, cho dù chỉ thêm một cái bát không thôi cũng đủ khiến hai người vướng mắt.

Ông bà yên lặng ngồi ăn lẩu. Cũng giống như trước đây, vẫn là bà tiếp cho ông nhiều hơn. Hai người không còn ăn nhiều được như ngày xưa. Cảm nhận của vị giác đối với miếng thịt nhúng tươi ngon và những chua, chát, mặn, ngọt của gia vị cũng đã giảm đi rất nhiều. Tuy nhiên nồi lẩu bốc hơi nghi ngút trên bàn kia vẫn khiến ông bà vô cùng hứng khởi. Hai người cùng gắp bỏ vào nồi thịt cừu và đồ ăn trong những khay đĩa nhìn rồi cả mắt bốn xung quanh. Bà vớt mấy miếng thịt cừu cho vào bát ông. Ông thì gắp một miếng đậu đồng bỏ sang bát bà. Bà lại vớt cho ông một miếng táo biển. Ông cứ như đang thi đua với bà vậy, cũng chăm chú đi mò táo biển. Mò một lát, ông đột nhiên cảm thấy đầu đầu đang *trầm mình* trong nồi nước lẩu mắc phải một thứ gì đó rất *đằm* bèn vội cặp chặt lấy nó rồi nhấc lên. Một miếng táo biển! Dài như một quả mướp nhỏ! Ông giờ cao đôi đũa bảo: "Bà ăn đi!".

Bà nhường nhịn: "Ông ăn!".

Ông đưa đôi đũa về phía bát bà: "Bà ăn đi!".

Bà gờ tay ngăn lại nói: "Ông ăn! Ông thích ăn mà!".

Ông đắc ý bỏ miếng táo biển đang kẹp chặt trên đầu đũa vào bát của bà: "Hôm nay tôi cứ muốn gắp cho bà ăn!".

Bà cảm thấy trong làn hơi nước nóng hổi đang bao phủ, khỏe mắt hơi đỏ của ông ngập tràn vẻ mừng vui hơn hờ. Bà cười khẽ rồi cúi xuống cắn một miếng nhỏ táo biển trong bát. Cắn không được! Bà lại thử một lần nữa. Vẫn không thể cắn được! Bà bèn gắp miếng táo biển giờ lên sát mặt nhìn kĩ lại.

Nhìn rõ rồi!

Bà đang cắn một mảnh giẻ lau!

Hai người đã gắp miếng vải mà bà vừa lau bỏ vào nồi nước lẩu.

Ông hỏi bà ăn có ngon không?

Bà vội gắp một lá bắp cải to trong khay đẩy lên miếng *táo biển*: "Ngon! Ngon lắm!".

Bà mừng vì chính mình chứ không phải ông *vớ phải* miếng *táo biển* đó. Bà còn muốn nói với ông rằng, trong đời bà, đó là thứ hương vị biển tươi ngon nhất mà bà đã từng ăn. Chỉ có điều, một luồng nhiệt nóng bỏng từ tận sâu trong lòng bỗng trào lên khiến bà nghẹn ngào không nói nên lời.

Bà không nói thêm được câu nào nữa.

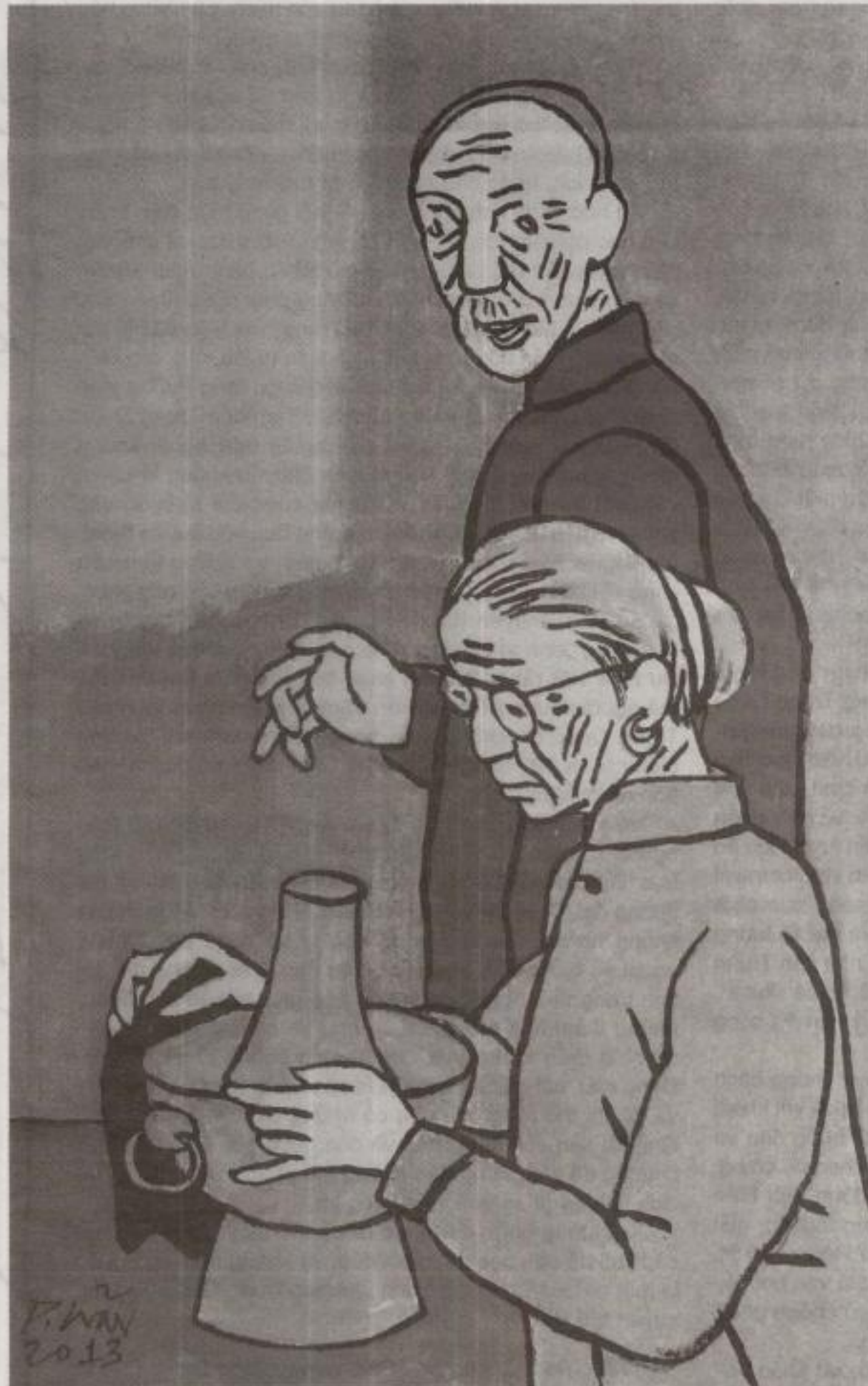
Ông lại bỏ vào nồi một nhúm mì gạo. Bà không ngăn ông. Lúc húp nước mì, chẳng ai phát giác ra mùi thuốc đánh răng hết.

Bà ôm cái bát bằng cả hai tay. Bà muốn bảo với ông rằng, hôm nào trời đẹp phải đến bệnh viện một chuyến. Bà muốn biết phòng điều trị trong đó có cho nam nữ nằm chung không? Bà mong muốn nhất là được nằm cùng phòng bệnh với ông.

Tuyệt vẫn còn rơi. Ngoài cửa sổ trắng xóa một màu. Cây lựu trước sân chắc không còn giống như đang khoác lên mình chiếc áo len trắng nữa. Bà e nó đã mặc áo bông rồi!

(Thiết Ngưng - 2013.4.29)

THIÊN THAI dịch



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

1. DongLaiShun là quán lẩu thịt cừu nổi tiếng có lịch sử trên 100 năm của Bắc Kinh. Lẩu của họ chỉ dùng thịt cừu của Nội Mông,

VĂN HỌC KHOÁI LẠC VÀ BUỒN ĐAU

BÍCH ĐÀO

Trong những năm của thập niên 90 của thế kỷ XX, hầu hết các khu vực đời sống xã hội Trung Quốc đã trải qua cơn chuyển rung của "quá trình thị trường hóa tăng cường", khiến bối cảnh và môi trường văn học đổi thay toàn diện, như nhà tiểu thuyết Chu Uẩn đã nhận xét, rằng Trung Hoa nay không còn là nước nghèo nhất thế giới nữa, nhưng người Trung Quốc thì chắc chắn là những người phát cuồng nhất về tình trạng nghèo đói – tức phát cuồng vì lòng tham và vì theo đuổi sự giàu có. Theo đuổi giàu có đã trở thành nhân sinh quan mới, "giấc mơ Trung Hoa" mới. Tuy nhiên, cùng với mức tăng trưởng khổng lồ về kinh tế, với vai trò thế giới của nước Trung Hoa hiện đại ngày càng tăng, thì cũng tăng nhu cầu làm cho thế giới hiểu hơn về văn hóa Trung Quốc; và văn kiện Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11-2012) đã xác định đường lối chiến lược xây dựng Trung Quốc thành "một cường quốc văn hóa", phát triển văn hóa thành sức mạnh mềm - quyền lực mềm; trong đó có nỗ lực đưa văn chương Trung Quốc ra với thế giới.

VĂN học Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đã cho thấy những dấu hiệu vượt qua thời văn học thương mại hóa những năm thập kỷ 80 và 90 - Gs.Martin Woesler, một nhà Trung Quốc học và là dịch giả văn học Trung Quốc tại Đại học Ngôn ngữ ứng dụng Munich (Đức), nhận xét trong dịp Hội chợ Sách Frankfurt 2009. Trung Quốc là khách danh dự của Hội chợ này năm đó; cũng là năm nhà văn mới Hàn Hàn đứng số 1 danh sách bán chạy nhất Trung Quốc với cuốn tiểu thuyết *Ta de guo* (tạm dịch: *Đất nước của người*). Martin Woesler thấy ở phong cách siêu thực-phê phán của Hàn Hàn một tín hiệu xu hướng phê phán mới trong văn học đương đại Trung Quốc.

Danh mục "10 cuốn tiểu thuyết hay nhất về Trung Hoa Hiện đại" mới đây trên địa chỉ *China Whisper* cũng đem lại ấn tượng đó. Đứng đầu danh sách này là cuốn *Tửu quốc* của Mạc Ngôn; kế tiếp ngay là cuốn *Số tay Công chức* của Vương Hiểu Phương, một tác phẩm gây sốt đương thời, được dịch ra tiếng Anh và tiếng Đức, bởi trình thuật của một người trong cuộc về những chuyện tham nhũng, hối lộ, những kế hoạch và thủ đoạn xảo quyệt trong tranh giành quyền chức của giới quan liêu cao cấp; rồi những cuốn *Tôi yêu Đô-la* của Chu Uẩn kể câu chuyện phúng dụ về một xã hội kim tiền mới, *Thấy ma đi bộ* của Liêu Diệc Vũ đặc tả những cuộc đời dưới đáy xã hội Trung Quốc hiện thời; cuốn *Đừng coi tôi là người* rất nổi tiếng của Vương Sóc với giọng điệu châm biếm phê phán văn hóa đặc biệt của tác giả này, thông minh, sử dụng sự thô tục trực diện; và *Búp bê Thượng Hải* của Vệ Tuệ, được coi là học theo phong cách phê phán rất mạnh mẽ và sâu sắc của nhà viết kịch vĩ đại Henry Miller, phơi lộ không kiêng dè một thực tại của giới nữ trẻ, hiện đại, suy đồi.

Theo Gs.Zhang Qinghua, Đại học Sư phạm Bắc Kinh, những biểu hiện như thế cho thấy văn chương Trung Quốc đương đại đang trở nên chín chắn sau những cuộc chuyển đổi giữa hai thế kỷ. Chuyên gia về trào lưu văn học tiên phong và đương đại Trung Quốc này nhận định, văn học đầu thế kỷ ở Hoa lục gây hai ấn tượng chủ yếu: về chất phồn tạp-lễ hội (carnival) và về nỗi buồn đau; hai ấn tượng lớn đó dẫn chiếu hai hình mẫu tự sự mâu thuẫn – tính chất carnival có nguồn đa văn hóa hiện đại (internet-based), còn chất đau buồn có nguồn gốc văn hóa bình dân. Và hai ấn tượng đó là bởi những quan sát bên nhạy của các nhà văn Trung Quốc về các vấn đề của một xã hội thay đổi quá nhanh, bùng nổ tăng trưởng đi đôi với tích tụ của cải, khiến đời sống và dân cư bị phân cực sâu sắc.

Quá trình xã hội đó đem đến hai lựa chọn phong cách văn chương khác biệt, một loại thoải mái vui thích với khoái lạc chủ nghĩa và lối sống tiêu dùng, một loại buồn đau và phẫn nộ bởi những đổ vỡ của đạo lý xã hội. Theo đó có hai luồng ý tưởng và khuynh hướng hầu như đồng thời hiện diện: văn học phồn tạp - lễ hội, không hướng thượng, giải ảo tưởng, giải cấu trúc, hoàn toàn có tính đảo lộn và kỹ trị, tính hình ảnh giải trí và đa văn hóa, mặt khác là văn học lấy đạo lý xã hội làm trung tâm, lo âu và giận dữ chống phân cực xã hội, mang tính bình dân truyền thống.

Cả hai luồng phong cách văn chương đó, rất khác biệt nhưng cùng tồn tại và kết nối nhau sâu sắc, cùng đem giá trị tri thức và quyền năng đạo lý của chúng tái tạo lịch sử và

truyền thống theo những lối riêng mình.

Tiêu biểu trong xu hướng "carnival" phải kể đến lớp nhà văn được gọi là "hậu -1980", trong đó nổi bật như Quách Kính Minh và Hàn Hàn. Hầu hết văn chương của họ nổi tiếng trong thế giới ảo trước khi bước vào "đời sống văn học". Văn chương đó ám ảnh bởi một lối sống và suy nghĩ khác, tưởng tượng khác, mang tính thay thế và chống truyền thống. Họ đạt được thành công lớn trong thu hút giới trẻ, tạo những nhóm độc giả riêng của mình, có những bảo trợ riêng của các nhà xuất bản, có thu nhập cao.

Giáo sư Zhang thấy trong đặc tính của xu hướng văn học này các nguồn ảnh hưởng từ ứng xử của thế giới ảo, như mức độ thô tục và phản ứng với thẩm quyền xã hội – điều mà Bakhtin đã chỉ ra về đặc tính "carnival" chối bỏ trật tự quyền lực, tự do chủ nghĩa về trí tuệ và lý tính.

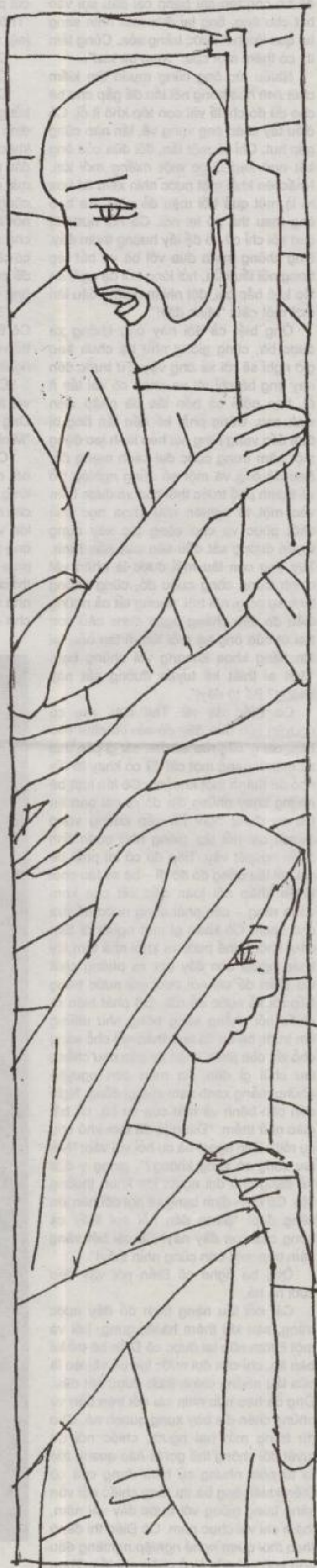
Xu hướng có tính phồn tạp - lễ hội cũng hiện diện trong văn học nghiêm túc, trở nên phong cách được ưa chuộng, như trong các tác phẩm của Mạc Ngôn (sinh năm 1955), hay Dư Hoa (sinh năm 1960). Không phải ngẫu nhiên như vậy, mà bởi bắt nguồn từ thực tại tại Trung Hoa hiện đại đã trải qua những biến động hết sức kịch tính, to lớn, như các biến động của thập niên 70 tiếp liền đến cuộc tăng trưởng kinh tế quá nhanh chóng những năm 80. Tâm hồn Trung Quốc đã nếm trải một hành trình mà người bên ngoài không tưởng tượng nổi. Trong những biến chuyển khổng lồ cả về vật chất và tinh thần đó, rất nhiều cuộc đời bị cuốn vào xoáy lốc của bi kịch và khổ nạn mang tầm vóc huyền thoại, bị văng ra một không gian hoang hóa; và những tâm hồn sống sót lại kịp bị quyền lực thị trường và kim tiền quy phục.

Sự biến chuyển hai kỷ nguyên, từ bao cấp tập trung hóa sang "kinh tế thị trường" là quá nhanh và quá lớn, như Dư Hoa viết rằng: "Những khác biệt lớn giữa hai thời đại mà người phương Tây có bốn trăm năm kinh qua thì người Trung Quốc đã chứng kiến trong bốn mươi năm. Những biến cải và bão tố của bốn trăm năm đã bị cô đúc lại cho bốn mươi năm".

Về xu hướng văn học đau buồn, Giáo sư Zhang thấy nguồn cội của nó từ truyền thống, nhưng nền tảng trực tiếp của nó là trong những biến chuyển kinh tế - xã hội đương đại. Biến chuyển kinh tế xã hội lớn như vậy luôn gây khủng hoảng sâu sắc trong đạo lý và cuộc đời. Những người tin tưởng vào tính đúng đắn đạo lý sẽ không thể coi tình trạng thất nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo cực đoan, những thảm họa môi trường... như là "cái giá phải trả cho sự phát triển xã hội" và tăng trưởng khổng lồ về kinh tế. Đằng sau "cái giá" ấy không chỉ có những tòa nhà chọc trời và đô thị mở rộng, mà còn có những cuộc khai thác lạnh lùng tài sản của nhân dân và của quốc gia. Cho nên văn chương đã phải dùng đến những thủ pháp truyền thống về kịch tính để phản ánh và suy ngẫm.

Xu hướng buồn đau thực ra có thể thấy trong hầu hết các chủ đề văn học được nói đến, và không nghi ngờ gì đó là một nét truyền thống trong văn học Trung Quốc hiện đại xuyên thế kỷ.■

(Tổng hợp từ: *English Pen*, *www*; *China Daily*; *CCTV*; *Hội đồng Anh*; *Hội chợ sách London 2012*; *Chinese Literature Today*; *China Classic International*)



TẠ BÁC VŨ và CỔ BỈ HY (tên khai sinh là Lý Kỳ Hồng) là hai trong số mười nhà thơ trẻ xuất sắc nhất lứa sinh sau 1990, Thơ và Truyện của các anh được đăng trên rất nhiều tạp chí văn học, đoạt nhiều giải Nhất, Nhì trong các cuộc thi như Cúp nhà văn thiếu niên Trung Quốc lần thứ 11, Cúp nhà văn thanh thiếu niên toàn quốc lần thứ 4 v.v...

TẠ BÁC VŨ Sống

Không có "nếu"
Mỗi số phận là một giả thiết
Sống đâu phải để chờ chết.
Hãy học bà già ngồi bàn thạch vững như non
Bà là mẹ của tám người con
Cổ máy thời gian đã hư
Bà nào có biết
Khái niệm thời gian sớm đã mơ hồ
Chỉ có sống
Quang minh lỗi lạc
Hoặc là cấu thả đời thừa.

Chinh mắt bà nhìn thấy tất cả
Bất kể tay Trời ve vuốt nơi đâu
Bà đều tỏa linh hồn rực rỡ
Tựa rặng chiếu, cầu vồng bên trời sắc sỡ
Bà biết có ngày mình sẽ chết rất lâu
Bền như xương rồng nhẵn nài và cứng đầu
Tên của bà thật tuyệt
Sống Hường Lên Trên.

CỔ BỈ HY Giấc mộng thanh xuân

Gió vượt qua dãy núi, ruộng đồng, suối sông
Thổi mùa đến. Đất liền mở cửa
Ông mặt gom xuân trên lông cừu óng mỗ
Hoa đào cười, mặt ửng hồng.

Mùa mưa dầm, thiếu niên nghe gió thoảng bên song
Trăng trước nửa đêm cao hơn bóng hình son trẻ.

Giấc mộng thanh xuân vờn bên gối lẻ
Vốn định nở trước khi hoa đào nở hè
Vây mà rơi vào giữa hương hoa
Cô đơn mà mỹ lệ.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

PHẠM TÚ CHÂU dịch



CAO ANH tên khai sinh là Cao Hồng Nghi, nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp lão thành Hội nhà văn thành phố Trưng Khánh.

CAO ANH Đôi mắt

Em nói với tôi bằng mắt
Bằng mắt tôi hỏi thăm em
Xinh đẹp thay cô gái Việt Nam
Tôi muốn nắm tay em thật chặt.

Muốn thổ lộ cùng em chân thật
Tôi là bạn lâu ngày xa cách
Nào, cùng uống một ly cà phê
Thêm một chén rượu ngon Trung Quốc.

Mắt em lảng tránh nhìn tôi
Tôi đưa mắt cùng em cáo biệt
Ơi cô gái Việt Nam thuần khiết
Cứ thế đi qua bên nhau

Tốt nhất là chẳng nói lời nào
Tốt nhất là lặng lẽ xa nhau
Nhớ mãi đôi mắt buồn vui đau đầu
Đợi một ngày trùng phùng.

PHẠM TÚ CHÂU dịch

Nữ sĩ **NGUYỄN VI** sinh năm 1970, từng có tên trong danh sách các tiểu thuyết gia những năm 1998, 2001, 2003, 2005, 2006, 2010. Đã đoạt các giải thưởng sau: Giải thưởng Văn học Lỗ Tấn đợt 3, Giải thưởng Học hội tiểu thuyết Trung Quốc đợt 2, Giải thưởng văn học chuẩn mực đợt 10, Giải thưởng lớn văn học truyền thống đợt 9, Giải thưởng các nhà viết tiểu thuyết hàng năm. Một số tác phẩm của nữ sĩ đã được dịch sang tiếng Anh, Pháp, Nhật, Hàn, Ý, Nga, Ba Lan, Hi Lạp. Đã xuất bản trên 10 đầu sách, trong đó có "Chị gái và em trai", "Năm tháng thời đưa"... Hiện công tác tại Hiệp hội các nhà văn tỉnh Quảng Đông.

NGUYỄN VI

Gặp cầu vồng

Dải cầu vồng vắt qua nhà thờ thôn Tô,
Bầu trời cong như cổ hương mao hương về trái đất
Giò mưa gột sạch cái nóng của chiều hè,
Cánh én đen càng đen bóng
Hơi nước bắt đầu mờ mịt đám cỏ vàng,
Ông mặt nhẹ nhàng cầm tay xôm nhỏ
Cánh ong nóng lửa rượu,
Lại như đốm mây bay
Lúc này đây, mắt thâu nhận một ước mong
Biển cao xanh thành đại dương tin ngưỡng
Đứng giữa trời cảnh sắc long lanh
Cầu vồng vây quanh
Lắng nghe trong tim bùng lên ngọn lửa
Sáng trên, sáng dưới, sáng bên trong
Rực rỡ vô cùng, thanh khiết vô cùng, sắc sắc không không

Mỗi chúng ta đều có một cầu vồng
Khi sấu đời lại lấy ra suy ngẫm.

TRẦN ĐÌNH HIỂN dịch



GÓC ĐỘ VÀ MỤC TIÊU

Truyện mini của AIKEBAIER.MIJITI

NHA VĂN AIKEBAIER.MIJITI (Dân tộc Ca-dắc)

Sinh năm 1954 tại huyện Hoàn Thành - Tân Cương - Trung Quốc. Tốt nghiệp hệ Trung văn Đại học Lan Châu. Năm 1979 in tác phẩm đầu tay "Ông già Muốc-man và con chó săn Ba-lit" được trao giải truyện ngắn hay toàn quốc. Tác phẩm của ông được 3 giải văn học thiếu số toàn quốc và nhiều giải thưởng văn học khác. Hiện là Ủy viên Ủy ban Chính hiệp toàn quốc, Ủy viên Hội đồng tôn giáo dân tộc Chính hiệp toàn quốc, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó chủ nhiệm Quản ủy hội, chủ biên tạp chí "Nhà văn Trung Quốc" thuộc Tập đoàn xuất bản Nhà văn Trung Quốc, Ủy viên Hiệp hội Nhà văn Trung Quốc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa Điện ảnh và Truyền hình Hiệp hội Nhà văn Trung Quốc, Phó Chủ tịch Học hội Văn học Điện ảnh Trung Quốc. Các tác phẩm đã in: Tuyển tập truyện ngắn và vừa "Con ngựa hoang thọt chân", "Ha-li-tai tuổi 15" (4 tập), Tuyển tập Aikebaier Mijiti, Tuyển tập văn "Đêm trên hồ Cáp-nát", tác phẩm dịch "Chăm sóc A-bai", phê bình văn học "Gieo trống và thu hoạch", truyện ký "Tuyển tập truyện ký Aikebaier Mijiti"... Nhiều sách của ông đã được dịch ra tiếng nước ngoài và tiếng dân tộc thiểu số.

Nhân dịp Aikebaier Mijiti tham gia đoàn nhà văn Trung Quốc sang thăm và làm việc tại Việt Nam, Văn nghệ xin trân trọng giới thiệu một sáng tác ngắn của ông.

Nơi đây là giới tuyến. Tất nhiên không phải một đường chấm đỏ bạn thấy trên bản đồ, mà là con sông nhỏ lặng lẽ ẩn hiện trong rừng, không rộng hơn đoạn thừng tết bằng bờm ngựa.

Nhà gần đường biên, họ dùng nước của con sông nên thường lui tới.

Hồi nãy cho ngựa ra sông uống nước thấy mấy con gà cồ đậu trong rừng. Giờ đây, họ nhanh chóng trở lại với cây súng săn cỡ nhỏ trong tay. Qui định không nổ súng gần đường biên, nhưng khoảng tám trăm mét trở lại, súng cỡ nhỏ thì được phép.

Tốt rồi, lũ gà còn đó. Người chống lạp tức đẩy đạn lên nòng, chọn góc bắn tốt nhất, giương súng lên.

- Em bảo này, anh ra chỗ kia hãy bắn. Ngộ nhỉ...

Người chống ngoảnh lại. Vợ anh chỉ tay

về phía bờ sông tuyến.

Rất tin vào khả năng bách phát bách trúng của mình, nhưng anh vẫn xách súng, lom khom di chuyển về phía bờ sông với một tâm trạng không vui. Cỏ rậm loạt soạt dưới chân, ngắm chúc anh thành công.

Lũ gà hình như nhận ra ý đồ của anh, "roạt" một tiếng, đồng loạt vỗ cánh bay sang đậu trên cây bạch hoa bờ bên kia.

Anh không cần khom người nữa. Anh ngẩn người nhìn con mồi trong tầm tay, vì khoảng cách năm mươi mét trở lại vẫn trong tầm súng, nhưng nổ súng là không thể.

Chỉ trong khoảng khắc, chắc quá hóa lếp!

Anh tháo đạn khỏi nòng. Con sông nhỏ trong rừng vẫn bình thản chảy xuôi.

TRẦN ĐÌNH HIỂN dịch

TRÒ CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

NÊN HIỂU NHAU TỪ GÓC ĐỘ VĂN HÓA



Dịch giả Trần Đình Hiến.

Ảnh: NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

* Thưa dịch giả Trần Đình Hiến, ông được xem là một trong những dịch giả có uy tín dịch văn học Trung Quốc hiện nay. Cho đến ngày hôm nay, ông đã dịch được bao nhiêu tác phẩm văn học Trung Quốc?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Hơn 20 đầu sách.

* Ông bắt đầu dịch văn học Trung Quốc từ khi nào?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Sau khi đi nghiên cứu sinh tại Trung Quốc. Tôi được phân công về Bộ Ngoại giao công tác, nghiên cứu nội trị của Trung Quốc.

* Đường dẫn nào đã đưa ông từ việc nghiên cứu đường lối chính trị trong nước sang nghiên cứu văn học Trung Quốc?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Trong quá trình nghiên cứu về nội trị tôi nhận thấy họ thường nói không đi đôi với việc làm. Vì vậy tôi quyết định tìm hiểu họ từ góc độ văn hóa. Tôi bắt đầu đọc và sau đó dịch tác phẩm văn học Trung Quốc khi gặp những nhà văn Trung Quốc đương đại như Mạc Ngôn, Lý Nhue, Trương Hiến Lương, Khương Nhung. Lý do: Vì trong các tác phẩm của các nhà văn này mang đậm dấu ấn của văn hóa Trung Hoa.

* Vậy tác phẩm văn học Trung Quốc đầu tiên mà ông dịch là tác phẩm nào?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Thực ra trước khi đi nghiên cứu sinh tại Trung Quốc, tôi có giảng dạy tại trường Trung cấp Sư phạm Ngoại ngữ (nay là trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội) Khoa tiếng Trung. Hồi đó tôi có dịch hai tác phẩm (Tuyển tập kịch Lão Xá và Giêu hạt tình yêu) để phục vụ cho giảng dạy. Đó là năm 1961 và 1962, bút danh Thiên Lý.

* Để tài nghiên cứu sinh của ông là gì?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Hán ngữ cổ đại.

* Với mục đích là tìm hiểu về bản chất văn hóa Trung Quốc, vậy ông quan tâm nhất đến mảng đề tài nào trong văn học của họ?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Tôi chỉ tập trung vào những tác phẩm viết về người nông dân và trí thức Trung Quốc.

* Tại sao chỉ là hai đối tượng đó?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Bởi vì họ là những đối tượng luôn bị đè nén trong lịch sử xã hội Trung Quốc.

* Trong các tác phẩm văn học cổ của Trung Quốc cũng đề cập nhiều về tầng lớp nông dân và trí thức. Ông có nghiên cứu về những tác phẩm đó không?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Tôi có đọc nhưng để phục vụ cho nghiên cứu. Tôi không hề hứng thú ngay cả những tác phẩm được coi là kinh điển như: Tam quốc diễn nghĩa chẳng hạn.

* Tại sao vậy?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Vì các bậc "hào kiệt" chỉ vì quyền lực cá nhân chứ không vì người dân. Ngay trong Tam quốc diễn nghĩa, nếu thực bụng vì dân thì những Tào Tháo, Lưu Bị, Tôn Quyền và hàng loạt hàng loạt những "anh hùng hào kiệt" khác sao không hợp tác

Dịch giả Trần Đình Hiến là một trong số dịch giả tiếng Trung Quốc có uy tín nhất hiện nay. Ông là người đầu tiên có công đưa các tác phẩm của Mạc Ngôn, nhà văn đoạt giải Nobel văn học năm 2012, vào Việt Nam. Tuy đã ngoài 80 tuổi nhưng ông vẫn rất hăng say với công việc nghiên cứu văn hoá và văn học Trung Quốc. Ông nghĩ Trung Quốc là một nước lớn, một nền văn hóa lớn, chúng ta cần phải nghiên cứu về bản chất nền văn hoá đó để hiểu đúng về họ, để tạo dựng tư thế bình đẳng trong quan hệ láng giềng. Nhân chuyến thăm Việt Nam của đoàn nhà văn Trung Quốc, phóng viên báo Văn nghệ đã có cuộc trò chuyện với dịch giả Trần Đình Hiến.

với nhau để thống nhất đất nước, xây dựng một quốc gia hùng mạnh? Trái lại, họ thanh toán nhau quyết liệt và người nông dân bị lôi vào cuộc, trở thành vật dòn đường cho các thế lực cầm quyền. Khi chiến tranh thì nông dân đổ máu hy sinh, khi thắng lợi thì nông dân chẳng được gì, mọi lợi lộc lọt vào tay kẻ thắng cuộc. May lắm thì họ được miễn thuế vài năm, còn sau đó tiếp tục bị bóc lột đến tận xương tuỷ. Những điều này hiện vẫn tồn tại, thấy rất rõ trong tác phẩm **Báu vật của đời** của Mạc Ngôn.

* Vậy là ông chỉ hứng thú với các nhà văn đương đại của Trung Quốc?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Đúng vậy.

* Tiêu chí đầu tiên để ông bắt đầu dịch một tác phẩm văn học đó là gì?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Tác phẩm đó dứt khoát phải có tính triết lý và tư tưởng.

* Theo Ông, tiêu chí cần có của một dịch giả là gì?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Trước tiên anh phải có sự hiểu biết sâu sắc về văn hoá của chính dân tộc mình, sau đó cũng phải hiểu biết sâu sắc văn hoá của đất nước có ngôn ngữ mà anh định chuyển ngữ. Bởi, văn học dịch là sự giao lưu giữa hai nền văn hoá chứ không đơn thuần là ngữ nghĩa. Không am hiểu cả hai nền văn hóa thì khó có bản dịch tốt. Sau đó là khả năng Việt hóa ngôn ngữ, văn dịch phải như văn viết bằng tiếng Việt.

* Tác phẩm đầu tiên của Mạc Ngôn mà ông tìm đọc là tác phẩm nào?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Đó là tác phẩm **Củ cà rốt trong suốt**, tôi đọc từ những năm 80.

* Ông đã dịch bao nhiêu tác phẩm của Mạc Ngôn rồi?

Dịch giả Trần Đình Hiến: 6 tác phẩm, đó là: **Báu vật của đời**, **Đàn hương hình**, **Cây tôi nổi giận**, **Rừng xanh lá đỏ**, **Tù quốc**, **41 truyện tâm phào**

* Tại sao ông lại hứng thú dịch những tác phẩm của Mạc Ngôn?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Vì tôi thấy tác phẩm của Mạc Ngôn nói lên được số phận của người nông dân Trung Quốc. Mạc Ngôn là người phản ánh xã hội Trung Quốc bằng văn học tốt nhất trong số nhiều nhà văn Trung Quốc mà tôi được đọc. Với lại, Mạc Ngôn chính là người tôi gửi gắm những điều tôi trăn trở. Khi dịch tác phẩm **Báu vật của đời**, nhiều lúc tôi chảy nước mắt vì nghĩ đến những người nông dân quê tôi. Số phận của họ giống nhau đến kỳ lạ.

* Liệu có phải vì sự liên tưởng từ số phận người nông dân Trung Quốc với người nông dân Việt Nam đã khiến ông có động lực hơn khi dịch **Báu vật của đời**?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Khi tôi dịch tác phẩm đó không có ý liên hệ so sánh nơi này với nơi kia mà chỉ như sa vào mê hồn trận bởi phương pháp tự sự hấp dẫn của Mạc Ngôn. Còn việc liên hệ hãy dành cho độc giả.

* Đó là hình ảnh người nông dân trong Báu vật của đời còn hình ảnh người trí thức thì sao?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Để trả lời câu hỏi này, phải nói có đầu có đuôi một tí. Xưa nay ở Trung Quốc tồn tại một tầng lớp trí thức, mà người ta vẫn gọi là "tầng lớp nho sĩ". Tầng lớp này có đặc điểm không phải quý tộc nên không được thế tập (con nối chức cha làm quan), không phải doanh nhân giàu có (như Lã Bất Vi buồn cả ngôi vua), nhưng họ lại có tham vọng nắm quyền. Để khắc phục hai nhược điểm chết người và thực thi tham vọng cháy bỏng này, họ vũ trang trong đầu đủ các loại kiến thức cổ kim đông tây, trở thành nhà thông thái đầy mưu sâu kế hiểm, buộc nhà cầm quyền phải sử dụng họ trong mọi việc. Và trong những biến động lịch sử, họ thừa cơ nhảy vào chính quyền. Tầng lớp nho sĩ là "túi khôn" trong thiên hạ, người nào sử dụng được túi khôn đó, "quyền lực mềm" hơn cả nhà vua. Những người như Mạnh Thường Quân, Tín Lăng Quân trong nhà có đến vài ngàn thực khách là vì vậy. Chế độ xã hội Trung Quốc dù phong kiến trung ương tập quyền hay địa phương cát cứ, nửa phong kiến nửa thuộc địa hay cộng hòa nhân dân, tính chất tầng lớp trí thức Trung Quốc hầu như không thay đổi. Có điều hoàn cảnh sống của họ có khác xưa một chút: Có một tí tài sản, một tí danh vọng, một tí vợ đẹp con khôn. Theo Giáo sư Đại học Macao Dịch Trung Thiên: "Xưa nay làm nên chuyện ở Trung Quốc, không ngoài hai loại người: Một là những kẻ lưu manh (như Lưu Bang); hai là những hào tộc giàu có. Lưu Bang được ăn cả ngã về không; Các hào tộc thua keo này bày keo khác. Tầng lớp nho sĩ trí thức sợ mất những "tí" ấy nên họ không dám liều, mất là mất sạch, trở nên hèn. Vì vậy họ tiến thân bằng cách đầu quân cho một thế lực nào đó do họ chọn, những mong theo voi hít bã mía, duyên may thì có thể vinh thân phì gia! Gặp chủ tốt (chuyện này cực hiếm) thì còn đỡ; lỡ gặp chủ không ra gì (chuyện này là phổ biến) thì coi như mất vận. Tình trạng trí thức Trung Quốc trong xã hội cổ truyền là như vậy. Và đến thời nay, tôi nghĩ, số phận họ cũng không thay đổi được là bao.

* Vậy ông đã nhìn thấy thân phận người trí thức như thế nào trong các tác phẩm văn học đương đại Trung Quốc?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Tôi có thể thấy được hình ảnh người trí thức trong tác phẩm **Đàn hương hình** của Mạc Ngôn. Dám làm nên chuyện như Tiên Hùng Phi thì thấp cơ dưới tay cáo già Viên Thế Khải. Còn Tri huyện Tiên Đình hai bảng cử nhân, dung mạo của quan phụ mẫu, thương dân nhưng hèn! Số phận ông ta cũng chẳng khác gì người nông dân Cao Mật, bị khinh rẻ và kết thúc bằng bị kịch.

* Sau khi Mạc Ngôn giành giải Nobel, có hai luồng dư luận trái chiều nhận xét về văn của Mạc Ngôn. Cá nhân ông, ông đánh giá thế nào?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Lâu nay người ta thường coi tác phẩm đoạt giải Nobel phải là văn chương bác học. Khi đã quen như thế rồi thì họ thấy văn của Mạc Ngôn có gì đó bỗ bã mà không thấy phần nhân sinh trong tác phẩm của ông. Văn của Mạc Ngôn không có sự trau chuốt kiểu quý phái mà nó là hiện thực trần trụi như xã hội Cao Mật. Quan tâm lớn nhất của ông ta là số phận con người. Ông từng phát biểu tại Mỹ rằng ông quan tâm đến tất cả những nghịch lý ở Trung Quốc cũng như trên thế giới, và đem tất cả những cái đó về vùng đất Cao Mật quê hương ông, biến Cao Mật thành một vương quốc mà ông là Quốc vương ở đó. Viện Hàn Lâm Thụy Điển rất tình khi nhận định: "Mạc Ngôn viết về những người nông dân quê hương ông, về cuộc đấu tranh dữ dội của người nông dân để bảo vệ quyền sống và quyền tự do được sống. Họ cũng giành được đôi chút thắng lợi, nhưng họ đã tiêu phí mất cả cuộc đời". Tưởng không gì chính xác hơn.

* Có người nói nếu không có vùng đất Cao Mật thì sẽ không có Mạc Ngôn đoạt giải Nobel.

Dịch giả Trần Đình Hiến: Điều đó cũng đúng. Mạc Ngôn không phải là người được học hành nhiều. Sự học ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp là học trong nhà trường. Nhưng bù lại ông học được rất nhiều từ văn học dân gian Cao Mật, từ tính cách quật cường nhưng thô lỗ vừa đáng yêu, vừa đáng ghét của người Cao Mật. Theo tôi, điều làm nên một Mạc Ngôn của ngày hôm nay còn là sự nghèo đói. Bản thân Mạc Ngôn nhiều khi đói mở mắt, có lẽ vì thế mới viết được những tác phẩm rất thực, rất đời như ta đã biết.

* Có bao giờ ông nghĩ mình sẽ gặp Mạc Ngôn không?

Dịch giả Trần Đình Hiến: (cười) Để làm gì. Chính Mạc Ngôn cũng nói: "Tác giả và người đọc không cần gặp nhau. Hiểu nhau qua tác phẩm là chính xác và đầy đủ nhất"

* Vậy ông cũng cho văn là người?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Đúng vậy. Văn tức là người. Nhà văn không thể giấu mình trong tác phẩm. Đây là đặc thù của văn học mà những thể loại khác không có.

DUYÊN PHÂN BẤT NGỜ MÀ GẮN BÓ

Đỗ Mai Quyên, thường được gọi là Dennis Q. sinh năm 1986, nguyên là sinh viên khoa Hán Nôm trường Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh. Việc dịch sách đến với cô gái trẻ này cũng hoàn toàn tình cờ, nhưng đã trở thành duyên phận. Với gần 100 đầu sách đã dịch, biên tập, Dennis Q. có thể nói là một "dịch giả trẻ" có gia tài khá đồ sộ và giàu có trong nghề nghiệp của mình hiện nay.

* *Den đã có một năm học tại Trung Quốc, nhưng duyên cớ từ đâu lại gắn bó với việc dịch sách này?*

- Lúc còn du học ở Trung Quốc, có lần tôi lên một trang web có đăng truyện Sê có một thiên thần thay anh yêu em, đó là lần đầu Den tiếp cận với thế giới "ngôn tình Trung Quốc" nên thấy rất hứng thú. Ai ngờ bạn dịch truyện đó lại chỉ dịch một nửa mà bỏ dở giữa chừng, không hẹn ngày dịch tiếp. Mọi người trên diễn đàn cũng kêu gọi dữ lắm, hỏi ai có biết tiếng Trung để giúp mọi người được đọc tiếp không, tôi nghĩ mình cũng nên thử xem sao, vừa được đọc truyện vừa giúp mọi người theo dõi tiếp kết cuộc câu chuyện, thế là bắt tay vào dịch và kéo dài cho tới bây giờ. Có thể nói với tôi, dịch sách là duyên phận bất ngờ mà gắn bó...

* *Được biết từ đó đến nay bạn đã trở thành một dịch giả trẻ khá thành công đối với thể loại tiểu thuyết ngôn tình Trung Quốc. Để có được thành công trên con đường dịch thuật ngày nay không phải là dễ và ít ai có thể làm được như bạn, dịch hay trôi chảy nhưng vẫn giữ được nét riêng của mỗi tác phẩm. Den có thể chia sẻ kinh nghiệm, bí quyết dịch thuật cho những người có dự định làm việc trong ngành nghề biên, phiên dịch này không?*

- Thực ra tôi cũng chưa từng nghĩ mình sẽ làm nghề dịch giả này, ban đầu chỉ đơn thuần là muốn được đọc truyện và chia sẻ với mọi người thôi. Nhưng không ngờ là càng dịch càng thấy thích, càng thấy đam mê muốn được học hỏi và dịch nhiều hơn. Khởi đầu thì tôi cũng gặp khá nhiều khó khăn về vốn từ, nên phải vừa dịch vừa lật từ điển giấy, tra từ điển trên mạng và tìm hiểu từ nhiều nguồn

khác trên các trang mạng Trung Quốc. Dần dà thì "lên tay" và câu văn cũng trau chuốt hơn. Tôi có thói quen dịch xong thường kiểm tra lại và chỉnh sửa một lượt mới giao bản dịch, vừa tốt cho mình mà cũng đỡ cho biên tập viên nữa.

Cũng có một bí quyết là các bạn hãy nghe nhiều nhạc Trung và dịch lời bài hát để nâng cao tay nghề...

* *Tác giả khiến bạn đặc biệt yêu thích là ai? Và vì sao lại thích?*

- Tôi thích tác giả Cổ Mạn, Tiên Chanh và Hoa Thanh Thần nhất. Mỗi tác giả có một thủ pháp riêng, cách xây dựng nhân vật cũng như cốt truyện khá đặc sắc. Cổ Mạn thì trẻ trung, hài hước nhưng không kém phần sâu sắc. Tiên Chanh dí dỏm và khá thực tế. Còn Hoa Thanh Thần lại có một vẻ tươi mới, hóm hỉnh. Nhìn chung thì tôi thích những tác giả viết thiên về "happy ending" và hài hước hơn.

Còn nếu hỏi trong ba tác giả trên tôi thích ai nhất thì câu trả lời là Cổ Mạn. Ở Cổ Mạn, tôi thấy có một sự lạc quan, dí dỏm và sâu sắc. Có lẽ tốc độ thì là chậm nhất trong các tác giả. Nhưng Cổ Mạn cho Den một cảm giác rằng, phải chờ đợi một tác phẩm của chị thì cũng xứng đáng đó chứ (tuy rằng chờ đợi không là hạnh phúc...)

* *Những cảm xúc do truyện mang lại đã bao giờ ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của bạn hay chưa? Ngược lại, tâm trạng có tác động như thế nào đến quá trình dịch thuật của Den?*

- Cũng có lúc ảnh hưởng chút xíu, chẳng hạn lúc dịch quyển Ai là ai của ai, đến những đoạn bức xúc, tôi cũng đập bàn phím hư luôn, phải thay cái mới... (Cười)... Hoặc có lần đọc quyển Paris không có du quay, kết truyện nhân vật nam chính chết, tôi cũng khóc suốt một, mấy hôm sau vẫn còn bồn chồn. Chắc do vậy mà tôi không thích dịch những truyện có kết thúc buồn hoặc nhân vật nào đó phải chết...

* *Qua các tác phẩm đã dịch, bạn cảm thấy giới trẻ Trung Quốc hiện nay như nào? Nhân vật hoặc cốt truyện nào khiến bạn suy nghĩ, thậm chí ám ảnh lâu sau khi dịch xong?*

- Tôi cảm thấy giới trẻ Trung Quốc phần nào được phản ánh khá rõ qua các



câu chuyện ngôn tình. Họ hiện đại, hài hước, dí dỏm, chịu ảnh hưởng văn hóa phương Tây nhiều, đặc biệt là các yếu tố "tiền tài"... Những câu chuyện này, có lẽ ám ảnh thì chưa tới, nhưng chuyện khiến tôi nhớ mãi chính là tác phẩm *Bên nhau trọn đời*, cho dù cốt truyện rất nhẹ nhàng, không có sóng gió cao trào, nhưng không hiểu sao từng câu từng chữ tôi vẫn nhớ tới bây giờ. Văn chương, và đặc biệt là câu chuyện về một mối tình tình của Hà Dĩ Thâm và Triệu Mặc Sinh cũng khiến tôi rất hàm mộ và cảm động.

* *Các tác phẩm Den dịch đa phần là ngôn tình Trung Quốc. Theo nhận xét cá nhân của bạn, vì sao tiểu thuyết Trung Quốc lại lôi cuốn giới trẻ đến thế? Bên cạnh đó có nhiều ý kiến cho rằng đọc tiểu thuyết Trung Quốc tạo "xu hướng lệch lạc cho giới trẻ", bạn nghĩ sao về ý kiến này? Với tư cách là một dịch giả được nhiều bạn trẻ yêu thích, bạn có nhân nhủ hay chia sẻ với độc giả không?*

- Tiểu thuyết ngôn tình Trung Quốc vẽ ra một xã hội mà những cô gái hay mơ tưởng, ví dụ gặp được một anh chàng điển trai, tài giỏi, nhà giàu chẳng hạn... Nhưng bên cạnh đó, không phải truyện nào cũng vậy, mà nó cũng nêu ra những vấn đề thực tế của xã hội hiện nay chứ không chỉ là viễn vông, hoang tưởng. Bên cạnh đó, những cảm xúc của nhân vật được khắc họa, miêu

tả rất thật, khiến chúng ta có thể sống cùng họ, trải nghiệm cùng họ, từ đó có thể học được những điều rất hay và bổ ích.

Về ý kiến "tạo xu hướng lệch lạc cho giới trẻ", tôi nghĩ chỉ đúng một phần nào đó thôi. Cũng có thể các bạn sẽ mơ tưởng đến một người đàn ông y hệt nam chính trong ngôn tình, rồi chờ đợi một người hoàn hảo như vậy. Nhưng dù sao nó cũng chỉ nằm trong một số ít suy nghĩ và trong một số trường hợp nào đó thôi. Nhân vô thập toàn mà, hẳn các bạn sẽ phân biệt được đâu là đời thực, đâu là tiểu thuyết, và chắc chắn sẽ không sa lầy vào ảo tưởng mà truyện ngôn tình vẽ ra đâu...

* *Cá nhân mình, Den cho rằng mình đã học được gì từ thế giới ngôn tình?*

- Chẳng hạn về cách đối nhân xử thế, trong công việc và tình cảm. Có những quyển tiểu thuyết được xây dựng rất thật, ngay chính bản thân tác giả đã trải qua nên có thể đó là những trải nghiệm và bài học quý giá để chúng ta học hỏi. Đồng thời, truyện cũng làm phong phú thêm thế giới tinh thần của mình, cho mình thêm yêu cuộc sống này hơn qua những câu chuyện vui vẻ, có kết thúc đẹp.

* *Ngôn tình Trung Quốc hiện đang được đánh giá là bão hòa và có xu hướng tụt lùi, vì cơ bản không có gì mới ngoài những câu chuyện đắm nước mắt và một đời sống nhưng lựa phi thực tế, Den nghĩ về điều này như nào? Và có những dự định/định hướng gì về dòng sách mà mình sẽ theo đuổi trong tương lai?*

- Hiện tại có thể là ngôn tình Trung Quốc đang đi vào lối mòn và có xu hướng bão hòa, nhưng tôi nghĩ nó vẫn sẽ tồn tại song song với những dòng văn học khác, vì không chỉ có những câu chuyện tình đắm nước mắt hay đời sống cao sang, giàu có... mà còn không thiếu những tác phẩm có giá trị khác, phản ánh đầy đủ thực tế và con người, xã hội Trung Quốc hiện nay. Tôi vẫn còn thích và muốn theo đuổi dòng văn học này, nhưng có thể sẽ thử sức ở các dòng văn học Trung Quốc khác để rèn luyện bản thân nữa.

* *Cảm ơn Den đã cùng chia sẻ với chúng tôi.*

ĐINH HƯƠNG thực hiện

* *Khi nghe tin Mạc Ngôn nhận giải Nôben ông thấy thế nào?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Tôi cũng thấy vui, vì những nhận xét của tôi về ông ta không sai. Ngay từ khi phát hành bản dịch *Báu vật của đời* năm 2001, tôi đã mượn lời nhà văn Nhật được giải Nôben năm 1994: "Ở Trung Quốc, người có khả năng được trao giải Nôben văn học là Mạc Ngôn". Câu này in ở bìa 4.

* *Ông đánh giá thế nào về văn học Trung Quốc hiện nay?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Theo tôi, ngoài một số tác phẩm có giá trị về nhân sinh thì đó là một nền văn học thả nổi. Tức là anh muốn viết gì thì viết ngoại trừ những vùng cấm, hiện có bảy vùng: Cấm bàn về giá trị nói chung của con người; cấm bàn về tự do ngôn luận; cấm bàn về xã hội công dân; cấm bàn về giá trị công dân; cấm bàn về những sai lầm trong lịch sử Đảng (Cộng sản Trung Quốc); cấm bàn về giai cấp có đặc quyền mới nổi (ở Trung Quốc); cấm bàn về tư pháp độc lập. Đây là bảy "cấm lệnh" do Chính phủ công bố, không phải thông tin vỉa hè.

* *Thời gian vừa qua ở Trung Quốc nổi lên nhiều cây bút trẻ rất được công chúng đón đọc. Ông nhìn nhận thế nào về thế hệ nhà văn này?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Nó chỉ là nhất thời. Cũng có một số cây bút gây được ấn tượng, tác phẩm của họ nói lên được những bức xúc của xã hội nhưng thiếu tính tư tưởng, nên nó không bền. Không phải tất cả những tác phẩm bán chạy đều là hay; đôi khi có những tác phẩm hay lại không bán được. Cái đó còn phụ thuộc vào thị hiếu của người đọc, thế hệ người đọc.

* *Theo ông thì tại sao văn học Trung Quốc hiện nay*

lại rơi vào tình trạng đó?

Dịch giả Trần Đình Hiến: Vì nó có một đối thủ đáng gờm: văn hóa nghe nhìn. Loại văn hóa này nhanh gọn, nội dung dễ dãi, tinh tiết không phức tạp, đáp ứng nhu cầu giải trí của số đông đang chạy theo đồng tiền. Một nguyên nhân quan trọng khác: Do tác phẩm văn học không hấp dẫn nên người đọc bỏ đi xem truyền hình.

* *Nhiều năm trở lại đây, những tác phẩm văn học dịch của ông được bày bán nhiều trên các quầy sách. Điều đó có phản ánh tỉ lệ thuận với thu nhập của ông trong công việc dịch thuật hay không, là ý tôi đang muốn nói đến nhuận bút?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Trừ vài trường hợp đặc biệt mà tôi không tiện nêu tên, làm gì có dịch giả sống được bằng dịch văn học. Chẳng qua đó là cái "ngiệp", là sự đam mê khiến mình phải theo đuổi thôi. Ví như cuốn *Báu vật của đời* gần ngàn trang, tôi cũng chỉ được 6 triệu tiền nhuận bút trong khi số lượng phát hành lên đến ba trăm nghìn bản (qua điều tra xã hội học). Bản thân tôi vẫn phải lấy tay trái nuôi tay phải. Tôi sống bằng lương hưu, sống bằng việc dịch các tài liệu kinh tế, kĩ thuật qua các hợp đồng.

* *Đối với ông dịch các tác phẩm văn học có phải là công việc mệt nhọc không?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Mệt nhưng có ý nghĩa. Tôi cảm thấy rất thoải mái và hứng thú với công việc này.

* *Ông đánh giá thế nào về bức tranh văn học dịch nói chung và dịch văn học Trung Quốc nói riêng ở nước ta hiện nay?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Khi mà chúng ta chưa có

một chiến lược thì sự lổ mổ ắt xảy ra. Cái đáng dịch thì không dịch, cái không đáng dịch thì lại dịch. Có tác phẩm hay nhưng không ăn khách, lại còn bị cản trở, có tác phẩm kém chất lượng nhưng ăn khách lại được tung ra. Tức là chúng ta không có chỉ đạo chặt chẽ. Văn học dịch như cửa sổ nhìn ra thế giới, làm phong phú thêm tâm hồn con người. Những tác phẩm có giá trị không có quốc tịch. Chúng là tài sản chung của nhân loại. Hiện có một địa chỉ đang dịch những tác phẩm kinh điển của thế giới ra tiếng Việt, nhưng sức lực có hạn. Đó là Nhà xuất bản Tri thức của Giáo sư Chu Hào.

* *Ông đánh giá thế nào về đội ngũ dịch giả văn học Trung Quốc ở nước ta hiện nay?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Những người dịch văn học Trung Quốc ở nước ta hiện nay cũng không ít, nhưng việc đánh giá chính xác cần phải có thời gian. Phát biểu bây giờ hơi sớm.

* *Vậy các dịch giả trẻ thì sao?*

Dịch giả Trần Đình Hiến: Các bạn trẻ hiện nay có điều kiện tiếp cận ngôn ngữ hiện đại, tìm kiếm tác phẩm qua mạng dễ dàng hơn. Nhưng vẫn xin nhắc lại: Cần hiểu rõ nguồn cội văn hóa Trung Hoa để nắm bắt được nội hàm văn hóa đó qua nguyên tác; Cần trau dồi văn hóa Việt và tiếng Việt. Chỉ khi nắm được cả hai nền văn hóa thì mới mong bản dịch thành công.

* *Xin cảm ơn dịch giả Trần Đình Hiến về cuộc trò chuyện này. Kính chúc ông sức khỏe để tiếp tục có những tác phẩm dịch làm hài lòng công chúng.*

TRẦN VŨ LONG thực hiện

MỘT người không biết là đàn ông hay đàn bà đi cà nhắc, lẻ từng bước nặng nhọc tiến về làng cùng chiều với tôi. Bóng đêm phủ lên người đó một màu đen sẫm. Có tiếng va đập giữa gỗ và đá phát ra từ cái bóng ấy. Bước lại gần, ánh trăng lu chỉ đủ cho tôi nhận ra đó là một người đàn bà, bị mất chân trái đang gõ chiếc nạng gỗ lên mặt đường thôn vừa mới rải xong lớp đá sỏi. Tôi lướt qua, người đàn bà quay mặt lảng tránh. Loáng thoáng nhận ra người đàn bà có nét gì đó quen quen, tôi quay lại, nhận ra ngay chị gái mình. Tôi bàng hoàng thốt lên: "Ồi chị Tươi" rồi lao đến ôm chị. Chị tôi buồn nang ôm chặt tôi, xúc động: "Em đi đâu về muộn thế này?". Tôi sụt sùi: "Em đi tiễn bạn lên đường nhập ngũ ở làng bên... mà chân chị đau thế sao không về vào ban ngày hả chị"? Giọng chị buồn buồn: "Chị không muốn người làng nhìn thấy chị trở về trong bộ dạng như thế này em à!"

Khi nghe tiếng chị nhỏ nhẹ qua cánh cửa gọi: "Mẹ ơi con đã về". Mẹ ngơ ngác chạy ào ra cổng. Đỡ chị ngồi lên bậc thềm, mẹ cúi xuống mân mê đoạn bó phần dưới đùi chân trái của chị, giàn giụa nước mắt: "Còn đau không con?"

Tôi soi ngọn đèn dầu dưới mắt trên trần ngắm chị, giọng nghẹn ngào: "Còn chỗ nào bị thương nữa không, chị"? Chị hấp tấp đưa bàn tay trái giữ chặt áo. Dí ngón trỏ bàn tay phải vào trán tôi, chị đe: "Em vẫn chứng nào tật ấy. Tò mò vừa vừa thôi. Em muốn chị bị thêm những chỗ khác nữa à?"

Cả tôi và chị cùng cười, nhưng lòng chúng tôi đang khóc như mẹ...

Sáng hôm sau, tôi cùng chị ra trình diện ủy ban nhân dân xã. Ông chủ tịch đọc quyết định của cơ quan chủ quản đưa chị trở về địa phương với lý do là thương binh, không còn đủ sức khỏe để tiếp tục chiến đấu. Cơ quan tuyên dương hành động anh hùng của chị bị bom cắt cụt một chân, còn một chân vẫn cố gượng dậy phát cớ chỉ đường thoát hiểm cho ba chiếc xe chở vũ khí chỉ viện cho miền Nam.

Ngày chị còn ở nhà, tôi và chị ngủ chung giường. Bây giờ, thì không. Chị bảo, sợ khắp mình, chị sợ bị đụng chạm, em sang ngủ với mẹ, thỉnh thoảng chị sang, ba mẹ con nằm cùng.

Chị đi tắm, tôi muốn tắm cùng chị, kỳ lưng cho chị, hai chị em cùng tắm cho nhau. Nhưng, chị nhất định không. Tôi giận chị. Chị bảo, em lớn rồi, tắm chung đâu có được.

Hôm sau, chị nhờ bác thợ mộc sửa lại nhà tắm, làm thêm một cái chốt cửa bên trong. Thế là tôi hết mộng được tắm chung với chị. Mỗi lần chị tắm xong, tôi thấy, mắt chị đỏ hoe, sưng mọng. Hình

HOA MUỘN

Truyện ngắn của NGUYỄN ĐĂNG AN

như là chị khóc. Chị khóc một mình trong nhà tắm. Linh cảm thấy có điều gì đó không ổn ở chị. Tôi băn khoăn lo lắng.

Một lần, do tắm lâu, khóc nhiều, chị bị cảm và sốt cao. Chị nằm mê man, toàn thân nóng như than lửa. Tôi mở khuy áo, lấy chiếc vòng bạc cạo gió cho chị. Bấu ngực chị đẹp, trắng ngần, tròn đầy, hấp dẫn. Chị tôi mới hai mươi mốt tuổi. Chị đang ở độ tuổi đẹp nhất trong đời.

Một tay cầm chiếc vòng bạc cạo gió, tay kia, tôi kéo quần chị xuống dưới. Trời ơi, một mảng sẹo nham nhở sần sùi chiếm hết thảy phần bụng dưới của chị, loang cả ra "cái khuôn vàng" đẹp nhất của người con gái. Mắt tôi hoa lên, bàng hoàng. Những vết sẹo vẫn vện, nổi to bằng đồng xu, có cả những vết sẹo sâu, lõm to bằng lỗ dao. Tôi ân hận: "Chị ơi, em hiểu vì sao chị không cho em tắm cùng với chị".

Chị vẫn sốt mê man. Tôi lao xuống bếp tìm mẹ. Mẹ chạy lên phòng, nhìn vết thương kín trên thân thể con. Mẹ ôm chị, khóc thảm thiết.

Tiếng khóc của mẹ làm chị bừng tỉnh. Thấy mẹ và tôi nước mắt đầm đìa, chị quàng tay ôm mẹ: "Con giấu vì không muốn mẹ và em đau đớn. Mẹ ơi, với bộ dạng như thế này, con gặp lại anh Minh làm sao được. Con muốn mẹ giúp con: Rồi đây anh Minh sẽ về nước. Con không chắc anh Minh sẽ tìm được con. Nhưng nếu tìm được, mẹ đừng cho anh Minh gặp con mẹ nhé - quay sang tôi, chị dặn - "Cả Vui nữa, em nhớ chưa!". Tôi và mẹ cúi xuống ôm chị. Ba mẹ con tôi ôm nhau khóc.

Cuộc chiến tranh đang thời kỳ ác liệt. Mỹ liên tục dội bom xuống dải đất Trường Sơn có tuyến đường huyết mạch. Lần ấy, một trận bom ném đúng nơi tiểu đội chị đóng quân. Năm cô gái và hai nam thanh niên "mì chính cánh" của tiểu đội thanh niên xung phong hy sinh ngay cạnh hố bom. Ba cô gái bị thương nặng trong đó có chị.

Trở về địa phương, chị không thể ra đồng nhổ mạ cấy lúa như mọi người. Chị được bà con tin nhiệm bầu làm Hội trưởng Hội Phụ nữ xã.

Cuộc chiến tranh kết thúc. Anh Minh, người yêu của chị cũng sắp mãn khoa

học. Không biết anh Minh tiếp tục ở lại nước bạn học cao hơn hay sẽ trở về? Mỗi lần nghĩ về anh Minh, nhớ anh, chị buồn. Mỗi tình giữa chị và anh Minh được bồi đắp trong đạn bom khói lửa. Mỗi tình ấy được dệt bằng sự hy sinh cho nhau không một toan tính...

Mùa thu năm ấy, anh Minh về nước nhận công tác ở Bộ Giao thông Vận tải. Chị giải ngũ cũng đã được gần hai năm. Tranh thủ tháng nghỉ trước ngày nhận công tác, anh quyết định đi tìm chị. Nhưng biết tìm đâu bây giờ, bởi anh nhớ ra, hôm chia tay, anh ghi vội mấy dòng địa chỉ quê anh cho chị chứ chưa kịp lấy địa chỉ quê hương chị. Mò kim đáy biển, anh lên tàu vào thăm lại cung đường Trường Sơn năm ấy, từ đó may ra lần được dấu vết gì đó về chị.

Cung đường năm xưa vẫn còn đây, nguyên vẹn những hố bom bên đường và rừng cây nơi đơn vị thanh niên xung phong Đoàn 12 của anh đóng đại bản doanh. Và đây nữa, đồi lim, giao thông hào, nơi bắt đầu tình yêu của anh chị. Hào giao thông chạy ngoằn ngoèo dọc theo vách núi, cỏ xanh mướt lấp đầy. Để nguyên cả áo quần, anh nhảy ào xuống đoạn giao thông hào sâu đến ngực. Anh nằm duỗi ngáp chìm trong cỏ. Anh nhìn trời cao qua những kẽ lá rừng xanh. Thẩn thức nỗi lòng, anh nghĩ mình như sống lại những ngày qua. Hôm ấy, tiếng bom nổ rất gần, anh đang san lấp cung đường, bị sức ép bom, ngất đi. Chị cũng anh xuống giao thông hào, chính đoạn này, chỗ anh đang nằm đây. Liên tiếp những đợt bom mới nổ nổi nhau trên mặt đất. Chị nằm úp lên người anh che chắn cho anh. Cảnh cây gãy đổ lên người chị, lấp hết cả lối lên. Bom dừng. Anh tỉnh lại. Những sợi tóc của chị ướt đầm mồ hôi, bùn đất xòa lên mặt anh. Anh ngậy ngất vì hơi ấm từ ngực chị - hơi ấm từ người con gái che chở cho anh giữa chiến trường ác liệt, như dòng suối mát hòa lẫn tình yêu với sự hy sinh không toan tính của người con gái chạy lan khắp cơ thể anh. Anh xúc động và lâng lâng hạnh phúc. Anh nằm yên như anh chưa tỉnh, vì anh sợ chỉ cần một cử động nhẹ thôi cũng sẽ làm mất đi giây phút trời cho này.

Có tiếng đồng đội lao xao trên mặt đất. Anh em trong đơn vị đi thu lượm, dỡ bỏ cành cây đổ. Chị chống tay vào anh đứng dậy. Đôi má chị đỏ hồng. Chị nhảy vọt lên bãi cỏ rồi rồi mất hút trong khu rừng ngồn ngộn cây đổ.

Như tỉnh cơn mơ, trở về với thực tại, xao xuyến trong lòng, anh đứng dậy, bước lên khỏi hào giao thông. Anh đi sâu vào khu rừng phía trước mặt. Gặp lại bãi cỏ dưới đôi thông sát con suối nước róc rách chảy. Bãi cỏ, nơi đây, anh và chị có lần nằm bên nhau trước lúc đi xa. Anh cúi xuống đưa bàn tay vuốt những ngọn cỏ đang rạp mình trên mặt đất. Anh thì thầm: "Cỏ ơi mi còn nhớ ta không? Cho ta xin lỗi, đêm đó vì ta mà mi khốn khổ. Ta xin lỗi mi nhé. Ta cầu mong mi chỉ giúp ta, có ấy giờ ở đâu?". Im lặng, cỏ la đà. Gió thổi rì rào trên những ngọn cây. Tiếng chim rừng lạc đàn đâu đó lúi chúi gọi vào hoang vắng. Anh như mê man trong cõi cuồng si... "Anh ơi em yêu anh lắm. Nhưng ta hãy dành giây phút đẹp nhất cho đêm tân hôn anh nhé!". Tiếng chị vẫn còn đây, vàng vang bên tai anh. Vậy mà... chị mất hút. Bây giờ anh không biết tìm chị ở đâu?

Anh trở lại khu lán trại nơi đóng quân. Dấu vết một thời bây giờ trống không. Anh đành trở về để bắt đầu một cuộc trường chinh mới đi tìm chị - người bạn đời - vợ của anh.

Tổng đội thanh niên xung phong từ trung ương đến địa phương đã giải tán. Công tác lưu trữ quản lý hồ sơ thời chiến gặp khó khăn và bị đạn bom tiêu huỷ phần lớn. Anh đã cố tìm nhưng không được. Lăn theo lời kể của chị, anh đi dọc dòng sông La để kiếm tìm. Anh đã lùng sục từng thôn làng, hỏi từ ông già đến con trẻ. Nhưng vô vọng. Dòng sông La vẫn hùng hờ như không muốn chấp nhận anh.

Anh nhớ năm 1972, Tiểu đội hợp khẩn cấp đơn vị vào ban đêm. Tiểu đội trưởng Quân đọc quyết định của cấp trên cử anh và chị, hai người đều tốt nghiệp phổ thông đoạt loại xuất sắc ra Hà Nội tập trung để sang Liên xô học đại học. Tiểu đội trưởng Quân nói: "Hiệp định Paris sắp ký kết. Đây là quyết định của nhà nước mang tính chiến lược lâu dài. Để nghị anh Minh và chị Tươi chấp hành".

Lần đó, anh và chị bàn nhau viết đơn xin ở lại. Nhưng đơn vị quyết định cử một người ra đi để không mang tiếng chống lệnh. Chị thuyết phục anh đi du học, còn chị ở lại cùng anh em đơn vị.

Bắt đầu mùa xuân mới, bố mẹ anh chủ động gặp anh hỏi thúc. Bố anh nói: "Con đi tìm cô Tươi đã hàng năm nay rồi mà không được. Bố mẹ cho rằng đó là công việc tìm kim đáy biển. Bố mẹ muốn anh kết thúc công việc tìm kiếm để lấy vợ. Bố mẹ đã ở tuổi cổ lai hy rồi mà chưa có cháu bé nên tuổi thân lắm con à". Anh



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

thương bố thương mẹ. Anh xin phép bố mẹ cho anh tìm lần cuối, nếu không được anh sẽ thực hiện ý nguyện của bố mẹ.

Tranh thủ dịp nghỉ Tết năm đó, anh lấy bản đồ tỉnh Hà Tĩnh ra rà soát lại toàn bộ các làng xã dọc sông La. Anh nhận thấy mình còn bỏ sót hai làng ở thượng nguồn xa lắc chưa đặt chân tới. Thế là anh lại ra đi. Anh đến làng Lành đầu tiên. Tiếp anh là trưởng thôn Trần Hoan. Chẳng cần nghe anh trình bày hết lí do, ông trưởng thôn khẳng định ngay rằng: "Đúng là cô Tươi, chị cô Vui và con bà Thân rồi. Cô là thương binh cụt chân, hiện đang làm Trưởng ban Phụ nữ xã". Minh sung sướng đến vỡ toang cả lồng ngực. Anh cảm động khi biết Tươi vẫn chưa lấy chồng.

Buổi sáng mùa xuân năm ấy, gió se lạnh thổi miên man trên vùng đồng chua nước mặn. Theo thói quen, chị ngồi trước hiên nhà ngắm cánh đồng lúa mênh mang. Chị bỗng thấy một người đàn ông cao lớn, với dáng đi..., sao mà giống anh đến thế. Chị chợt dạ, nhớ đến anh.

Người đàn ông ấy đi trên con đường dẫn thẳng đến cổng nhà chị, cất tiếng gọi: "Bác Thân có nhà không ạ".

Chị nhận ra giọng nói của anh. Đúng là anh thật rồi. Chị luống cuống gọi mẹ và em gái, rồi trốn vào buồng, vui mặt vào gối khóc.

Anh trịnh trọng giới thiệu: "Cháu chào bác. Cháu là Minh bạn của Tươi thời thanh niên xung phong đây ạ".

Nhìn thấy tôi, anh nói như reo lên: "Ồi đây có phải là Vui, em gái chị Tươi không. Trông giống chị Tươi quá?"

Mẹ và tôi im lặng. Chúng tôi chỉ biết gật đầu chào anh rồi oà khóc. Anh hốt hoảng: "Mẹ ơi, em Tươi có chuyện gì thế ạ?".

Mẹ tôi gạt nước mắt nhìn anh: "Em Tươi bị thương giải ngũ về quê nhưng không lao động được. Em phải ra thành phố kiếm việc làm rồi".

- Thế lúc nào Tươi về hà mẹ?
- Tôi không rõ nhưng chắc là sẽ lâu đấy.

- Chị có dặn em, nếu anh vào hãy nói lại với anh là chị đã có người khác rồi. Chị muốn anh thông cảm và tha thứ cho chị. - Tôi can đảm nói xen lời mẹ.

Anh bình tĩnh khẳng định: "Con biết. Tươi không phải là loại người như thế".

Mẹ khóc nức thành tiếng, anh khấn khoản: "Mẹ nói cho con biết đi, hiện giờ Tươi đang ở đâu, con đi tìm Tươi suốt cả năm trời rồi đấy mẹ à".

Tình cảm của anh làm mẹ cảm động. Anh là người bạn đời li tưởng của con gái mình. Giá con gái còn lành lặn, bà đã có được chàng rể trong mơ này. Đúng là bà không có phước. Con bà bây giờ làm sao sánh với anh được nữa.

- Anh cứ về đi, lúc nào Tươi về tôi sẽ báo cho anh - Mẹ đuối khéo.

Tôi nói lảng: "Anh để địa chỉ liên lạc lại, đợi chị Tươi về em sẽ báo cho anh".

Tình thế khó để anh được ở lại đợi chị về. Anh nhờ mẹ và Vui thuyết phục chị cho anh sớm được gặp.

Anh lặng lẽ ra về. Từ trong phòng, chị mở cửa chạy ra đứng nhìn theo bóng dáng anh đang khuất dần sau hàng rào đâm bụi hoa đỏ lập lờ trong ráng chiều. Nước mắt giàn giụa, chị khe khẽ: "Minh ơi, tha lỗi cho em. Để anh trở về đêm hôm như thế này em đau lắm. Nhưng còn cách nào nữa đâu anh. Em muốn giữ tình yêu anh mãi mãi".

Mẹ bước lại gần, ôm chị khóc: "Anh Minh là người tốt. Anh yêu con lắm Tươi à".

Tôi mếu máo: "Anh Minh yêu chị lắm. Hay chị cứ liều gặp anh xem sao?". Chị cúi: "Em thử đặt em vào hoàn cảnh chị, em sẽ xử lý như thế nào?"

Tôi oà khóc: "Có lẽ em cũng sẽ làm như chị thôi".

Như thế không chịu thua cuộc hay linh tính mách bảo anh một điều gì đó. Đêm ấy anh không lên tàu mà nghỉ lại

SỔ TAY THƠ

Ơ hay, núi cứ ba hòn nhĩ?
Cứ kết liền nhau đến lạ kì
Đã có Tam Thanh còn Tam Điệp
Đã xanh Tam Đảo, lại Ba Vi.

*Cái ý thiên nhiên giống ý người
Núi tựa đỉnh ba chọc giữa trời
Mấy phen thắng giặc ta lên thử
Đất cứ bình yên, sông cứ xuôi.*

*Cái thế chân kiềng núi cứ ba
Trụ trời trụ đất đừng nguy nga
Dưới chân núi đó nhà em ở
Ngọn khói bốn chốn thung lũng xa.*

3 - 1974

PHẠM TIẾN DUẬT

Lời bình của LÊ HUY HÒA

Bài thơ mở đầu bằng sự ngạc nhiên:
Ơ hay, núi cứ ba hòn nhĩ?

Khi nhà thơ lên đỉnh Ba Vi, ngọn núi có ba đỉnh nổi bật giữa đồng bằng Bắc Bộ, soi bóng xuống dòng sông Đà, đứng đầu phen đầu phía Tây của Đại Việt xưa, đã được Nguyễn Trãi trong sách *Dư địa chí* gọi là núi Tổ đã liên tưởng tới những ngọn Tam Sơn khác *Đã có Tam Thanh còn Tam Điệp/ Đã xanh Tam Đảo, lại Ba Vi*. Đó là sự sắp xếp rất tự nhiên, một sự trùng hợp ngẫu nhiên do cấu tạo địa chất thôi. Nhưng nhà thơ đã tìm ra trong cái sự tự nhiên ấy một sự lạ kì. Và từ đó ý thơ tiếp tục được khai mở để biểu hiện một ý tưởng nội dung: *Cái ý thiên nhiên giống ý người/ Núi tựa đỉnh ba chọc giữa trời/ Sông núi trên đất Việt Nam*

nhà trọ. Sáng hôm sau anh trở lại nhà tôi. Nhưng thật buồn cho anh. Chị tôi đi chuyển tàu sớm nhất ra Hà Nội xác định tỉ lệ thương tật để làm chế độ.

Anh định ra tàu đáp chuyến tốc hành tìm chị. Nhưng tôi và mẹ giữ anh ở lại đợi chị về. Mẹ tôi coi anh như con. Ba mẹ con được dịp hàn huyên tâm sự.

Mẹ tôi thật lòng: "Anh Minh này, tôi muốn coi anh như con trong nhà. Tươi nó đã lỡ rồi. Cô em Tươi đây giống chị cả người lẫn nét. Nếu anh không chê, tôi gả nó cho anh được không?".

Minh cũng rất chân thành, anh cười thật tươi nhưng vẫn thoáng nét buồn: "Mẹ đừng nói thế. Vui là em gái của con mà. Con chỉ có Tươi thôi mẹ ạ, cho dù Tươi có thế nào đi chăng nữa thì Tươi và con cũng sẽ là chồng vợ".

Những ngày Minh đợi chị, tôi chủ động đưa anh đi dạo trên sông trò chuyện. Con sông La mùa nước lên dòng chảy cuốn cuộn âm ào. Tôi đứng chơi vơi bên mép nước nhìn anh:

- Anh Minh ơi, chị Tươi bị thương nặng lắm. Chị nói chị không thể mang lại hạnh phúc cho anh đâu. Chị yêu anh vô cùng nhưng sợ bị mất anh nên chấp nhận xa anh để giữ lại tình yêu đẹp cho mình. Em cho quyết định của chị là đúng đắn. Em khuyên anh nên về đi.

- Anh rất cảm ơn em và mẹ. Nhưng anh muốn em và mẹ biết cho rằng chị Tươi và anh đã cùng nhau vào sinh ra tử, sống chết có nhau. Chị Tươi đã giành lấy phần gian khổ để anh được sung sướng. Bây giờ chị Tươi có thế nào thì chị Tươi cũng vẫn là của anh, vợ anh. Anh tha thiết mong Vui và mẹ giúp đỡ.

Tôi biết làm sao đây. Tấm lòng anh đẹp và thủy chung đến thế. Tôi ngoan ngoãn gật đầu: "Vâng. Tối nay chị Tươi về, em sẽ có cách. Em và mẹ luôn cầu mong cho anh chị mọi sự tốt đẹp".

Từ Hà Nội trở về, chị đầu có biết Minh đang có mặt trong nhà chị. Đêm. Vẫn theo thói quen, trước khi đi ngủ, tôi vào buồng chào chị. Theo ám hiệu, anh đi theo sau tôi, đợi tôi ra ngoài, anh sẽ lộ diện. Nhưng, anh đã không làm theo kịch bản. Anh lao vào phòng và ngay lập tức ào đến bên chị, làm tôi phải chạy vội ra

Thắng giặc, lên núi Ba Vi

ta đầu đầu cũng mang những dấu tích, những chiến công hiển hách trong các cuộc chống ngoại xâm. (*Núi giăng thành lũy thép dày/ Rừng che bộ đội rừng vây quân thù*) (Tố Hữu) Trong mấy Tam Sơn được nhắc đến trong bài thơ cũng vậy. Tam Điệp từng là nơi ém quân chiến lược của vua Quang Trung để chuẩn bị cho cuộc tập kích vào Thăng Long mùa xuân năm Kỷ Dậu 1789 đánh tan 20 vạn quân Thanh. Tam Đảo, Tam Thanh và núi Ba Vi cũng là những căn cứ bảo vệ, che chở quân đội ta trong hai cuộc chống Pháp và chống Mỹ để làm nên chiến thắng. Hình ảnh so sánh: *Núi tựa đỉnh ba chọc giữa trời* là có ý của tác giả. Núi chỉ bình yên khi đất nước thái bình. Còn núi sẽ trở thành "vũ khí" là nơi chôn kẻ thù, khi ngoại xâm dám xâm lấn bờ cõi của ta. Nhà thơ Huy Cận nhìn núi Ba Vi trong khung cảnh được mùa, lúa vàng trĩu hạt ở đây nên đã so sánh: *Núi Tản như con gà cổ đại/ Khổng lồ mào đỏ thấp bình minh*. Còn Nguyễn Thị Mai thì hóm hỉnh với cái nhìn nữ tính về ngọn núi có ba đỉnh kề nhau: *Một vì quê của người thơ/ Cao xanh non Tản mộng mơ giăng Đà / Hai vì miền đất thăm xa/ Cổ xanh sữa trắng bao la gió thổi/ Ba Vi thương quá câu môi/ Mà em duyên nợ nước trời Suối Hai*. (Ba Vi).

Khổ kết bài thơ tác giả tiếp tục khai thác hình ảnh liên ba của núi Ba Vi: *Cái thế chân kiềng núi cứ ba/ Trụ trời trụ đất đừng nguy nga*. Trong truyền cổ tích Việt Nam có truyện Thần trụ trời (xây trụ để chống trời lên). Ba Vi cũng có một truyền thuyết gắn liền với Sơn Tinh thắng Thủy Tinh. Mà Sơn Tinh là con rể vua Hùng, sau trở thành Đức Thánh Tản. Ba Vi là nơi ngài ngự. Núi non ở đây như kiềng ba chân, như trụ trời ngàn đời bền vững giữ yên cuộc sống dân lành:

*Dưới chân núi đó nhà em ở
Ngọn khói bốn chốn thung lũng xa
Hình ảnh đẹp, gợi cảm khép lại bài thơ, đồng thời mở ra một không gian rộng lớn thanh bình của cuộc sống. ■*

nuốt lấy từng tiếng nấc của chị. Tan chảy ngọt ngào...

Ngoài sân nhà, nằm trên chiếc giường tre sát giếng nước, tôi và mẹ không ngủ. Hai mẹ con đã vạch nát bầu trời để tìm những ngôi sao trong chùm "Mộc, Thổ, Thủy, Hỏa và tìm cả "con vịt lội giữa dòng sông" trong thơ cụ Nguyễn Bính.

Ngọn đèn dầu như chùm đom đóm le lói, hắt hiu. Phòng chị im ắng. Tôi lo quá: "Mẹ ơi liệu Anh Minh...". Mẹ đưa tay bịt miệng tôi lại: "Mẹ tin sẽ ổn thôi con à".

Có tiếng bước chân đi ra từ bậc cửa buồng chị. Anh tiến lại gần chỗ mẹ và tôi nằm, anh hỏi nhỏ:

- Mẹ, mẹ đã ngủ chưa, con muốn thưa chuyện ngay với mẹ.

Mẹ tôi giả vờ như đã ngủ, chậm rãi ngồi dậy.

- Thưa mẹ, Tươi đã đồng ý. Con xin phép mẹ cho con và Tươi thành chồng thành vợ mẹ nhé.

Mẹ và tôi như chết lặng đi vì sung sướng. Phải một lúc sau mẹ mới cất lời giọng run run:

- Mẹ đồng ý.

- Mai chúng con sẽ ra ủy ban xã làm thủ tục kết hôn. Sau đó chúng con sẽ ra Hà Nội ngay, bệnh viện Trung ương Quân đội 108 hiện đang có đoàn bác sĩ Hoa Kỳ trực tiếp điều trị chỉnh hình cho các thương bệnh binh của ta. Với kỹ thuật tiên tiến, nhất định người Mỹ sẽ trả lại dáng hình cũ cho Tươi, mẹ ạ.

Thật không thể diễn tả nổi thành lời niềm hạnh phúc của mẹ và tôi. Mẹ cảm động rưng rưng nước mắt. Mẹ nói với anh thì thầm như tự nói với chính mình: "Mẹ cầu mong các con hạnh phúc". Nói rồi mẹ bước vào nhà, thấp nén nhang lên bàn thờ lạy tạ ông bà tổ tiên. Tôi cũng ngồi bật dậy, theo mẹ thấp nén nhang, cầu xin ông bà tiên tổ phù hộ cho tình yêu của anh chị mãi mãi hạnh phúc. ■

VÕ VĂN VINH

Bản lặng

Hun hút lối mòn lợp dây lá mục
Piêng Vay bản lặng quá chừng
Mấy chục nóc nhà lợp cỏ
Chênh vênh lưng núi mây bay

Mặt trời đi qua nói lời xanh lá
Đêm trăng lên hát lời đắm say
Chỉ có gió
Gió miền man khô rạc núi đồi
Dân bản ít lời như cây
Mắt nóng nản như đại ngàn sau bão
Trầm tư như núi đá suốt mùa khô hanh hao
Người già lặng lẽ đan lát, dệt vải
Trẻ con thường hái nấm trong rừng và lội suối
vớt rong rêu
Đàn bà dịu con gieo hạt cuối chiều
Rẫy đá sau mưa hăng mùi cỏ cháy
Đàn ông mang gùi chạy ngược núi
Hú gọi bò nghe đến xa xăm...

Bản vẫn có những ngày không bình lặng
Già trẻ gái trai tươi sắc màu thổ cẩm
Bên chén rượu cần
Ăn mừng khoai sọ
Hát mừng Mẹ lúa
Khói bếp xanh trên mái nhà sàn...

Không để

Phải vì đôi mắt mộng mơ
Để tôi mang nỗi vu vơ nhờ người
Ngàn năm bèo dạt mây trôi
Vẫn ngàn năm gió hát lời dịu êm
Tôi như lạc cõi không em
Trắng sa mạc .Gửi yêu mến về đâu ?
Thời gian như nước không màu
Tóc thêm sợi bạc rơi nhàu chiều mưa ...

Mường Lống

Bống bính nắng
Bống bính mây
Và gió
Đường lên cổng trời mảnh như sợi chỉ đỏ
Như buông xuống từ trời
Từ màn sương mờ tỏ
Từ dấu chân người xưa...
Mường Lống
Tiếng còi ô tô ngân rung trong mây
Tiếng khèn cheo leo vách đá
Vô ngựa tung bụi đỏ lưng đeo
Đột ngột những chiếc ô nhấp nhô như sóng
Những cô gái Mông
Áo chàm lan canh những đồng bạc trắng
Phập phồng vào hội xuân
Những chàng trai phơi lưng trần như
những tấm đồng hun dưới lửa
Nường rẫy treo ngang trời rực vàng sắc lúa
Tôi ấm áp trong ngôi nhà gỗ
Nâng bát rượu ngô những người đàn ông mời
Họ nói trong niềm vui chiều bằng lăng
Đến bản ta không say không về
Trong chính choáng chập chùng cao nguyên đá
Đất trời Mường Lống thắm xanh ...

HÀ CỬ

Trở lại với con tàu

Bao nhiêu năm
Anh trở lại với con tàu
Hình như vẫn con tàu năm ấy
Vẫn ghế gỗ
Toa xanh
Cánh cửa sổ giờ thêm lưới sắt
Quạt không quay
Loa không nói
Những hành khách xuống lên vẫn vội
Mắt vời xa ngóng ngóng những chân trời...

Bao nhiêu năm
Tất cả đã xa rồi
Anh vẫn nhớ ngày mưa
Ga Đầu Cầu năm ấy
Tay cầm tay đi trong mưa buổi hồi
Hà Nội mưa mà sao lòng ấm vậy
Bao mặt người cứ ngỡ quen thân
Con phố nào in dấu bước chân
Tiếng tàu điện leng reng đường lên Bưởi
Giò Hồ Tây chiều thu xanh vời vợi
Môi hồng ai thơm hương cốm làng Vòng...

Tiếng con tàu lúc đục, lúc trong
Vẫn hối hả trên đường ray cũ kỹ
Niềm vui nào hạn nỉ
Nỗi buồn nào tươi nguyên
Năm tháng dữ dội - năm tháng bình yên
Năm tháng bình yên chứa đầy dữ dội
Con tàu đi trong bồi bồi gió nổi...

Đồng nát

"Ai đồng nát bạn không? "
Tiếng rao khan khan của chị nông dân
Vừa hết ruộng
Kiếm kế sinh nhai bằng nghề đồng nát-ve chai
Chiếc xe đạp cà tàng thay cho hai vai
Len lối từng ngách phố
Chất chồng đủ thứ
Lỉnh kỉnh lọ, chai
Lỉnh kỉnh sắt thép và giấy vụn
Cả những chồng báo nguyên nếp
Những cuốn sách gáy dày...
Cũng hóa thành đồng nát-ve chai!

Vẫn tiếng rao khan khan
Và khuôn mặt nhàu nát
Chị kiên nhẫn đi tìm
Mua những thứ bỏ đi
Hy vọng chế thành những thứ khác.

Vẫn tiếng rao khan khan
Của chị nông dân vừa hết ruộng
"Ai đồng nát bạn không? "
Nghe tiếng rao
Tôi bỗng thấy mình cũng thành đồng nát
Thứ đồng nát lỗi thời không ai mua
Vị chẳng chế ra được thứ gì !

Mưa

Mưa chi, mưa đến thế này
Mưa sáng sớm, mưa tối ngày vẫn mưa
Mưa dầy, mưa mỏng, mưa thưa
Mưa sấm sập... vẫn như chưa là gì
Mưa xối xả, mưa lạ kỳ
Là trời, trời thế...Thôi thì cứ mưa!

Cũng trời, cũng đất lạ chưa
Nơi ngập nước, nơi khát mưa héo gầy
Đồng khô nứt nẻ đường này
Bước chân teo tóp thợ cây liễu xiêu
Xác hồn cây lúa phiêu diêu
Đến phận cỏ cũng tiêu điều xác xơ...

Nước - chừng giờ chỉ nằm mơ
Đến trời mà cũng chẳng ngờ được chăng?
Nghìn năm vẫn chuyện công bằng
Sự mưa, sự nắng nhập nhằng thế a?!

ĐOÀN TRỌNG HẢI

Lửa than

Nhìn những hòn than đen nhánh sớm nay
Cháy hết đời mình
Anh thấy không có ngọn lửa nào đẹp để đến vậy

Quá khứ quên tên gỗ
Tương lai không ai nghĩ tro tàn
Chỉ hôm nay
Đời than rực rỡ chói lòa

Anh như đời than
Tự đốt mình
Cháy tận cùng nỗi cháy

Dù quá khứ anh chẳng để lại gì
Dù tương lai chẳng ai biết mặt
Nhưng hôm nay
Anh là lửa

Ngọn lửa than rực rỡ chói lòa.

Trên những nhánh đời ta xin kí gửi

Trên những nhánh đời
Ta xin kí gửi
Nụ cười và nước mắt
Cõi nhân sinh
Tình chẳng xanh như câu hát

Trên những nhánh đời
Ta xin kí gửi
Một hình hài
Tự lúc lọt lòng
Đến khi nhắm mắt
Nỗi đau còn cật vấn

Trên những nhánh đời
Ta xin kí gửi
Kiếp con người
Mang tia nắng của ngày
Lẻ loi
Trên mặt đất
Dấu chân nhỏ nhoi miến khuất lấp
Không đi hết phận người.

Anh sợ những ngày

Anh sợ những ngày
Giấc mơ anh đôi cánh hình chiếc vi
Bay chấp chới giữa thời bão giá chưa tan

Anh sợ những ngày
Nỗi cô đơn đi vắng
Câu thơ khuyết tật chào đời trong cơn chuyển dạ của
đời bế bộn áo cơm

Anh sợ những ngày
Niềm đau hoá thạch
Anh như con thạch sùng tắc lưỡi đối thoại bức
tường câm

Anh sợ những ngày
Anh đánh mất anh
Như gã say té sấp trên đường không tìm ra lối

Anh sợ những ngày...
Em ơi
Anh sợ.

1 Diễn trình tiểu thuyết Việt Nam hiện đại ba mươi năm đầu thế kỉ XX được phục hiện và luận giải khá đầy đủ trong chuyên luận mới nhất của Lê Tú Anh: *Tiểu thuyết Việt Nam 1900-1930* (với 4 chương đầy đặn, theo thứ tự: *Điều kiện hình thành và phát triển của tiểu thuyết quốc ngữ đầu thế kỉ XX. Sự vận động và các dạng thức cơ bản của tiểu thuyết 30 năm đầu thế kỉ. Cảm hứng chủ đạo trong tiểu thuyết giai đoạn 1900-1930. Một số khía cạnh thi pháp của tiểu thuyết giai đoạn 1900-1930*).

Gần đây giới nghiên cứu văn học đã chú ý nghiên cứu tiến trình văn học thông qua nghiên cứu thể loại. Như M.Bakhtin đã nhấn mạnh, "Đằng sau cái mặt ngoài sặc sỡ và đầy tạp âm ồn ào của tiến trình văn học, người ta không nhìn thấy vận mệnh to lớn và cơ bản của văn học và ngôn ngữ, mà những nhân vật chính nơi đây trước hết là các thể loại, còn trào lưu, trường phái chỉ là những nhân vật hạng nhì và hạng ba". Ông cũng đồng thời nhấn mạnh vai trò của tiểu thuyết "Tiểu thuyết là thể loại văn chương duy nhất luôn luôn biến đổi, do đó nó phản ánh sâu sắc hơn, cơ bản hơn, nhạy bén hơn sự biến chuyển của bản thân hiện thực. Chỉ kẻ biến đổi mới hiểu được sự biến đổi" (M.Bakhtin: *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường Viết văn Nguyễn Du xuất bản, 1992, tr.27-28). Tiểu thuyết vì thế đã trở thành đối

dạng thức cơ bản của tiểu thuyết 30 năm đầu thế kỉ XX" (chính là nội dung chương 2, thể hiện công phu nghiên cứu, và đây đó bộc lộ sự sắc bén của tác giả trong cách tiếp cận và đánh giá đối tượng).

Ngay từ chương 1, tác giả đã lưu ý một vấn đề, theo chúng tôi là quan trọng, về "sự đổi mới tư duy tiếp nhận tiểu thuyết". Xét cho cùng, vấn đề "tư duy tiếp nhận tiểu thuyết", cho đến tận hôm nay vẫn có ý nghĩa thời sự. Tuy chỉ mới là những bước dè dặt đầu tiên, nhưng "Quan tâm đến người đọc tiểu thuyết - một khía cạnh hoàn toàn mới của hoạt động sáng tác đã được đặt ra ngay từ cuộc thi tiểu thuyết quốc ngữ đầu tiên" (tr. 106) do báo *Nông cổ mín dân* tổ chức.

Ở đây vấn đề đặt ra là "tư duy tiếp nhận tiểu thuyết" của thời hiện đại chỉ có thể gắn với lớp độc giả cư dân thành thị, ảnh hưởng "Tây học" mới, họ vừa là khách hàng tuyệt vời vừa là người có cái khả năng "đồng sáng tạo", kích thích văn học nói chung, tiểu thuyết nói riêng phát triển. Theo chúng tôi nếu tác giả chuyên luận quan tâm nghiên cứu sâu hơn nữa vấn đề này thì công trình sẽ mang được sắc thái mới, nói cách khác "phả vào" một đối tượng cố định (tưởng như cũ) một luồng gió mới của nghiên cứu dựa trên lí thuyết tiếp nhận, trên tinh thần đồng sáng tạo giữa nhà văn và độc giả.

một số nhà nghiên cứu hiện nay thì đó là những "lằn ranh thể loại" (năm 2011, Nxb Đại học Sư Phạm T.P. Hồ Chí Minh ấn hành tập sách *Những lằn ranh văn học - Kỷ yếu hội thảo quốc tế*. Trong hội thảo quốc tế này Lê Tú Anh góp một tiểu luận sắc bén *Truyền thống và cách tân trong các dạng thức kết cấu tiểu thuyết quốc ngữ giai đoạn đầu thế kỉ XX*). Tiểu thuyết bản thân nó là một thể loại đa năng, có khả năng "tiểu thuyết hóa" các thể loại văn học khác, kể cả các loại hình nghệ thuật khác như sân khấu, điện ảnh, thậm chí cả triết học, xã hội học... Thiết nghĩ nếu tác giả tập trung nghiên cứu sâu hơn vấn đề này chắc hẳn sẽ đem đến cho độc giả những nhận biết thú vị hơn về một thể loại giao cội của văn học buổi giao thời đã "trở dạ" như thế nào.

Trong chuyên luận này, Lê Tú Anh dồn tâm huyết, sức nghĩ và sức viết vào chương 4 (*Một số khía cạnh thi pháp tiểu thuyết giai đoạn 1900- 1930*). Bốn vấn đề quan trọng được triển khai nghiên cứu: đặc điểm về kết cấu tác phẩm, nghệ thuật tổ chức trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật, đặc điểm ngôn ngữ. Có thể nói, về cơ bản, bốn phương diện được đề xuất nghiên cứu đã "phủ sóng" gần như toàn bộ các vấn đề cốt tử của thể loại tiểu thuyết. Trong chương này chúng tôi và đồng nghiệp chú ý nhất đến cách luận giải của tác giả chuyên luận về đặc trưng kết cấu tiểu thuyết 30 năm đầu thế kỉ XX. Bởi kết cấu tuy là một yếu tố hình thức

DIỄN TRÌNH TIỂU THUYẾT VIỆT NAM HIỆN ĐẠI 1900 - 1930

(Độc *Tiểu thuyết Việt Nam 1900 – 1930*, Lê Tú Anh, Nxb Khoa học xã hội, 2013)

BÙI VIỆT THẮNG

tượng nghiên cứu hàng đầu cho cả hai ngành lí luận và lịch sử văn học.

Tầm kích của một nền văn học thường khi là dựa vào quy mô của một nền tiểu thuyết tương ứng (những nền văn học lớn như Pháp, Nga, Anh, Mỹ, Trung Quốc đều tương thích với những nền tiểu thuyết lớn, cung cấp cho thế giới những kiệt tác). Tiểu thuyết có một sức mạnh vô song như M. Bakhtin đã xác nhận, là "tiểu thuyết hóa văn học" tức là "tiểu thuyết hóa các thể loại khác", lời cuốn chúng vào khu vực tiếp xúc với cái hiện thực đương đại.

Tiểu thuyết hiện đại Việt Nam buổi giao thời, đã thực sự đảm nhiệm được vai trò này? Trả lời được câu hỏi này - dù thực tế là rất khó khăn - theo chúng tôi, bước đầu tác giả công trình đã chạm tới được mục đích, là chỉ ra "Sự hiện diện của thể văn mới mẻ này trong nền văn học nước ta. Không chỉ mang ý nghĩa là bước khởi đầu, đặt những viên gạch nền cho tiểu thuyết hiện đại, ngay trong giai đoạn này, các dạng thức cơ bản của tiểu thuyết, tương thích với các nền văn học lớn thế giới, cũng đã nhanh chóng được định dạng" (tr.13). Như vậy chương 1 của chuyên luận "Điều kiện hình thành và phát triển của tiểu thuyết quốc ngữ đầu thế kỉ XX", theo chúng tôi, coi như đã hoàn thành nhiệm vụ phác vẽ quang cảnh của nền tiểu thuyết non trẻ buổi đầu đang cố gắng hòa nhập với thời đại. Cái khởi đầu tốt đẹp này báo hiệu một chặng đường dài cả thế kỉ về sau của nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.

2. Thể loại tiểu thuyết trong tiến trình hiện đại hóa văn học nửa đầu thế kỉ XX, hay nói cách khác là các hệ tham chiếu của thể loại văn học và tiến trình văn học đã tương tác như thế nào, theo chúng tôi, chính là phương pháp của tác giả chuyên luận - không nặng về mô tả mà cố gắng khái quát hóa vấn đề nghiên cứu. Tiến trình văn học hiện đại Việt Nam (với ý nghĩa như một phạm trù) được nhận thức như một thời kì "hội nhập" do mở cửa và giao lưu ở một quốc gia đang trở mình dưới ảnh hưởng của văn hóa phương Tây bắt đầu từ thế kỉ XX. Vấn đề đặt ra cho nhà nghiên cứu là: có mối liên hệ nào - dù rõ nét hay không - giữa tiến trình tiểu thuyết hiện đại với truyền thống văn học dân tộc (như là yếu tố nội sinh); hoặc tiến trình tiểu thuyết hiện đại thuần túy chỉ là kết quả ảnh hưởng trực tiếp của văn học phương Tây (như là yếu tố ngoại lai), trong đó sâu đậm và mạnh mẽ nhất là tiểu thuyết Pháp?

Chúng tôi chia sẻ định hướng của tác giả chuyên luận: "Trong các hình thức kể chuyện trung đại, theo tôi, truyện Nôm, tiểu thuyết chương hồi và các loại truyện chí quái, truyện kỳ là những hình thức truyện kể có ảnh hưởng lớn đến sự ra đời và phát triển của tiểu thuyết quốc ngữ đầu thế kỉ XX" (tr. 50). Trên nền tảng quan điểm này, tác giả chuyên luận đã tập trung khảo sát, đánh giá "Sự vận động và các



3. Tiểu thuyết hiện đại - vấn đề tương tác thể loại và thi pháp thể loại là một "điểm nhấn" của chuyên luận *Tiểu thuyết Việt Nam 1900 - 1930* (tập trung rõ nhất ở chương 4 - *Một số khía cạnh thi pháp của tiểu thuyết giai đoạn 1900-1930*). Một trong những đặc điểm quan trọng của quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam thời kì 1900-1945 là sự kiện toàn hệ thống thể loại theo mô hình phương Tây. Trên cơ sở thống kê và khảo sát 345 cuốn tiểu thuyết được xuất bản trong vòng 30 năm (1900-1930), phân loại 43 kiểu dạng tiểu thuyết - một thao tác nghiên cứu kĩ công - chúng ta được đặt trước một câu hỏi không dễ trả lời: sự tương tác thể loại đã diễn ra như thế nào với tiểu thuyết buổi văn học giao thời?

Nếu như ở giai đoạn 1930-1945 vấn đề tương tác thể loại hiện diện rất rõ trong sáng tác tiểu thuyết của nhiều nhà văn, đặc biệt nhất là Vũ Trọng Phụng (khi ông chế tác ra kiểu *tiểu thuyết - phóng sự* như *Số đỏ*, *Giông tố*, *Vỡ đê*), của Nguyễn Đình Lạp (tiểu thuyết giàu chất phóng sự *Ngô hêm*)... thì ở giai đoạn 1900-1930 mới chỉ là những thể nghiệm dè dặt, theo khảo sát của tác giả công trình, số tiểu thuyết có sự giao thoa các thể loại chỉ mới đếm đầu ngón tay (*Giấc mộng lớn* của Tản Đà thuộc *tiểu thuyết - tự truyện*, chẳng hạn, tr.125). Theo như cách định danh của

nhưng chính cái hình thức - mà đôi khi vì một lí do ngoài văn học nào đó, chúng ta tách nó ra khỏi nội dung - lại có ý nghĩa cực kì quan trọng trong quá trình kiến tạo tác phẩm văn học nói chung, tiểu thuyết nói riêng.

Trong chương này tác giả chuyên luận đã đề xuất nghiên cứu 3 mô hình kết cấu cơ bản của tiểu thuyết buổi giao thời: kết cấu chương hồi, kết cấu theo mô hình truyện Nôm, kết cấu theo kiểu tiểu thuyết hiện đại. Thiết nghĩ trong ba mô hình này, nếu có được thành tựu nào đó, dù ít dù nhiều, thì tiểu thuyết buổi giao thời chưa chiếm lĩnh được kĩ thuật kết cấu hiện đại do ảnh hưởng phương Tây (trường hợp *Tổ Tâm*, 1925, của Hoàng Ngọc Phách là một ngoại lệ). Nghĩa là vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của tiểu thuyết chương hồi và truyện Nôm trong tổ chức kết cấu tác phẩm. Đọc lại tiểu thuyết giai đoạn này thấy rõ các nhà văn đang đứng ở thế lựa chọn, đôi khi phân vân. Cũng trong chương 4, *Ngôn ngữ tiểu thuyết* là một vấn đề được tác giả chú tâm nghiên cứu. Chính ngôn từ là phương tiện quan trọng để tiểu thuyết có thể trở thành "bảo tàng chứng tích đời sống". Như chúng ta biết, quốc ngữ La-tinh đã được xem là một trong những tiêu chí quan trọng xác nhận quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Như M. Kundera đã từng nhấn mạnh "tinh thần của tiểu thuyết là tinh thần của sự phức tạp", vì thế đã diễn ra tinh thần "hỗn dung về từ vựng" (về sự pha trộn từ vựng tiếng Việt, tiếng Hoa, tiếng Pháp, như sự trình bày của tác giả, tr.330). Nhưng nên hiểu quan điểm của Kundera ở tầm rộng hơn khi ông nói về "tinh thần phức tạp" của tiểu thuyết là nói đến cái khả năng không bị đồng cứng, luôn vượt ra ngoài khuôn phép để đón bắt nhịp sống và con người thời đại trong xu thế ngày càng phức tạp hơn.

Chuyên luận *Tiểu thuyết Việt Nam 1900-1930* của Lê Tú Anh đã được nhiều đồng nghiệp có uy tín chuyên môn đánh giá cao về mặt khoa học. Riêng chúng tôi, tiếp nhận công trình này, từ chỗ đứng của người nghiên cứu tiểu thuyết đương đại, nhận ra mặt mạnh cũng như mặt chưa mạnh của nó. Rộng và sâu, điểm và diện, gần và xa trong cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu, ở Lê Tú Anh, không phải lúc nào cũng cân đối, hài hòa, thấu triệt. Và cũng có những dư thừa (ví dụ chương 3 dài đến 100 trang chủ mục nghiên cứu "cảm hứng chủ đạo" trong tiểu thuyết giai đoạn 1900-1930. Thiết nghĩ "cảm hứng chủ đạo" là vấn đề chung của cả một nền văn học, giai đoạn văn học, hoặc là các trào lưu văn học). Nhưng theo chúng tôi, đây là một luận án tiến sĩ được chỉnh sửa, bổ sung, nâng cao, có khả năng xã hội hóa cao và có ý nghĩa thiết thực so với nhiều luận án "đáp chiếu" khác. Không phải công trình nghiên cứu nào cũng chinh phục độc giả như ở công trình này, bằng lối tiếp cận đối tượng nghiên cứu theo cách mềm dẻo, uyển chuyển vượt qua được tính trường ốc, kinh viện. ■

ĐỌC SÁCH

ĐỒNG ĐIỀU

Đọc tập thơ *Em đã sống vì ai*, KIM KWANG KYU,
bản dịch của Lê Đăng Hoan, Nxb Hội Nhà văn

VŨ QUẢN PHƯƠNG

Chiều ngày 23 - 10 - 2013, tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam, Nxb Hội Nhà văn tổ chức buổi giới thiệu tác phẩm "*Em đã sống vì ai*" của nhà thơ Hàn Quốc Kim Kwang-Kyu. Đến dự buổi giới thiệu tập thơ có các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học Việt Nam và bạn đọc yêu mến văn chương Hàn Quốc; đặc biệt là sự quan tâm của Đại sứ quán Hàn Quốc, Viện Văn hóa Hàn Quốc, Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam dành cho sự kiện văn hóa đặc biệt này.

Nhà thơ Trần Quang Quý - Phó Giám đốc Nxb Hội Nhà văn đánh giá rất cao những vấn đề xã hội được đặt ra trong từng tác phẩm, nhất là sự day dứt, trăn trở của một cá nhân nhà thơ trước cuộc sống này. Tập thơ "*Em đã sống vì ai*" đến với độc giả Việt Nam và được đón nhận, đồng cảm vì chính những thông điệp nhà thơ gửi gắm, thể hiện một cách sâu sắc và tinh tế.

Nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam nhận xét: "*Thơ Kim Kwang-Kyu phảng phất phong vị cổ điển và sâu đậm ý nghĩa nhân văn, đặc biệt gây ấn tượng mạnh đối với bạn đọc, bạn viết Việt Nam bởi những nét tương đồng về quan điểm nghệ thuật cũng như những suy tư mang tính triết học trong từng tác phẩm, qua cách chọn lựa hình tượng nghệ thuật của ông.*" Văn nghệ xin giới thiệu bài viết của nhà thơ Vũ Quản Phương về tập thơ này.

SINH năm 1941, Kim Kwang Kyu thuộc lứa nhà thơ khi biết ý thức được đất nước thì đất nước đã cất chia. Chúng tôi cũng mang vết thương ấy 20 năm. Vết thương lành đã ngót 40 năm rồi. Nhưng đọc thơ Kim Kwang Kim, dù ông chỉ thoáng chạm vào nỗi đau Nam Bắc, chúng tôi nhận ra ngay: mùa Xuân màu xanh cây cỏ loang dần lên phía Bắc thì mùa hè, ánh hoàng kim lại lan về phương Nam, đây thép gai giới tuyến không ngăn được sức đi ấy. Và bữa cơm những gia đình, Nam hay Bắc, vị kim chi củ cải vẫn thanh ngọt như nhau. Kim yêu say đắm một nước Hàn truyền thống. Cảnh thật mà đầy mơ mộng. Không chỉ ngắm bằng mắt mà phải ngắm bằng tâm lòng mới thấy vẻ đẹp kỳ ảo ấy:

Nóc nhà ngói lâu năm ngái cù xanh
vẫn mọc,
mái nhà tranh, dây bầu bí vẫn leo lên
dây đặc
(...) Luống gió thổi qua bức tường đất sét
cỏ cửa bên bằng có ba lá, kêu lên cọt kẹt,
rối thổi qua ngôi nhà có hoa rêu nở bên
vải tương,
quanh quần thổi qua từng ngõ hẻm
Những câu thơ ông tả thiên nhiên cổ
củ, tả nông thôn có hương thường đẹp
đậm thắm, bình dị mà thấm thía và luôn
luôn phảng phất buồn thương, tiếc nhớ:

Ngày xưa
khi tiếng chim ka chi hót vào ban mai
vang vọng đến sân sau, nơi vai tường
đang chín
là báo hiệu khách đường xa đang đến
Còn bây giờ
dưới mái ngói của căn nhà cũ kỹ
chỉ có người đang phải ra đi...
Cỏ dại lan đầy sân trước,
chiếc cây hoen nằm bẹp chuồng bò,
còn chờ đợi, chờ đợi gì được nữa.

Hàn Quốc đã là một nước công nghiệp
tiến tiến. Đó là niềm vui, là bước tiến của văn
minh nhân loại. Tuy nhiên, ông viết:

Bàn tay vốn luôn luôn vuốt ve những
hạt lúa mạch thô ráp, hạt vừng mềm mại,
hạt đậu đen nhánh, quả ớt chín đỏ, quả
dưa hấu to tướng và những củ khoai tây
tròn, rắn chắc, bây giờ chỉ còn biết vịn về
đếm tiền (...) Rồi cái gì đến, phải đến (...)
Màu của người nông dân thuần phác, cuối
cùng cũng trở về với đất, trộn lẫn với đất
xe ô tô vấy bẩn. Điều đó đâu chỉ là nỗi
buồn của riêng ai!

Đúng vậy, chúng tôi cũng đã nếm vị
buồn ấy. Vị buồn trong sự ứng xử với nông
dân. Có thể chưa đậm bằng ông Kim.
Công nghiệp hóa, đất nước nào rồi cũng

phải đi qua. Bên cạnh lợi nhuận cho nhà tư
bản và tiện nghi cho dân chúng, chúng ta
cũng phải nhìn thấu vào những tệ hại.
Không phải tệ hại hoàn toàn do công
nghiệp hóa mà phải nói cho đầy đủ là do
công nghiệp hóa cộng với sự không hoàn
hảo của con người.

Chúng tôi đã thấy nhiều con sông của
quê hương mình bị bức tử vì nước thải công
nghiệp. Cá tôm không sống được và tâm
hồn của con người khô héo. Ông Kim có bài
thơ, tên *Rêu*. Lời trong cổ ngữ: rêu không
mọc trên đá lẫn. Nhưng nay lời đó không
đúng nữa. Rêu mọc ở khắp nơi. Ông Kim
viết: Sự phát triển nhanh chóng của xã hội
công nghiệp, văn minh máy móc làm cho
thiên nhiên đang bị hủy phá từng ngày, là
căn nguyên cho những loài rêu độc hại tự
do lan tràn phủ lên mọi thứ; rêu mọc trong
phòng lạnh bệnh viện (...) trong lò cao 1800
độ, có loại rêu mọc trong cánh máy bay
phản lực hay trong phụ tùng của vệ tinh
nhân tạo.

Cay đắng và phẫn nộ, thơ Kim Kwang Kyu
kêu lên, báo động:

Loài rêu ký sinh từ lâu lắm rồi, đã sinh sản
ngay trong kẽ ngón chân, kẽ nách hay trong
đũng quần của mỗi chúng ta, len sâu vào tận
gan ruột rồi cướp đi sinh mạng con người,
thậm chí lan vào tận thị hải trong đáy mắt.

Dân nước chúng tôi hôm nay cũng đã
nhận được mặt loài rêu ấy nhưng thơ chúng
tôi chưa quyết liệt chống rêu được như thơ ông
Kim. Đọc thơ ông như gặp lời nhắc nhở. Sự
nhắc nhở càng có ý nghĩa đối với những ai
đang lăm le ngồi đếm tiền lời của công nghiệp
hóa. Tôi rất yêu sự tinh tế của Kim Kwang Kyu
khi ông nói nỗi lòng của những chiếc lá vàng
đến ngày phải lìa cành, lá ao ước được rụng
vào đất nơi khe rừng chân ruộng chứ đừng rơi
trên mặt bê tông hay mặt nhựa đường.

Kim Kwang Kyu dành nhiều năng lực
tâm hồn để lắng nghe, để nếm được trên
lưỡi mình cái vị thật sự của cuộc đời này. Đó
là vẻ đẹp của sự sống không bao giờ mệt
mỏi: Như tiếng sè non chiêm chiếp trong
lòng ống khói căn nhà hoang đổ nát. Như
tiếng tù và từ xa xôi vọng đến lại nhắc ta về
những ngày tuổi trẻ say mê. Ông nói trong
cuộc sống hôm nay đồ dùng đồ đạc có
hoa cây cảnh ra khỏi gian buồng ta ở. Lộ
trình ấy không đảo ngược được thì ông tự
thoát ra để nhập vào gia đình hoa cỏ.

Cuộc đời hôm nay quá nhiều nghịch lý,
như người ta đã nói: Căn nhà to-lên, gia
đình bé lại. Tiện nghi nhiều hơn mà lại thiếu
thời gian. Để đi thăm năm châu bốn biển
nhưng lại khó rẽ vào con ngõ nhỏ thăm



người bạn xưa. Kim Kwang Kyu thì nhận
xét: Chẳng cần gieo hạt trồng cây, chẳng
cần tưới nước, phun thuốc, chỉ cần bỏ tiền
mua là có đầy cây. Có đầy cây nhưng
người có cây lại không biết tên một cây
nào. Kim còn viết: cuộc đời người ta không
giống nhau: Người có quyền, người có của,
người có danh tiếng, lại có người chỉ có cái
nghèo. Người có quyền thì vung về, có của
thì tội nghiệp, có danh thì buồn cười. Cái
anh nghèo kia, bù lại, lại có hình dáng đẹp.
Bốn người đều lần lượt qua cửa sang phía
bên kia (?). Tác giả đứng bên này nghe ba
tiếng kêu thất thanh. Chỉ tiếng người thứ tư
thì chào hỏi ồn tòn. Tác giả chờ đến lượt
mình, nuốt nước bọt khan. Không biết sẽ ra
sao! Đời người sẽ đến lúc: giấc ngủ không
còn, giấc mơ cũng bị cướp mất, nụ cười
thay bằng nước mắt, đau ốm cô đơn phải
tập thành quen để mà chờ đợi, chờ đợi cái
điều không ai muốn. Nhưng mà nó đến, Xứ
lý thế nào? Tôi đã thấy người ta tìm vào tôn
giáo. Hôm nay đọc thơ ông thấy mấy kỷ
năng ông gợi ý: Ấy là hãy nhận ra cái đổi
thay và cái không đổi thay như nhận ra các
thứ trên mặt đất và chính mặt đất. Ấy là
nhận ra đời người trôi đi, trôi như dòng
nước Dải rộng nông sâu quanh co, Vả:

Nơi đứng lại là nơi tươi mát nhất.
Khi nước chảy đi dòng nước đẹp vô ngần.
Phần cuối tập thơ, những bài viết trong
chặng 1994-1998, ông lấy đề tài loài vật,
đồ vật làm biểu tượng để luận chuyện con
người. Lời lẽ bình dị như cổ tích, ý nghĩa
cũng thâm trầm như cổ tích, như ngụ
ngôn. Một ý vị phương Đông quen thuộc. ■

VĂN NGHE RÕ TIẾNG LÀNG

Đọc *Hai bờ thời gian*, thơ Hải Đường,
Nxb Hội Nhà văn, 2013

NGUYỄN HỮU QUÝ

LÀNG, theo tôi nghĩ, là nguồn của thơ. Một trong những
người chứng minh điều ấy cho tôi, cho những người
cùng cảm nhận như tôi là nhà thơ Hải Đường. Anh đã
xuất bản 3 tập thơ và đến tập thứ 4 này thì tiếng làng chân
mộc, da diết, tinh tế vẫn ấp ả, vọng vang. Thơ Hải Đường
nay từng trải hơn, chín về nghệ thuật và chiêm nghiệm
nhiều hơn.

Vẫn còn những hình ảnh xa xưa với độ "nét" gần như
nguyên vẹn, rút ra từ kỷ ức: *Tiếng làng thức giấc ban mai/
mắt đen thăm thẳm nhờ hoài giếng trong / xa nhau ngày
ngóng đêm trông / tiếng làng gom nhặt cánh đồng ca dao*
(Tiếng làng). Bởi thế mới nhiều day dứt trăn trở, khi cuộc
sống gấp gáp và thực dụng đang làm rơi rụng, mờ phai bản
sắc: *Bây giờ nắng nắng mưa mưa / tiếng gà gáy giữa ban
trưa nát lòng /*

Làng rất cụ thể trong kho hồi ức mỗi người. Sự lấm
lem, khốn khó của một thời: *rua xa làm trở thành thương
nhớ đến nao lòng bây giờ; ru rằng: à ơ đứt ruột mùa lúa
chín / bông nổi phẩn chìm / bông chìm phẩn cá / rơm rạ
phấn người...*(Làng). Bây giờ đã khác. Nhưng cái ước ao
thuần khiết của người từng trải thật bình dị: *Tàu cau rơi
về vườn me/ uống ngụm nước mưa trong chiếc chum
sánh (Làng)*. Đối chiếu với thực tế cuộc sống hiện tại, xu
hướng của xã hội mới như anh là hơi thái quá, nhưng đó
chính là ứng xử đúng để ta còn biết giữ lại bản sắc văn
hóa dân tộc.

Mỗi làng Việt từng gánh gồng trên vai bao đau thương
tang tóc. Khi ngô về làng, Hải Đường thêm lần nữa thấm
thía: *Ngày xưa cá tiểu đội hy sinh / còn sống lại bằng bây
giờ lên lão cả / bạn làm lớn rạng danh làng xã / tôi ngu ngơ
công chức phố nghèo // Lắm đêm mơ choàng dậy chuông
reo / lại nhấn sổ, lại ngoài vùng phủ sóng / bạn nhớ không,
mai là ngày vào lính / đang cuộc họp nào tóc bạc nhiều
không? // Thôi đành lòng bạn còn làm việc chung / mai
mình tôi về thăm đơn vị cũ / rót chén rượu cho người dưới
mộ / nỗi nhớ ngày thường phủ sóng cho nhau (Ngoài vùng
phủ sóng).*



Làng, là quá vãng, cũng là một phần hiện tại của Hải
Đường: *chiều ba mươi ngõ ngẩn/ tiếng gọi dờ mênh mang...*
(Làng) (Lang thang chiều ba mươi). Trong tập thơ này, Hải Đường
có một số bài viết về những vùng đất mình có dịp đến ở
nước ngoài như *Đêm Thượng Hải, Di Hòa Viên, Mơ gặp
sông Hồng, Gặp ở Hàng Châu, Căn hộ tầng mười chín,
Ngôi sao Ép-phen, Những con đường Châu Âu...* Không có
bài duỗi, nhưng tôi vẫn thích những bài thơ Hải Đường viết
về làng hơn.

Về phần thơ thể sự trong tập này, Hải Đường bớt trực
cảm, tăng cường được chất nghĩ trong thơ: *nhiều khi câu
nói vo tròn trong miệng / tưởng mình đã thấu nỗi lòng người
cầm (Nhiều khi); Trong túi áo khâu kín những tin đồn/ vậy
mà chúng vẫn bay với tốc độ của cái lưỡi / Hoang phi thay
lời hứa tặng nhau trái đất / vậy mà suốt đời họ chưa cho ai
một mẩu bánh mì...*...

Cái bắt đầu và cái đọng lại sau cùng của thơ là Tình.
Tình người, tình đời chân thực và sâu sắc trong cuộc sống
đời thường. Với *Hai bờ thời gian*, Hải Đường đã chạm tới cái
Tình đó. ■

HỒN NHIÊN MỘT DẤU YÊU

Đọc *Mắt sống*, tập thơ,

Phạm Thị Phương Thảo, Nxb Văn học, 2013

HOÀNG VI

MẮT sống gồm 52 bài thơ mới nhất của Phạm Thị
Phương Thảo. Trong tập thơ này, Phương Thảo tiếp
tục thể hiện một ngôn ngữ thơ hồn nhiên sáng
sủa, một tâm hồn đắm đuối về thơ, với lối biểu đạt truyền
thống quen thuộc gửi gắm vào cảnh sắc và sự vật. Đọc thơ
chị ta gặp niềm vui gần kết thiên nhiên-nghệ thuật-tâm
tình. Phương Thảo trước hết viết cho thỏa những mong
muốn nội tại của mình. Như nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo đã
nhận xét ưu ái: "Những cảm xúc đua nở khó kìm giữ nổi
mang đến cho đời những khát khao tươi mới. Nhưng rồi một
lúc nào đó người ta bỗng lắng lại, lọc bớt những lan man,
vụng dại của dấy thì để tìm đến những giản dị khúc chiết
về chữ, về đời đúng như Phương Thảo đã tâm sự: "*Thực hư,
hư thực / Rút ruột nhả tơ / Chữ gieo khó nhọc / Kiếp tâm
lâm thơ*".

Chị đã có năm tập thơ và một tập tản văn được xuất
bản. Nhà thơ Trần Quang Quý nhận thấy "Thơ chị đậm tình
yêu thiên nhiên, trẻ trung, nhiều dòng đưa sóng sánh, lúc
dào dạt miên man mê đắm, lúc lại cồn lên niềm yêu thương
nhớ nhung khát vọng. Trong cái hồn nhiên đối khi còn vụng
dại đã loé lên những câu thơ có phẩm chất thi sĩ." Và như
chính Phương Thảo đã viết như thốt lên - "*Đa tình bỗng
rụng vào thơ*" ("*Rụng*").

Nhưng chị không đơn giản chỉ "rụng vào" việc giải bày
những suy tư và rung động sâu xa. Phương Thảo có một
chất thơ truyền thống đậm sinh bình trong lối viết hồn nhiên.
"*Cánh đồng khô khát cơn mưa. Cánh hoa khát nắng câu thơ
khát tình*" - những câu thơ như thế cho thấy con mắt dân
gian đậm thắm mà ý tứ thật sâu sắc ẩn trong con mắt thơ
của chị. Từ cái lẽ tự nhiên, cụ thể về "khát cơn mưa", qua
cái "khát nắng" đã nhuốm sắc mơ hồ, dấn sức gợi hình ảnh
vào chữ "khát" thứ ba mang đủ cả sự trừu tượng, sự cụ thể,
và đa nghĩa. Đó là một bút pháp thừa kế tinh tường, diễn tả
những điều tưởng như không thể nắm bắt được, dùng ví von
truyền thống ca dao từ cái cụ thể sang cái trừu tượng:

Ngoài 30 tuổi, duyên nợ thúc đẩy Phương Thảo vào thơ.
Chị bỗng viết như thế "sẽ không bao giờ được viết", với cảm
xúc nóng nản của người đàn bà ở tuổi chín của tâm hồn. ■

NGHỆ THUẬT

NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI TRUNG QUỐC: TÌM SÂU VÀO TRUYỀN THỐNG

NGUYỄN CHÍ HOAN

VÀO đầu tháng 3-2013 tại London, trong các phòng tranh của Mall Galleries gần Quảng trường Trafalga đã có một triển lãm hội họa đầy tham vọng có tên là "Xanh & Vàng: cuộc tự chuyển dịch lạ lùng", trưng bày họa phẩm của 100 nghệ sĩ đương đại Trung Quốc. Đại sứ CHND Trung Hoa tại Anh, ông Lưu Hiểu Minh, nói trong lễ khai mạc rằng triển lãm này phổ biến đẳng cấp cao của các nghệ sĩ Trung Quốc đương đại. "Những họa sĩ trẻ này biểu hiện suy nghĩ của họ trước sự chuyển đổi mau chóng của xã hội Trung Hoa," và "Trong khi học tập các kỹ thuật Phương Tây, những nghệ sĩ này mang những nét đặc thù rất riêng của Trung Quốc vào hội họa của mình." – Tân hoa xã dẫn lời ông Đại sứ.

Thuật ngữ "nghệ thuật đương đại Trung Quốc" hiện đang được dùng rộng rãi trong thế giới Anh ngữ để chỉ các hình thức khác nhau của nghệ thuật "tiền phong", thử nghiệm và bảo tàng nghệ thuật thị giác, đã phát triển trong quá trình tự do hóa nền văn hóa ở Trung Quốc đại lục kể từ khi xác lập chương trình cải cách kinh tế - xã hội của Đặng Tiểu Bình tháng 12- 1978. Trung Quốc đã chuyển biến đáng kể nhằm đến một nền kinh tế thị trường đa dạng trong suốt hai thập kỷ qua, và không nơi nào sự thay đổi này thể hiện mạnh hơn trong nghệ thuật thị giác đang bùng nổ. Số đông nghệ sĩ hào hứng thử nghiệm kỹ thuật phương Tây và chủ đề chính trị táo bạo. Một số nghệ sĩ bắt đầu giải quyết những thiệt hại do Cách mạng Văn hóa, mặc dù thận trọng, trong trào lưu "hội họa vết sẹo" và "nghệ thuật chấn thương". Nhiều nhóm khác nghiên cứu hội họa sơn dầu phương Tây; Ở Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến, nghệ sĩ thậm chí lập một phong trào "Dada Trung Quốc". Nhà phê bình Chu Kỳ, bám sát nghệ thuật tiền phong của Trung Quốc trong năm năm qua, viết năm 1999 trên tạp chí trực tuyến Trung Quốc - art.com: "Cái đẹp của những năm 1990 không đơn giản là một sở thích phổ biến, nhưng phản ánh một sự thay đổi sâu xa trong văn hóa make-up của xã hội; (...) thể hiện uy lực của những mục tiêu về giàu có và sức mạnh kinh tế, sự hình thành của nền văn hóa cổ trắng và văn hóa thương mại". Nghệ thuật đương đại Trung Quốc đã trở thành một thị trường quá lớn giữa các năm 2006 - 2008, với tình trạng mua nghệ thuật "điên cuồng" trên quốc tế và trong nội địa (nhờ phép lạ kinh tế Trung Quốc). Nhưng bây giờ người ta đã nói về "kiệt sức" - và thị trường đã chững lại. Và rồi hầu hết tác phẩm nghệ thuật được tạo ra ở Trung Quốc hiện nay tìm đến hình thức truyền thống, như thư pháp và hội họa mực, và bán rất chạy tại Hồng Kông, Đài Loan, các thị trường châu Á khác và phương Tây. Nghệ thuật hiện đại nhất đã trở lại với các hình thức truyền thống như thư pháp. Tại cuộc triển lãm ở London nói trên, những bức tranh được nhiều khách người Anh quan tâm, và ông David Paskett, cựu chủ tịch của Hiệp hội Màu nước Hoàng gia, nhận xét: "Những nghệ sĩ này tái sinh hội họa phương Tây bằng giá trị và văn hóa Trung Quốc."

Mới đây, một triển lãm tranh mực khổ lớn trên giấy yuyến chỉ (rice paper) của nghệ sĩ đương đại Trung Quốc Ngô Thiên Du được mở tại Bảo tàng nghệ thuật

Nghệ sĩ đương đại làm thế nào tưởng tượng lại và chuyển đổi truyền thống cổ xưa? Từ tính biểu tượng của Từ Bàng trong Thiên thư và Cốc Văn Đạt dùng tóc người đóng lạnh với chất kết dính tạo những tấm màn trong mờ của một ngôn ngữ không thể đọc được; từ thư pháp của Tống Đông viết với nước trên một phiến đá mỏng trong-Viết nhật ký bằng nước đến các tác phẩm đa phương tiện kỹ thuật số của Dương Vinh Lương và các tác phẩm khái niệm của Trương Hoan và Châu Chí Kiệt, một thế hệ các nghệ sĩ Trung Quốc đã tái phát minh các hình thức truyền thống để giới thiệu những ý tưởng và quan sát về thế giới đương đại của họ. Một trong những yếu tố quan trọng làm cơ sở cho các sáng tạo và đổi mới của nghệ thuật đương đại Trung Quốc là một kiến thức sâu sắc và tôn trọng các hình thức truyền thống. Nghệ sĩ Trung Quốc tôn kính di sản văn hóa và truyền thống nghệ thuật nhưng đồng thời tự do thử nghiệm chúng.



đương đại Marin ở California, triển lãm đầu tiên tại Bắc Mỹ cho nghệ sĩ này mang tên "Chim & Hoa: Tranh Thơ" gồm 18 tác phẩm Ngô vẽ trong năm năm qua; chuyển đến bằng máy bay từ Trung Quốc. Bốn trong số đó là tranh cuộn, còn lại là tranh mực đóng khung. Chủ đề cơ bản trong tranh của Ngô là sự trầm tư mặc tưởng. Ông sử dụng các yếu tố của hội họa truyền thống Trung Quốc và áp dụng một phương pháp tiếp cận hiện đại với tổ hợp chất liệu cho phép tác phẩm trở nên trừu tượng và có nhịp điệu hơn. Theo sự gia nghệ thuật Lâm Thư, hội họa mực truyền thống Trung Quốc tìm cách làm cho sinh động, gợi tả "cái thần" của sự vật, giúp người vẽ có được cái "tâm thư thái". Những vẻ đẹp và kỷ luật của thư pháp và hội họa mực thường giúp kết nối quá khứ và hiện tại trong nghệ thuật Trung Quốc. Mới đây, thạc sĩ giáo dục nghệ thuật Luise Guest, người đang nghiên cứu nghệ thuật đương đại Trung Quốc đã viết trên "ArtSpace China" về cuộc trò chuyện của bà với ba nữ họa sĩ nổi bật ở Bắc Kinh và Thượng Hải về hội họa mực.

Cao Bình, nữ họa sĩ sinh năm 1974, nói - các nghệ sĩ Trung Quốc cho rằng truyền thống hội họa mực "như mặt đất dưới chân bạn". Cô trao đổi về sự ngưỡng mộ của mình với họa sĩ Bát Đại thời đầu nhà Thanh, nổi tiếng vì người ta thấy "nhiều nước mắt hơn mực" trong tranh của ông. Cảnh vật ông vẽ đạt được một sự cân bằng giữa sự tĩnh lặng, không gian và chi tiết quan sát chặt chẽ, mà Cao Bình thường xem lại. Cô thấy những bức tranh của ông buồn nhưng có "tâm thư thái", và điều đó có thể được nói cho các bức mực trên giấy của cô. Những hình người hoặc vật bé xíu, lạc lõng, trôi nổi trong một không gian trống rỗng lớn, tạo ra một mối quan hệ năng động giữa chính các dạng hình đó và không gian

chúng ngụ. Kiến thức sâu sắc và sự hiểu biết về hội họa truyền thống biểu thị qua cách đặt chỗ "xác đáng" các hình bé nhỏ đó của cô. Cô nói, những điều nhỏ đôi khi còn quan trọng hơn cái lớn và rõ ràng, và tranh của cô sáng tạo một câu chuyện đang diễn tiến, dựa trên quan sát theo phong cách riêng của cô về người, địa điểm, sự kiện. Với Cao Bình, hội họa là một ngôn ngữ bí mật, tạo ra những lớp bí ẩn tự phát lộ mình dần dần cho những ai sẵn lòng dành thời gian xem xét. Những bức tranh mực vẽ những hình nữ nhân nhỏ, một số khỏa thân, một số có quần áo, có lẽ đưa ra một loại chân dung tự họa, một cuộc thám hiểm sự cô đơn. Những bức tranh này biểu hiện sự mong manh và dễ tổn thương. Chúng gợi những kỷ ức của tuổi thơ, cũng như quan sát sắc sảo về thế giới xung quanh và phản ứng của cô với nó.

Lý Đình Đình, nữ họa sĩ sinh năm 1982, cũng sáng tác với mực trên giấy, thường theo dạng tranh cuộn truyền thống. Cô khởi đầu tập trung vào chất liệu "nữ tính" - túi xách, giày dép, váy áo - rồi phát triển đến các vật dụng thường nhật hiện đại và sản xuất hàng loạt, như chai và bóng đèn. Loạt tranh "Giày" của cô bị hiểu như là một phản ứng bình quyền với những áp lực buộc phụ nữ chấp nhận một "nữ tính" quá đáng. Lịch sử nhưng kiên quyết từ chối cách hiểu này về tác phẩm của mình, cô bảo đó là cô muốn chúc mừng cuộc sống của cô như một người phụ nữ trẻ. Cô cũng có các tranh vẽ gấu bông, trái cây, hoa, hạt hướng dương. Những tầng bóng đổ xuống mặt giấy tưởng như tự phát, nhưng đó là quá trình làm việc với các loại mực truyền thống, cân bằng nét vẽ ướt và khô, đòi hỏi sự chính xác và siêng năng. Cô gây bất ngờ với lựa chọn mực màu hồng tươi sáng cũng như chất liệu đương đại.

Thay cho việc vẽ đá, tre, thác nước, Lý Đình Đình vẽ những cái bóng của giày hoặc hàng tiêu dùng sản xuất hàng loạt, gợi lên sự chuyển dịch và hiện đại hóa của văn hóa Trung Quốc, hoặc các loại đồ trần thiết "rôm" là dấu chỉ những cái bẫy của sự thịnh vượng.

Thị Chi Anh, nữ họa sĩ người Thượng Hải sinh năm 1979, cũng cho thấy nhận thức tương tự về các kỹ thuật vẽ mực. Sáng tác trên một tỉ lệ rất lớn, sử dụng những lớp mỏng sơn dầu đơn sắc để tạo ra hình ảnh của cái bao la - đại dương, các đồng cỏ bất tận, những "Vườn Thiên" (Zen Gardens) - cô bộc lộ một sự kiểm chế tự chủ về vai trò trung gian của mình. Niềm tin Phật giáo là một phần căn bản xác định cô là ai, và có ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác, mặc dù cô nói - "Vẽ tranh không phải là thiền định. Hội họa là hội họa. Nhưng nó có thể giống như thiền định bởi vì tôi làm điều đó một cách chu toàn, thành thực và thành tín". Cô đã đạt tới kỹ thuật then chốt của mình, tước bỏ tất cả các yếu tố không trọng yếu như màu sắc, một cách tự nhiên. Một thời gian dài sau khi tốt nghiệp đại học, cô cảm thấy như đã "đánh mất chính mình" với tư cách một nghệ sĩ. Bị tràn ngập bởi rất nhiều ảnh hưởng mà cô tin rằng không còn biết làm thế nào để vẽ. Cô kể câu chuyện về việc đã lấy lại sự tự tin của mình như thế nào. Chồng cô học tại Mỹ, cô sang thăm anh. Và trong một chuyến đi biển tham quan ngọn hải đăng, cô nhìn xuống đại dương rộng lớn bên dưới, trải qua cảm giác choáng ngợp áp đảo tựa như mình đã biến mất khỏi thế giới, không còn tồn tại. Kinh nghiệm khó chịu nhưng không bất mãn này nhắc nhở cô nghiên cứu kinh điển Phật giáo, và tìm các chủ đề trong hội họa của mình, những thứ sẽ tiết lộ những sự thật quan trọng về bản chất của thế giới. Cô bắt đầu bằng cách lấy hình ảnh của đại dương và loại bỏ các màu sắc. Khi quay lại với phong cảnh trong chính nó, cô nói, màu xanh của biển và bầu trời dường như giả. Bằng cách loại bỏ các màu sắc, cô tin rằng có thể tìm thấy một sự thực lớn lao hơn. Sau đó, khi nhìn thấy loạt phong cảnh biển đen và trắng của Hiroshi Sugimoto và nhận ra ý niệm của ông nhìn đại dương là một "hải trình của sự thấy", giống như đến thăm một ngôi nhà cổ xưa, thì không khác cảm xúc của cô về chủ đề này. "Sự đơn giản là thực tại" - cô nói.

Ba nghệ sĩ này minh họa theo nhiều cách cho một dòng mạch đặc thù trong nghệ thuật đương đại Trung Quốc. Giống như nhiều sự vật Trung Hoa, nó phần nào là một nghịch lý. Thực hành của họ được củng cố bởi kiến thức và lòng tôn kính các truyền thống của hội họa bằng mực và thư pháp, nhưng chính họ có thể không được coi đích xác là họa sĩ vẽ mực. Họ đang lo lắng về việc bị định danh hoặc dán nhãn theo "Trung Quốc tính" (hay giới tính của họ), nhưng tác phẩm thì chắc chắn phản ánh những yếu tố cốt yếu của bản sắc của họ. Và như thế, với mỗi nghệ sĩ, tác phẩm của họ là hoàn toàn hiện đại, nhưng đặt nền tảng trong quá khứ, do đó phi thời gian.■

(Tổng hợp từ English.news.cn, Xinhua, China Daily, CNN.com, ArtSpace China...)



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

THỜI của anh hay, nhưng mà thời buổi này... Cái nhưng ý nhị, ngập ngừng của em làm tôi thấy mình bị tổn thương ghê gớm. Tâm hồn tuổi mười tám mong manh lạ lùng, khi không được đón nhận, nó chỉ chực vỡ...tôi chỉ còn biết đưa đón em bằng sức vóc trên chiếc xe đạp cà tàng của mẹ.

Chỉ có những chữ không được chất ra từ máu, từ mồ hôi, nước mắt, từ đau khổ mới khiến người ta xa xỉ được. Em nữ nào đem những thứ xa xỉ ấy so sánh với tình cảm của tôi? Như hình như càng đau, những câu thơ của tôi càng mạnh mẽ rắn rỏi. Em không thích thì tôi đọc cho cô cây nghe.

Ngày trước, thầy giáo của tôi, vốn là cha em, thường dạy: "Những nhà buôn bán thường ít quan tâm đến con cái. Để con sớm làm quen với đồng tiền, mà đồng tiền thì dễ làm chai sạn tâm hồn". Thấy không sai.

Cha tôi buôn thuốc láo và cá khô lên vùng Yên Bái, Lào Cai, buôn về sản vật rừng và một ít đồ Trung Quốc như bật lửa, đèn pin, phích nước, vỏ chăn. Ai dặn gì cha mang về thứ ấy...Mẹ tôi bán hàng ở chợ quê một tháng cả chục phiên, nay xa mai gần. Chẳng biết lời lãi bao nhiêu, đêm về giải tiền lên mặt sàng tính toán. Tôi lanh chanh đòi giúp mẹ vì mới học được vài phép tính con con từ nhà trường. Mẹ chỉ cho tôi những đồng tiền nhàu nhĩ rồi lý giải tỉ mỉ. "Đồng tiền tanh tanh này của mấy mẹ hàng cá. Cái đồng xu nhỏ nhem đây của gã bán than. Tờ tiền có máu này là của bà bán thịt. Còn đây, màu son môi cộng với mùi phấn sáp là tiền mấy cô đi tỉnh mới về". Tôi thích thú đưa những đồng tiền còn lại lên mũi ngửi, trầm trồ: "Tiền này có mùi dầu gió, tiền này có mùi thuốc láo, đồng này có mùi mồ hôi chắc là dành dụm lẫn sâu trong người. Đồng này còn thấy mùi hành tỏi..." Mẹ khen tôi giỏi như thế người muốn tôi sớm biết đến giá trị của đồng tiền. Tôi lại chạnh nghĩ đến lời thầy dạy.

Tôi chảnh mắng việc học hành, không bởi chuyện thích đếm tiền giúp mẹ. Tôi luôn bị ám ảnh bởi chính em. Em học giỏi hơn tôi, thông minh hơn tôi. Cha em là người thầy mẫu mực. Chính thầy đã giao cho em kèm cặp tôi. Và mỗi năm một lớp, thành tích của tôi là một phần công sức của em. Tôi thăm biết ơn em. Đôi khi tôi nghĩ em mới chính là thầy của tôi. Chỉ có điều, có một thứ duy nhất em không chỉ bảo, em không tán thành mà nó cứ nảy nở trong tôi. Đó là thơ. Năm tôi học lớp 8. Năm cuối cấp trường làng, tôi lần đầu tiên viết về thi tứ.

Năm cuối cấp, lẽ ra mẹ phải mừng cho tôi, phải động viên tôi mới phải. Đằng này, mẹ cứ thờ dài. Là đứa nhạy cảm, tôi biết sự học của mình phải dừng lại ở đây. Tôi còn bốn đứa em nhỏ nữa. Thấy đến nhà tôi mấy lần để thuyết phục mẹ cho tôi thi vào cấp III trường huyện, nhưng ngăn cái cảnh mẹ ngồi đứng dưng tính tiền, thấy về...

Tôi lần lóc trên đồi, ngoài bãi, từ chợ đến rìa sông. Làm gì để giúp được mẹ, tôi làm tất. Những chuyến hàng của cha tôi dài ra và thưa thớt. Nghe nói người đi buôn ngược như cha tôi ngày càng nhiều. Vốn liếng thì cạn dần, cái chút kinh nghiệm bon chen nào bỏ bèn gì.

Vài năm qua đi như những cơn mơ buồn nổi tiếp nhau. Tôi tỉnh giấc bởi những eo sèo và thiếp đi vì mệt mỏi mà không thể cưỡng lại. Đôi lần tôi mơ được cưới em. Đôi lần tôi mơ mẹ con tôi để lạc mất cha. Thậm chí tôi còn lạc mất cả linh hồn...

Một chiều, em ủa đến, báo tin em đỗ đại học. Thế là ước mơ làm cô giáo của em sắp thành hiện thực. Cả làng tôi chỉ có em là đứa con gái có ước mơ cao sang, nay ước mơ đó thành sự thật, ai nấy đều vui. Thấy tôi là

LỜI ĐÊM

Truyện ngắn của TỐNG NGỌC HÂN

người vui nhất vì cái sự tre già măng mọc này. Tôi cũng vui với niềm vui của em. Đến nỗi mẹ phải nhắc đến lần thứ ba tôi mới để tâm. Rồi là cha tôi đi cả tháng chưa về. Chưa kỳ nào cha đi lâu như thế. Có lẽ tôi phải đi tìm cha.

Tôi chưa kịp đi tìm cha thì thấy ốm quá phải vào bệnh viện điều trị. Cứ tối tối, tôi lại đạp xe đưa đón em từ bệnh viện về nhà, rồi từ nhà ra viện. Còn em, vì muốn thơm tho sạch sẽ trước một thằng trai phố huyện nên mới nhờ cậy đến tôi. Thành ra, đi trông thấy ốm mà nom em hơn hớn xinh đẹp như đi hội, làm lòng tôi se sắt buồn. Rồi thơ tôi xa xót ghen tỵ:

"Em bòn sương gió nơi tôi

Đãi trăng, trăng tôi đồng trời phù hoa."

Em giận tôi, giận mấy câu thơ tôi nghiệp của tôi rồi em quả quyết: "Cấm làm thơ vì tôi." Tôi vẫn đưa đón âm thầm, vẫn dầm sương dãi gió và vụng trộm làm thơ. Chỉ sợ bất tình linh em gặp, em xé toang hồn thơ tôi thành trăm mảnh, ném cho đời bêu riếu, cho đời mỉa mai. Tôi vụng trộm cả trăm lần, mà em không hay biết. Em xinh đẹp, em giận hờn, em vô tư hồn nhiên, cả em toan tính. Đó là em trong thơ tôi. Tôi lấy dây bao gai xâu lại thành tập, giấu vào hòm thóc vì sợ em trông thấy. Chỉ về mặt thất thần ngơ ngác là không giấu em được. Em bảo: "Đi tìm cha đi, nhìn thấy cái mặt mà chán".

Thầy cũng ra viện rồi. Tôi đi tìm cha. Trước khi đi, tôi đánh giúp mẹ cây rơm. Vụ đó mất mùa, cây rơm thì to mà hòm thóc thì nhỏ, thì với. Mẹ xúc hai thùng bán để tôi làm lộ phí.

Trước khi đi. Tôi dúi lại cho mẹ những chỗ dột trên mái nhà đã đến kỳ phải thay lá mới. Tôi vá lại cho mẹ phen vách bạc phếch, một kéo cửa, mài răng đã trở nên pháp phành bui bậm.

Trước khi đi, tôi dặn mẹ, nếu cha không về cùng, mẹ đừng có khóc. Rồi tôi tát cho mẹ cái giếng, để mạch nguồn được khơi thông. Để đi làm về, kéo gàu lên, mẹ ực từng ngụm lớn, sau đó vốc nước lên mặt rồi để mặt cho những giọt nước giếng chan chảy vào mồ hôi, tràn xuống khuôn ngực lép kẹp.

Trước khi đi. Tôi đến chào em. Bên gốc ổi, bóng em bé nhỏ chìm vào một chiếc bóng khác. Đêm về, thơ tôi lại ghen ngào:

"Tôi đem trăng lưỡi liềm về

Một mùa trên ruộng rạ

Vô tình, chiếu trở gió

Thóc lép bay lên..."

Tôi xuống ga Phố Lu lúc đương chiều. Để tiết kiệm tiền, tôi quyết định đi bộ đến cái làng hẻo lánh được mẹ viết tên vào mảnh giấy vì sợ tôi quên.

Tháng trước có người đi mót sắn về gặp cha tôi ở đó. Làng tôi nghèo đến nỗi, bỗng dưng nhà nào đó mang dao ra mài, mang củi ra bổ là y như rằng cả làng xôn xao đồn ầm lên là nhà đó sắp có cỗ. Một người đi mót sắn, cả làng rủ nhau đi. Nhà tôi, dù nhà rách vách nát, nhưng nhờ sự tháo vát của mẹ, chúng tôi không bị đứt bữa, điều đúng...

Suốt cả hành trình dài mấy trăm cây số chỉ thấy rừng rú, thưa thớt nhà cửa và con sông mùa cạn lác đác vài cánh chim, tôi không khỏi nản lòng. Giờ đây tản bộ trên con đường đất vùng cao, tôi thấy mình bơ vơ thêm, lạc lõng thêm. Càng đi vào sâu, càng ít người. Tôi gặp bà con dân tộc đi làm về, có người bận đồ đen trùi trùi. Có cô thi sắc sảo như một bông hoa chuối rừng. Tôi hỏi thăm mười bận thì mới đến cái làng đó mà trời thì sắp tối rồi.

Khát và đói. Nước chè xanh trong chai nút kín bị thiêu, ngấu bọt. Cơm nằm cũng thiêu. Tôi ghé vào căn nhà nằm chơ vơ bên đường, xin nước uống rồi tiện thể dò đường.

Nhà chỉ có hai người. Một trẻ măng, tuổi tôi và em. Da trắng, tóc dài môi đỏ như nàng Bạch Tuyết trong truyện cổ. Một chưa già, căng cứng trong bộ đồ màu chàm, người này cũng đẹp. Người này, có lẽ là mẹ nên bảo tôi. "Đường ngược dốc, nhiều rắn độc, để mai đi." Người con gái gật đầu nhìn tôi, tỏ ý tôi nên chấp thuận. Tôi linh cảm người con gái không nói được và cố điều gì bí ẩn lắm. Giữa vùng núi hoang vắng chỉ có một ngôi nhà, chỉ có hai người đàn bà như thế họ đã bị tách khỏi cộng đồng từ lâu và đã thích nghi với sự đơn độc này. Nếu không, chỉ có thể là thánh thần...

Bữa tối thịnh soạn và độc đáo. Thịt gà xào măng chua. Cá suối kho và cơm nếp. Đó là bữa tiệc mà tôi nhớ mãi.

Ăn xong, chẳng trò chuyện gì. Người con trai đem lau. Người mẹ ôm chân ra, mời tôi nằm nghỉ. Rồi họ đi vào buồng trong. Tôi lạ chỗ nằm, không ngủ được dù người mệt mỏi rã rời. Đẩy cửa bước ra ngoài. Vang ồng là trăng, nõn nà là trăng và mệnh mông cũng là trăng.

Nhìn trăng, tôi tưởng tượng cái cảnh đêm vào mẹ tôi cũng ngồi đến ước tóc ngoài hiên rồi mới vào nhà ngủ. Tôi tưởng ra cái cảnh em đứng ngoài cổng, hai tay xoa vào nhau, ngóng một kẻ không phải là tôi. Em mặc nhiên để tôi yêu, tôi nhớ còn em lại nhớ, lại mong người khác. Tôi tưởng lại cái cảnh bốn đứa em tôi xúm xít, hí hửng dặn mua quà. Khốn nạn thân tôi, tất tật chỉ có hai thùng thóc... Tôi biết, tôi có thức, có tưởng cả đêm cũng không phí vì dòng thác kỷ ức cứ ào ạt dội về...

Chợt có tiếng ho khô khốc trong nhà. Chẳng biết là con hay mẹ, là đau ốm hay gọi tôi? Mỗi khi cha chong đèn hút thuốc láo khuya, nơi buồng, mẹ tôi vẫn ho thế. Mẹ chả viêm họng hay tắc chứt đầu đèn đầu, mẹ gọi cha thôi. Sau chút bộ tịch, cha tôi thông thả tắt đèn, đi vào. Đêm lạnh như tờ. Căn buồng im lặng đến thương xót. Đến một tiếng thì thào cũng không có. Thế mà từ cái yên ắng đó, các em tôi lần lượt chào đời. Chỉ những khi cha mang hàng ngược, cái giường mộc mới kéo kẹt rung lên, như tiếng hai hàm răng cắn vào nhau, nghiến vào nhau. Tôi tưởng mẹ đau người vào đám giúp. Mẹ nằm nghiêng, quắp chiếc chân vào lồng, quay lưng lại con em út, hai mắt mở to và tứ chi tôi...

Còn em. Mỗi khi em ho khan. Tôi thín thín chào về, tiếng ho là lời đưa tiễn vì em phải tiếp chuyện người khác...Khuya rồi, họ gọi tôi vào ngủ chăng?

Tôi đi vào nhà, đóng cửa, nằm xuống đệm, nhắm mắt lại. Lạ thật, càng nhắm chặt, tôi thấy mẹ càng rõ, thấy em càng rõ, còn tất cả đêm mù mờ. Những khuôn mặt mờ mờ nép vào mặt tôi đẩy em và mẹ ra xa. Tôi đã ngủ được. Chợt có tiếng bước chân đi sát vào chỗ tôi nằm. Tôi mở mắt và hỏi: "Ai vậy?". Một bàn tay mềm mại bịt miệng tôi. Bàn tay còn lại lần vào thắt lưng tôi, nhưng lại không sờ vào túi quần, nơi có sổ tiền mẹ đưa, tôi đã tiêu một nửa. Tôi nắm lấy bàn tay ấy nhưng không nhớ nó ra khỏi thân thể tôi, cứ mặc nó hoành hành. Thế rồi tôi chẳng còn là tôi, chỉ còn là một chàng trai vạm vỡ, đầy ắp khao khát. Sự trong trắng nơi tôi, ao ước tặng cho em, giờ tôi không còn gìn giữ được nữa.

Sau đó tôi thiếp đi.

Tỉnh dậy, lúc ông mặt trời sung sức. Tôi biết mình trở thành người đàn ông thực sự. Câu hỏi chỉ còn là. Ai? Ai đã cho tôi cảm giác kỳ diệu đầu đời? Cả hai người đều im lặng và tiền tôi tiếp tục hành trình. Hay là tôi nằm mơ. Đã có lần tôi nằm mơ với em như thế đấy...

Tự nhiên tôi nảy ra một suy nghĩ, có khi nào cha không về với mẹ con tôi vì một người đàn bà? Tôi vừa trải qua cảm giác chống vợ với một người, chỉ trong khoảng khắc đêm qua mà trong đầu tôi đã nuôi dưỡng sự thèm khát và mong ước được trở lại ngôi nhà đó. Những suy nghĩ lỗi tôi đi, làm chân tôi không thấy mỏi. Mặt trời tròn bóng. Tôi đến cái bản được mẹ ghi lại rõ ràng. Tôi hỏi thăm thằng bé trạc năm, sáu tuổi gì đó. Nó nói nó biết người tôi tìm. Tôi quan sát kỹ thì thấy thằng

bé ấy có đôi mắt và cái cằm rất giống em trai thứ ba của tôi. Tôi phải đưa tay lên ngực mà day để cho hơi thở đừng hụt đi như thế. Lạy trời người đó là cha tôi để tôi khỏi phải trèo đèo lội suối. Nhưng nếu là cha tôi, mẹ tôi sẽ ăn nói thế nào vì thằng bé?

Tôi đi theo thằng bé về phía ngôi nhà có mái lợp bằng cỏ tranh và tường trát bằng đất đỏ. Bước vào bậu cửa nham nhở vết dao chém của trẻ con, đập vào mắt tôi là chiếc catáp bằng da của cha tôi treo trên cột nhà.

Tôi đi vào nhà trong sự ngạc nhiên của một bà già bảy mươi và cha tôi. Cha tôi ngồi cuối giường, mắt hốt đi, người gầy rộc. Không khí trong nhà lạnh lạnh. Trên bàn thờ là ảnh của một người đàn bà còn trẻ. Tôi khẽ ngồi xuống giường, nắm chặt tay cha...

Người đàn bà ấy đã cứu cha tôi thoát chết khi ông xuyên rừng đào rễ chay và bị rắn độc cắn. Thì ra, số rễ chay cha mang về cho mẹ bán là cha tự đi đào về. Người đàn bà lỡ thì ấy đã xin cha tôi một đứa con. Sau khi bên hơi nhau, sinh con rồi, cha tôi còn quay lại. Thảo nào những chuyến hàng của cha tôi cứ dài ra mãi. Cách đây hơn một tháng, cha tôi ghé thăm thì biết bà đã bị bệnh nặng. Còn nước còn tát, cha tôi dùng toàn bộ số vốn liếng để thuốc men chạy chữa, nhưng người lại không giữ được. Thằng bé sáu tuổi cứ bám riết lấy. Cha tôi lo nghĩ nhiều nên ốm. Ông đợi xong một trăm ngày của bà ấy rồi thu xếp đưa thằng bé về tạ tội với mẹ con tôi và họ hàng...

Tôi không dám trách cứ cha một lời, lại còn phải hứa mấy lần với thằng bé là đưa nó về quê cùng. Thu xếp xong công việc. Cha con tôi xin phép bà cụ rồi cùng thằng bé về quê. Khi đi qua ngôi nhà ấy, tôi ghé vào nhưng cửa đóng kín, chắc là họ đi làm vắng. Tôi lấy than viết lên tường mấy dòng chữ rồi cởi một chiếc áo cài vào cửa sổ như một lời hẹn. Ngày rộng tháng dài, tôi sẽ trở lại. Tôi chẳng chút may mắn ân hận. Cha tôi ngạc nhiên rồi tiết lộ: "Cả bản gọi họ là ma cà rồng đấy. Sao con lại quen họ?" Tôi lạnh toát người, bước đi. Rồi tôi sẽ kể cho cha nghe...

Cha con tôi về nhà trong sự mừng vui của cả họ. Mẹ tôi sốt sáng may quần sẫm áo cho thằng út, cũng là tiền bán những thùng thóc cuối cùng. Đứng là tấm lòng của mẹ không gì có thể so sánh...

Do quen biết, thấy xin cho tôi vào một trường trung cấp kỹ thuật của tỉnh. Sau ba năm miệt mài, tôi tốt nghiệp với một tấm bằng Tú tài và một chứng chỉ kỹ thuật máy. Tôi được một xí nghiệp liên doanh tuyển dụng. Dần dà, nhờ sự chăm chỉ, nỗ lực, tôi đã có một vị trí quan trọng trong xí nghiệp. Đất nước ổn định với cơ chế mới. Cha mẹ tôi bớt khổ. Các em tôi học hành rất tốt. Tôi đã có thể tự tin ngỏ lời với em. Tuy tình cảm không còn xao xuyến mãnh liệt như ngày xưa nữa nhưng sự chín chắn đã cho em và tôi một quyết định đúng đắn. Giấc mơ được cưới em đã trở thành hiện thực.

Con trai tôi lên ba, để mừng sinh nhật con, tôi đã in xong tập thơ thứ hai. Thằng bé lật tập thơ, cười tít mắt rồi ngẩng đầu lên. Nhưng không hề bằng hành động ném nó vào giá sách. Em đã làm thế. Cô giáo dạy Văn đã làm thế. Em đã không thể cư xử tốt hơn với thơ của tôi. Tại sao em lại ghét thơ của tôi? Vì mẹ, tôi có thể quý xuống xin em đừng câu bẩn, lên lớp với mẹ, mẹ khổ nhiều rồi. Vì cha, tôi cũng xin em đừng cạnh khoé day dứt quá khứ của cha. Cha đáng được tha thứ. Vì tôi, tôi cũng đã nhận nhận. Nhưng với thơ, lạ lùng sao, tôi không thể cầu xin em dù chỉ một lời. Vì thơ là kết tinh của tình đời, tình mẹ, tình cha, tất cả những gì giản dị nhất mà cũng thiêng liêng nhất. Từ đó thơ tôi đã khước từ em. Chỉ còn thằng bé bi bô, ngây thơ cứ chụp chững đi vào thơ tôi, đôi lúc bật lên thành giai điệu. Thơ tôi thấp thoáng quá vắng gian nan, buồn...

Một buổi tối, cha nhắc tôi sao không về thăm lại nơi ấy, hơn mười năm rồi còn gì. Tôi hoảng hốt vì guồng quay thời gian. Tôi biết những lời sống sít chẳng đủ thuyết phục em cho một chuyến đi mơ hồ. Em vốn chẳng tin bao giờ, vinh hoa sẽ đến với một kẻ năm đời bán cổ nóng, đánh vật với con chữ, lại làm nên nghệ thuật. Xưa nay những thí sĩ danh tiếng đều có một lai lịch, gốc rễ sang trọng. Thậm chí em còn ngờ vực tôi vẫn còn một đứa em nữa ở nơi ấy. Dù thế, mai tôi vẫn cứ đi...

Đường đi dễ dàng, nhựa trải tận cửa rừng. Mười năm là một sự đổi thay kỳ diệu. Trong nhà thiếu đi người con gái trẻ năm nào, nhưng lại có thêm một thằng bé chín, mười tuổi. Nó giống tôi như đúc. Nó bảo mẹ trẻ chết lâu rồi, chỉ còn mẹ già thôi. Nó tên là Rơi. Ở cái tên nhẹ nhàng mà như lưỡi dao định mệnh tuột khỏi tay đáng tạo hoá rơi xuống cắm vào vết thương lòng tôi. Nó nhìn tôi, dưới trăng khuôn mặt nó đẹp như thiên thần. Tôi vòng tay xiết chặt nó bằng tình máu mủ. Thấy hai cha con quần quýt bên nhau, người đàn bà mang đàn ra thêm gầy. Lần đầu tiên tôi nghe thấy tiếng đàn tình. Tiếng đàn thánh thót, trầm bổng, một giai điệu buồn, chơi với chao liêng trong khoảng không chỉ có ba người và một vầng trăng viên mãn. Đó là dạ khúc cho riêng tôi. Nghe như tiếng nước xối vào ghềnh đá, như tiếng mưa tưới trên lá cành, tiếng gió, tiếng bão vùn vùn...Thằng Rơi ngủ trong tiếng đàn ấy. Hình như tiếng đàn ấy ru ngủ nó hàng

NGUYỄN HỮU QUÝ

Viết cho các con

Con gái 1
Con gái 2
Con trai
danh bạ điện thoại mẹ, ba
đều ghi thế.

Con!
ấm mỗi ba tiếng khóc oa oa
đất đỏ ba zan - gốc cau - cuống rồn
cuống rồn ba chôn mọc lên buống hoa trắng
lăng lẳng thơm trời Cửa (*)

Quê ngoại con đất dính ngày mưa
tã lót sơ sinh phấp phời
những lá cờ hồn nhiên nắng mới
bay mắt ba tràn trề!

Ba là lửa chân đối
chỉ đủ ấm chân trâu cắt cỏ
mẹ con mang về thời giống gió
khâu thành áo xống cho con

Từng đưa lớn lên
con gái duyên
con trai khỏe
nước giếng đá ong sâu ba mươi mét
sợi dây kéo lên trong vát bầu trời
con uống thấm thì mây
con uống thấm thì xanh
bazan hây hây đỏ

Từng đưa lớn lên
từng hy vọng
đắp bồi niềm vui mẹ, ba
khoả lấp ngày vất vả
nói cười trong trẻo con yêu!

Con gái 1
Con gái 2
Con trai
nay lớn cả rồi
ba, mẹ thành cũ kỹ
đêm ngủ ít hơn, bữa hai bát nhỏ
độ lượng nhiều hơn và hờn giận cũng lâu hơn
cuộc đời còn bao chuyện dở dang
đêm cạn
trở mình, lo bao ghềnh thác
vui buồn, hạnh phúc, khổ đau...

Cuộc đời, nào biết trước gì đâu
hy vọng
bao nhiêu được - mất
được rất nhiều
và, mất chẳng ít hơn!

Con gái 1
Con gái 2
Con trai
danh bạ điện thoại mẹ, ba
đều ghi thế
đầu cò ra sao
gần - xa
trái tim mẹ, ba
vẫn phủ sóng yêu thương
trùm trời bề
gọi:

Con!
(*) Cửa: quê vợ ở Cam Lộ, Quảng Trị, nơi các con tôi sinh ra.

Với Bắc Giang

Sông Thương
nước chảy đôi dòng
hai vật ca dao trong-dục.

Mấy vạn chia ly
một bến Chia Ly
đèo bòng nước mắt
mịt mù biên ải
xa xa.

Mang mang hồn nước, thăm thẳm bóng người *
thương cái nhấp nhô
nẻo này,
trung du-Kinh Bắc!

Bắc Giang
chơi sông, sông hát
chơi người, người mong...

* Chữ của nhà văn Đỗ Chu

Một ngày giếng hai ngồi bên Hồ Gươm

1
Gương nước nghìn tuổi xanh không gợn
cây ven hồ chưa hoa rất dễ lấy buồn
một ánh mơ hồ
nắng non
là rụng.

Nét quen, dáng quen, màu quen
trăm mặc Tháp Rùa
mưa nắng bao năm không đổi khác.

2
Bên mảng trời xanh lục
những chàng ốc quế đi qua
những nàng ốc quế đi qua
hồn nhiên vui vẻ.

Mấy tháp nòn ngồi trên ghế đá
mút kẹm nòi cười ôm nhau
mụ xuân thoảng mùi quỳnh rữ.

3
Điện thoại rung...
gió gọi
tôi
bối hồi
ném cảm xúc Yêu!

Thấp thoáng Huế

T
rong giấc sông Hương thấp thoáng bóng con đò
trôi qua miền sương tím.

Cố đô trải bao phen lửa nước
rêu phong thành chiêm ngưỡng bốn phương
những đường cong hút ta vào hư thực.

Xứ trăm u
em, thi tử hoàng thành
bay vào gió một tà mây núi Ngự.

Cái nét buồn
như là ta đang nhớ...
nỗi áo khăn Thuận Hóa đã xa rồi.

Bây chừ Huế
Đà,
bây chừ Huế đó
biết ai còn da diết với ta chăng?

đêm, đã mấy ngàn đêm.

Tôi bước ra trăng. Người đàn bà say mê lướt tay trên ba sợi dây đàn. Tự nhiên tôi có cảm giác những nỗi đau của tôi chẳng thấm tháp gì. Tôi từng nghĩ, sự bòn đãi ở đời đâu chẳng thế. Nhưng ở đây thì khác, người ta chịu sự xa lạnh và đau khổ chỉ vì nhan sắc và những khát vọng con người. Tôi đã vô tình gieo thêm một nỗi đau nữa, đó là sự chờ đợi đến tuyệt vọng. Tôi ngồi xuống bên cạnh người đàn bà, đặt tay lên bờ vai đang rung nhẹ. Tiếng đàn ngừng bật. Người đàn bà gục đầu vào ngực tôi khóc, nước mắt nóng bỏng chảy trên da thịt tôi gợn gợn. Đôi mắt ngược lên nhìn tôi, đỏ như hai đốm lửa chực nhen vào lòng tôi một đám cháy. Người đàn bà cất lời, những lời nói của kẻ biết tiếng người mà ít khi được giao tiếp với đồng loại: "Nó là em út tôi. Cái đêm cậu với tôi, nó biết. Tôi hứa, khi cậu quay lại sẽ nói với cậu, thằng

Rơi là con của cậu với nó để cậu đưa nó ra khỏi đây. Nó đợi cậu lâu lắm, rồi bỏ đi. Có người bảo thấy nó rơi xuống vực sâu bên kia ngọn núi".

Tôi hoảng sợ, đôi chân tê cứng. Người đàn bà diu tôi dậy và nhắc lại: "Cậu phải đi ngay, trước khi thằng Rơi thức giấc, và đừng bao giờ trở lại. Nó lớn lên sẽ tự đi tìm". Tôi loạng choạng bước đi, đầu ngoái nhìn về ngôi nhà đó, bật thành tiếng gọi. "Con ơi". Tôi khóc...

Có tiếng ai đó gọi tôi, lay giật tôi. Tôi mở mắt. Sao em lại ở đây? Em câu kinh "Anh ngủ mơ à, mơ gì mà khóc lóc giẫy đạp". Tôi mơ thật sao? Lạy trời, em đã cứu tôi, đã vớt tôi ra khỏi biển mộng hải hùng. Tôi vẹo tai mình thật mạnh. Bởi vì đâu đó trong mệnh mộng đêm, tiếng đàn tình cứ vọng về mồn mồn, ai oán và day dứt. Tôi nhắm mắt, nằm im chờ sáng. Trong đầu, chưa xốt một tứ thơ.■

147 LINH HỒN VÀ...

HQC lịch sử phổ thông, ai cũng biết cuộc chiến đánh binh đoàn cơ động 100, mà ta hay gọi GM 100. Đây là binh đoàn chủ lực, thuộc loại mạnh nhất của quân đội Pháp được điều từ chiến trường Triều Tiên sang để làm xương sống cho kế hoạch Ất Lãng. Toàn bộ quân số của binh đoàn lên tới 3.900 người với trang thiết bị vũ khí hiện đại nhất so với thời đó gồm pháo, tăng, thiết giáp, xe đặc chủng... Bên ta quân số gồm có trung đoàn 96 có sự tăng cường của 1 đại đội thuộc trung đoàn 120, tất cả tổng cộng chừng 600 người. Và cái cổ họng ngay suối Đắk Pơ được quân ta chọn là nơi quyết chiến. Kể nữa nó sẽ là tường thuật lịch sử, nhưng cũng cần nói một chút về những con số, ấy là toàn bộ binh đoàn địch bị tiêu diệt và tan rã. Chết 500, bị thương 600 và bị bắt 800 trong đó có quan năm Ba Ru. Bên ta, 147 chiến sĩ hy sinh cho đến giờ vẫn chưa tìm được hài cốt...

Hàng năm các cựu quân nhân trung đoàn 96 vẫn thường quay lại để thấp hươu đồng đội, thăm lại chiến trường xưa. Trung đoàn này đã được nhà nước phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và cái nơi đặt nhà bia bây giờ cũng đã được công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia.

Trong một lần cùng nhà văn Nguyễn Ngọc trở lại thăm làng S'tơ, tức Kông Hoa trong tiểu thuyết nổi tiếng "Đất nước đứng lên" của ông, tôi mới biết, té ra lần đầu tiên khi ông Nguyễn Ngọc "lạc" vào làng S'tơ là khi ông, với tư cách trinh sát, đang đi "điều nghiên" cho trận đánh lịch sử nói trên. Thì cái nhà bia ấy, nó ở ngay ngã ba con đường vào làng S'tơ, dù về hành chính, S'tơ bây giờ thuộc huyện K'bang. Và quá trình mấy tháng ấy, vừa điều nghiên trận địa, ông Nguyễn Ngọc kịp trở thành bạn của ông Núp, để sau này khi gặp lại ở đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn miền, ông đã viết một trong những tiểu thuyết chiến tranh hay nhất của nền văn học cách mạng: *Đất nước đứng lên*.

Lần này trở lại, đài tưởng niệm và nhà bia đã xuống cấp nhiều, và nếu không xuống cấp, nó cũng hoàn toàn không tương xứng với những gì mà nó đại diện. Về chiến thắng này, Bác Hồ đã có thư khen như sau: *"Bác vui lòng thay mặt chính phủ khen ngợi các chú và thưởng các chú huân chương kháng chiến hạng nhất"*... Còn Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì: *"Đây là một trận vận động phục kích lớn, dũng cảm và linh hoạt, tận dụng được yếu tố bất ngờ, sử dụng lực lượng có hiệu quả cao, đánh trúng vào chỗ yếu của địch, bồi thêm cho chúng một đòn thất bại nặng nề..."*.

Là một huyện trẻ, rất trẻ, tách ra từ An Khê, hay nói cách khác, Đắk Pơ nhận phần nông thôn để An Khê trở thành thị xã. Chính vì thế mà có cảm giác Đắk Pơ rất chơi vơi. Có một lúc, chúng tôi nói với nhau về du lịch khi anh bạn Tổng biên tập một tờ báo kể về tiềm năng của Đắk Pơ. Nhưng du lịch không chỉ là tiềm năng tại chỗ, nó phải là một chuỗi tương hỗ nhau. Không có ai chạy huỳnh huy từ Pleiku xuống ngắm ngó một lúc rồi quay về. Phải có một sự phát triển liên hoàn, nhưng muốn thế không thể đơn thương độc mã mà được.

Chúng tôi đã tha thẩn cả buổi trưa ở cái Đài tưởng niệm liệt sĩ hy sinh ở Đắk Pơ. Nếu chỉ chạy qua trên đường thì ít ai để ý đến nó, đầu cho nó nằm ngay sát đường 19. Thế mà nó là chứng tích của một trận đánh oai hùng trong lịch sử. Chiến thắng này có một ý nghĩa quan trọng, chẳng những đối với địa bàn Tây Nguyên mà còn đối với cả nước, góp phần kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp...

Năm 2014 này sẽ kỷ niệm 60 năm chiến thắng Đắk Pơ, chắc chắn sẽ có những hoạt động xứng tầm để kỷ niệm.

ĐẮK PƠ MỘT CHIỀU RẤT LẠ...

VĂN CÔNG HÙNG

Các cựu binh của trung đoàn 96 xưa, giờ người còn người mất, nhưng họ đều có tâm nguyện là muốn có một khu di tích hoành tráng. Nó không chỉ là nơi giáo dục truyền thống cho thế hệ hôm nay, mà còn phần nào làm mát lòng 147 liệt sĩ vẫn còn nằm đâu đó trong lòng đất Đắk Pơ, làm mát lòng cả thân nhân của các liệt sĩ đang ngày đêm trông ngóng dù không còn nhiều hy vọng tìm thấy hài cốt. Thời thì chỗ nào cũng đất mẹ, các bác các anh đã hòa xương thịt vào đất Đắk Pơ, và nhân dân, đồng đội, đồng chí vẫn sẽ mãi không quên các bác các anh...

TÀI LIỆU PHÍA BÊN KIA

Thực ra sau khi xong phần trên kia, tôi tưởng thế là đã xong một bài báo. Nhưng như một dự cảm mơ hồ nào đấy khiến tôi vẫn không yên, bèn lục tìm tài liệu để đọc. Té ra với từ khóa "GM.100, An Khê" chỉ trong vòng 30 giây, có 7220 kết quả hiện lên từ trang tìm kiếm Google. Còn nếu thay "An Khê" bằng "Mang Yang" thì cũng chỉ trong 30 giây có tới 253.000 kết quả.

Phải nói thật là, cái chiến thắng GM.100 ấy, ngay ở Gia Lai thôi, cũng ít người biết, dù nó được học khá kỹ trong môn lịch sử, bởi nó là cái kết thúc hoàn hảo kết hợp với cái The End Điện Biên Phủ lừng lừng, nó làm cho người Pháp hoàn toàn từ bỏ ý định tiếp tục dính líu tới Việt Nam. Với cú "bọc hậu" vang dội ấy, lẽ ra nó phải được nhiều người biết đến hơn, phải được đời sống ghi nhận cụ thể và sống động hơn. Lần trước về Chư Prông tôi cũng thấy địa danh Plei Me gần giống vậy. Tất nhiên nguyên nhân thì có nhiều, nhưng trong đó cũng có vai trò của người cầm bút nữa. Chạy theo các sự kiện, các đề tài hiện đại, chúng ta vô tình bỏ quên một quá khứ hào hùng sau lưng.

Và tôi cũng là người như thế nếu

không có cái hôm nhao xuống Đắk Pơ được một ngày và sau đó cả tuần đã đắm chìm trong đồng tài liệu tôi tra từ Google. Trong đồng tài liệu tôi tiếp cận, có một bài viết rất thú vị của một người từ phía bên kia- đại úy Kirk A.Luedeke, người Mỹ- viết trên tạp chí ARMOR (ARMOR Magazine)

Thì ra dư âm của chiến thắng này nó lớn hơn ta tưởng, nó trở thành một vết thương khó lành trong tâm trí những người đã trải qua nó, hoặc chỉ nghe nói về nó. Trung tướng về hưu Harold G. Moore đã tổng kết số phận G.M.100 trong cuốn sách của ông, *"We Were Soldiers Once. And Young"* như thế này: "Ngay sau khi tới VN, thượng sĩ Plumley và tôi lấy 1 chiếc jeep và 1 cảnh vệ mang shotgun lái 10 dặm về phía tây An Khê trên đường 19, vào khu vực trận địa, tới mốc cây số 15. Tại đây, Việt Minh đã tiêu diệt phần lớn liên đoàn cơ động 100 của Pháp trong 1 trận phục kích chết chóc. Chúng tôi đi bộ trên trận địa, nơi có 1 đài tưởng niệm cao 6 feet lõm vết đạn, viết bằng tiếng Việt và Pháp: "Tại đây, ngày 24/6/1954, binh sĩ Pháp và VN hy sinh vì Tổ quốc..." (Here on June 24, 1954, soldiers of France and Vietnam died for their countries). Plumley và tôi đi quanh đó trong 2 giờ. Những mảnh xương, bộ phận vũ khí và xe cộ, quân trang, đầu đạn và vỏ đạn vẫn bủa bải trên mặt đất. Từ cuộc viếng thăm này tôi rút ra được bài học: Chết là cái giá phải trả cho việc đánh giá thấp đối thủ ngoan cường này". Có lẽ đây là một nhận xét mang tính tổng kết khá sâu của chiến thắng Đắk Pơ, mà phía bên kia hay gọi là *"Trận đánh cây số 15 đèo Mang Yang"*. Có thể nói nếu không có chiến thắng Đắk Pơ, Hội nghị Giơ-ne-vơ còn giậm chân tại chỗ, cuộc kháng chiến chống Pháp chưa thể dứt điểm, quân và dân ta còn phải hy sinh nhiều xương máu. Chiến thắng Đắk Pơ

có quy mô, tầm vóc lịch sử, ý nghĩa chiến lược quan trọng, các nhà quân sự cho rằng, nó chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, nhưng bao năm qua rõ ràng đã ít được chúng ta nói đến...

Kirk A.Luedeke viết: "Đội ngũ lãnh đạo của G.M.100 rất mạnh, bao gồm các sĩ quan tận tụy và dày dạn không lạ lẫm gì với cuộc chiến ở Việt Nam. Có lẽ đây là một sự tưởng thưởng cho họ - những trung sĩ, trung úy, đại úy và thiếu tá của liên đoàn - là nhiều binh sĩ đã sống sót qua cuộc phục kích đẫm máu ở cây số 15... Chỉ trong 4 phút, trung đội thiết giáp đã bị tiêu diệt. Cả 3 xe half track và 1 xe M8 bốc cháy. Chiếc M8 còn lại, mặc dù bị bất động, vẫn phát hiện được ổ súng máy của đối phương đang chặn đoàn xe Pháp trên đường và bắn tung nó bằng một loạt đạn liên thanh. Lúc 14h25, xe thông tin của G.M.100 trúng một phát đạn bắn trực tiếp từ khẩu không giật 57mm của đối phương và nổ tung trong một quả cầu lửa. Tất cả những ai có thể giải thích vì sao tiểu đoàn thuộc địa 43 không được cảnh báo về sự hiện diện của Việt Minh đều chết một cách đau đớn. Ra đi cùng với chiếc xe là khả năng chỉ huy và điều khiển đoàn xe của đại tá Barrow cũng không còn. Tiểu đoàn 43 và đại đội chỉ huy đều đang tự lực chiến đấu vì sự sống còn. Hỗn loạn bao trùm..."

Bây giờ chả cứ các liệt sĩ của ta, rất nhiều binh lính Pháp, Âu Phi và lính Pháp người Việt cũng đang nằm cùng nhau ở cây số 15 đèo Mang Yang ấy.

Kirk A.Luedeke viết tiếp: "Những người lính của G.M.100 là những binh sĩ tốt nhất của quân đội Pháp. Họ đã "đổi mặt với voi" trong nhiều thời điểm trên các cao nguyên của Việt Nam năm trước và nằm trong số những binh sĩ chuyên nghiệp, có kinh nghiệm nhất trên thế giới. Tiểu đoàn 1 và 2 Triều Tiên đã giành chiến thắng vinh quang ở Chipyong-Ni và Arrowhead Ridge nhiều năm trước và rất tự hào về điều đó. Nhưng, như các cựu binh sớm nhận ra, "Indochine no est Coree". Việt Nam (đúng ra phải là Đông Dương) không phải là Triều Tiên. G.M.100 chết ở cây số 15 vì một loạt những sai lầm đã dẫn tới một trận đánh mà họ không có cơ hội chiến thắng. Quyết định sai lầm của các chỉ huy cấp cao làm mất mạng rất nhiều binh sĩ, trong khi sự chỉ huy nổi bật ở cấp dưới đã cứu nhiều người. Đó là chiến tranh..."

Rõ ràng là người của "phía bên kia" từ tướng lĩnh cao cấp tới binh sĩ đã rất đề cao và ám ảnh với trận đánh "cây số 15" này. Thế nhưng như đã nói ở trên, những gì đang hiện diện tại Đắk Pơ hiện nay, có thể nói là quá sơ sài. Anh bạn tôi chụp được bức ảnh cái bảng tên của tượng đài bị bong, và bên trong khuôn viên, cỏ mọc khá nhiều, dân mang cả sắn vào phơi. Tuy vậy ở lư hương, có khá nhiều chân nhang cả mới và cũ. Và trên mái nhà bia, rất nhiều hương để sẵn. Nó chứng tỏ vẫn thường xuyên có nhiều người ghé đến viếng tượng đài, thấp hươu cho các liệt sĩ đang yên nghỉ ở đây. Suốt 60 năm rồi, các liệt sĩ vẫn đồng hành cùng chúng ta, một cách âm thầm và lặng lẽ...

Và vì thế, mà tôi hy vọng, cũng như hy vọng của lãnh đạo huyện Đắk Pơ: Nơi đây sẽ có một đài tưởng niệm xứng tầm, một khu di tích xứng tầm. Vừa là tỏ lòng biết ơn của người hôm nay đối với chiến thắng lừng lừng này, với các liệt sĩ đang lặng lẽ trong lòng đất, vừa là một điểm nhấn văn hóa - lịch sử của huyện Đắk Pơ vừa tách ra đang rất nghèo này...

Từ sáng đến trưa nắng chang chang, khi chúng tôi vào thấp hươu tại đài tưởng niệm thì trời mù mịt gió, và mưa, trong khi trời vẫn nắng. Anh bạn đi cùng là một cựu chiến binh thì thào: đồng đội về đây. Bỏ hương trong tay anh hoa lên trời thành một vòng tròn rồi cháy bùng bùng...■





XỔ SỐ KIẾN THIẾT MIỀN BẮC

VÉ 10.000 đ - 15 KÝ HIỆU

Hàng ngày, Hội đồng Xổ số kiến thiết Miền Bắc tổ chức phát hành 15 ký hiệu vé 10.000 đ

MỞ THƯỜNG VÀO TẤT CẢ CÁC NGÀY TRONG TUẦN

CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG NHƯ SAU

Tổng số có: 81.150 giải thưởng

BỘ GIẢI ĐẶC BIỆT

Mỗi giải 200 Triệu đồng

3 TỶ ĐỒNG



15.000 GIẢI KHUYẾN KHÍCH CỦA GIẢI ĐẶC BIỆT - MỖI GIẢI 40.000 Đ

Cho các vé có 2 số cuối (Hàng chục, hàng đơn vị) trùng với 2 số cuối của Giải Đặc biệt

BỘ GIẢI NHẤT: 300 TRIỆU ĐỒNG

MỖI GIẢI 20 TRIỆU ĐỒNG

Quay 1 lần 5 số

30 GIẢI NHÌ	- Mỗi giải 5.000.000 đ	(Quay 2 lần 5 số)
90 GIẢI BA	- Mỗi giải 2.000.000 đ	(Quay 6 lần 5 số)
600 GIẢI TƯ	- Mỗi giải 400.000 đ	(Quay 4 lần 4 số)
900 GIẢI NĂM	- Mỗi giải 200.000 đ	(Quay 6 lần 4 số)
4.500 GIẢI SÁU	- Mỗi giải 100.000 đ	(Quay 3 lần 3 số)
60.000 GIẢI BẢY	- Mỗi giải 40.000 đ	(Quay 4 lần 2 số)

Vé trùng nhiều giải được lĩnh đủ giá trị các giải

Đồng thời, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ Đô phát hành các loại hình:

- **LÔ TÔ 2 SỐ, 3 SỐ, 4 SỐ**
- **LÔ TÔ TỰ CHỌN CÁC CẶP SỐ**
- **ĐẶC BIỆT, XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN:**

- Có hầu hết các loại hình xổ số
- Xổ số Điện toán 1-2-3 và 6x36 có cơ hội trúng thưởng 6 tỷ đồng
- Có thể tự do lựa chọn số

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ

Soạn tắt:

XS gửi đến 8297

HOẶC 8197, HOẶC 8597, HOẶC 8797

Chúc Các bạn May mắn !

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ**

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM TIẾP NHÀ THƠ HÀN QUỐC KIM KWANG KYU

Sáng ngày 23 tháng 10 năm 2013, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều – Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam cùng Ban lãnh đạo NXB Hội Nhà văn có buổi làm việc với nhà thơ Hàn Quốc Kim Kwang Kyu tại trụ sở Hội. Đây là lần đầu tiên nhà thơ Kim Kwang Kyu đến Việt Nam, mặc dù thơ của ông đã được bạn đọc Việt Nam đón đọc cách đây hơn 10 năm (qua bản dịch của dịch giả Lê Đăng Hoan – dịch từ tiếng Hàn Quốc và nhà thơ Nguyễn Quang Thiều – dịch từ bản tiếng Anh).

Tại buổi làm việc, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đã phát biểu: "Người Việt Nam luôn có những tình cảm đặc biệt đối với thi ca, vì vậy có thể nói những bài thơ của nhà thơ Kim Kwang Kyu dịch sang tiếng Việt giống như những con cá trở về đại dương. Những con cá đó có một



Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều - Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam tiếp nhà thơ Hàn Quốc Kim Kwang Kyu

đời sống riêng biệt trên đất nước này."

Nhà thơ Kim Kwang Kyu bày tỏ sự xúc động trước tình cảm của Hội Nhà văn cũng như các độc giả Việt Nam thời gian qua đã dành nhiều sự ưu ái cho những bài thơ của ông: "Tôi đã từng đến nhiều nước và nhận thấy công việc phát hành thơ rất khó khăn, nhưng ở Việt Nam tình yêu dành cho thơ ca rất lớn. Tôi nghĩ những người yêu thơ đều hiền lành và lương thiện, đây là một dấu hiệu rất tốt đối với xã hội."

PHONG LAN

DỊCH GIẢ DƯƠNG TẮT TỪ NHẬN KỶ NIỆM CHƯƠNG CỦA CỘNG HÒA SÉC

Nhân dịp Quốc khánh Nhà nước Cộng hòa Séc, ngày 28 tháng 10 năm 2013, tại Hà Nội, Đại sứ quán cộng hòa Séc tại Việt Nam đã tổ chức Lễ kỷ niệm Quốc khánh long trọng, đồng thời làm lễ trao Kỷ niệm chương cho nhà văn dịch giả Dương Tất Từ. Đến dự buổi lễ, có bà Miluse Horska- Phó Chủ tịch Thượng viện Quốc hội Cộng hòa Séc, ngài Martin Klepetko- Đại sứ Cộng hòa Séc tại Việt Nam, cùng đông đảo quan khách ngoại giao trong và ngoài nước.

Bà Miluse Horska đã đánh giá cao thành tích của dịch giả Dương Tất Từ, bao năm qua đã tập trung dịch nhiều tác phẩm văn học có giá trị của Cộng hòa Séc cho bạn đọc Việt Nam. Ông được coi là chiếc cầu nối liên văn hóa giữa hai nước.

Trong diễn từ đọc tại buổi lễ, dịch giả Dương Tất Từ có nói "Việc trao kỷ niệm chương là một vinh dự lớn không riêng đối với tôi, mà còn đối với tất cả bạn đọc Việt Nam và đặc biệt với các nhà văn Việt nam. Chúng tôi yêu văn hóa Séc, văn học Séc và qua các bản dịch của mình, chúng tôi muốn bạn đọc Việt Nam có điều kiện tìm hiểu những tinh hoa, vẻ đẹp và sự phong phú trong tâm hồn Séc".

TỬ TRANG



Từ phải qua trái: Ngài Đại sứ CH Séc, bà Miluse Horska, Phó chủ tịch Thượng viện; dịch giả Dương Tất Từ, đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam tại buổi lễ. Ảnh: MẠNH DŨNG

ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

Trong hai ngày 26 và 27 tháng 10 năm 2013, tại TP. Thái Nguyên, Hội VHNT Thái Nguyên đã tổ chức Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 2013 – 2018). Hơn 200 hội viên Hội VHNT Thái Nguyên đang sinh hoạt tại các Chi hội trực thuộc đã đến dự.

Đại hội đã tiến hành bầu cử BCH và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ 2013 – 2018; Sáng ngày 27 tháng 10, kết quả bầu BCH và các chức danh của Hội đã được công bố. Theo đó, Ban lãnh đạo Hội VHNT Thái Nguyên khóa VI gồm các đồng chí: Triệu Văn Doanh – Chủ tịch Hội; Nguyễn Thúy Quỳnh – Phó Chủ tịch Hội chuyên trách; Ngô Đình Thành – Phó Chủ tịch Hội kiêm nhiệm; và 17 đồng chí được bầu vào BCH Hội khóa VI.

Trong lời phát biểu trước Đại hội, ông Triệu Văn Doanh khẳng định: "Nhiệm kỳ 2013 – 2018, không khí đổi mới của đất nước đã và sẽ là nguồn cảm hứng vô tận để anh chị em văn nghệ sỹ tiếp tục tìm tòi, sáng tạo và chắc chắn sẽ tiếp tục có những đóng góp quan trọng đối với công cuộc đổi mới của quê hương, đất nước."

PHONG LAN

THỂ LỆ CUỘC THI VIẾT

"TỰ HÀO NÔNG DÂN VIỆT NAM" TRÊN BÁO NÔNG THÔN NGÀY NAY

1. Nội dung

Tập trung tuyên truyền và viết về gương những nông dân năng động, sáng tạo trong cơ chế thị trường; dám nghĩ, dám làm, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực vốn, lao động, đất đai... Đặc biệt là những nông dân, hội viên nông dân mới, tiêu biểu nhằm đề cử danh hiệu Nông dân xuất sắc tại cuộc bình chọn Tự hào nông dân Việt Nam năm 2014.

Phát hiện và viết về những nông dân mạnh dạn ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, áp dụng mô hình sản xuất gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hoá; đi đầu trong việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất thực phẩm sạch gắn với bảo vệ môi trường nông thôn và tích cực vận động mọi người cùng thực hiện.

Viết về những nông dân tích cực hướng dẫn, phổ biến kinh nghiệm sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học

kỹ thuật, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn. Những nông dân có phát minh, sáng chế mới giúp ích cho việc sản xuất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

Phát hiện và viết về gương những nông dân hàng hái tham gia các hoạt động xã hội, có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong sản xuất, kinh doanh để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống; giúp đỡ những hộ nghèo, hộ chính sách, hộ gặp hoàn cảnh khó khăn hoạn nạn ở địa phương vượt qua nghèo khó vươn lên.

Gương những nông dân nổi bật trong việc hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, tích cực trong hợp tác quốc tế, giao lưu, học hỏi với nông dân quốc tế.

Gương về những doanh nhân nông thôn (là hội viên nông dân các cấp) có những cách làm hay, mô hình tốt để liên kết sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm...

2. Điều kiện tác phẩm dự thi

Cuộc thi được tổ chức dưới dạng thi viết với các thể loại Phóng sự - Ghi chép về những nhân vật có thật, những người nông dân tiêu biểu (như ở phần nội dung cuộc thi).

Yêu cầu bài viết phải đảm bảo tiêu chí của một tác phẩm báo chí, ngắn gọn, súc tích. Dung lượng tối đa mỗi bài viết 2.000 chữ + 3 ảnh.

Tác phẩm dự thi có thể là một tác phẩm (bài) viết về chân dung một con người cụ thể hoặc một tập thể những nông dân cụ thể.

Tác phẩm dự thi phải được gửi lần đầu tới Báo NTNN, chưa từng được đăng hoặc phát sóng trên các phương tiện truyền thông, ấn phẩm báo chí khác.

3. Đối tượng dự thi

Cuộc thi dành cho tất cả các tác giả chuyên và không chuyên, cùng đội ngũ phóng viên, biên tập viên, bạn đọc, nhà quản lý, nhà khoa học, người nông dân trong và ngoài nước.

4. Cơ cấu giải thưởng

Một giải Nhất trị giá 20 triệu đồng. Hai giải Nhì, mỗi giải trị giá 10 triệu đồng.

Ba giải 3, mỗi giải trị giá 7 triệu đồng.

Năm giải Khuyến khích, mỗi giải trị giá 3 triệu đồng.

5. Thời gian và địa chỉ nhận tác phẩm

Dự kiến cuộc thi sẽ diễn ra trong vòng 1 năm (từ tháng 10.2013 đến tháng 10.2014): Thời gian nhận tác phẩm: Từ đầu tháng 10.2013.

Thời gian trao giải: Khoảng tháng 10.2014 trước khi diễn ra Chương trình "Tự hào nông dân Việt Nam" năm 2014.

Địa chỉ nhận bài dự thi: Báo Nông Thôn Ngày Nay, 13 Thụy Khuê, Hà Nội. Email: ntnnvn@gmail.com (ghi rõ: Bài dự thi Cuộc thi viết "Tự hào nông dân Việt Nam"; trong thư và e-mail ghi số điện thoại, địa chỉ để Ban Tổ chức có thể liên hệ với tác giả).

BAN TỔ CHỨC

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập: KHUẤT QUANG THUY ● Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội, ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhv@gmail.com; vanhocnuocngoai@gmail.com; bannghehuatvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, TP Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.